**CHƯƠNG 1. TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ**

**Bài 1. LỊCH SỬ LÀ GÌ**

(… tiết)

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Khái niệm lịch sử.

- Vai trò của môn Lịch sử trong cuộc sống.

***2. Về năng lực:***

- Nêu được khái niệm lịch sử và môn lịch sử.

- Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.

- Lí giải được vì sao cần học lịch sử.

***3. Về phẩm chất:***

- Tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  **GV:** Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.  **HS** quan sát hình ảnh, làm việc nhóm để trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm:** - HS chỉ ra được sự thay đổi về thời gian của máy tính và tiền VN và sự thay đổi đó gọi là lịch sử.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chiếu hình ảnh về sự thay đổi của CNTT máy tính, của đồng tiền VN và đặt câu hỏi:    ? Em hãy chỉ ra sự thay đổi theo thời gian của máy tính điện tử, của đồng tiền VN. ? Theo em sự thay đổi theo thời gian như vậy được hiểu là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.  **HS:** Quan sát, phân tích hình ảnh và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. LỊCH SỬ VÀ MÔN LỊCH SỬ** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được khái niêm lịch sử và bộ môn lịch sử.  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**:  - HS đặt được một số câu hỏi về bức hình 1.1 (có từ bao giờ? Ở đâu?)  - Đó là câu hỏi hỏi về quá khứ của bức hình (đã diễn ra).  - Trình bày được khái niệm về lịch sử và bộ môn lịch sử.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chiếu hình 1.1 trong SGK và đặt câu hỏi:  ? Em hãy quan sát và cho biết nội dung bức hình 1.1?  ? Em sẽ đặt những câu hỏi nào để tìm hiểu về hình 1.1?    ? Những câu hỏi đó hỏi về thời điểm nào của bức hình?  ? Tìm hiểu về quá khứ chính là tìm hiểu về lịch sử, vậy em hiểu thế nào là lịch sử? Nêu một vài ví dụ cụ thể?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS:  Khi đặt câu hỏi về bức hình 1.1 trong SGK, em nên hỏi về quá khứ hay hiện tại của bức hình?  **HS:**  - Quan sát hình 1.1 và trả lời câu hỏi.  - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh hoạ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | | - *Lịch sử* là tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ, bao gồm mọi hoạt động của con người từ khi xuất hiện đến nay.  - *Môn lịch sử* là môn khoa học tìm hiểu về lịch sử loài người, bao gồm toàn bộ hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ. |
| **II. VÌ SAO PHẢI HỌC LỊCH SỬ** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS giải thích được vì sao cần phải học lịch sử?  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  ? Có ý kiến cho rằng “Lịch sử là những cái đã qua, không thể thay đổi được nên không cần thiết phải học môn lịch sử”, em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?  - Trình chiếu câu nói của bác Hồ và hỏi:  ? Em hiểu thế nào về 2 từ “gốc tích” trong câu nói của Hồ Chủ Tịch? Nêu ý nghĩa câu thơ đó?  ? Tại sao ngày giỗ tổ Hùng Vương (10/3) là ngày lễ lớn của dân tộc Việt Nam?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | | - Học lịch để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước, hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước như ngày nay.  - Học lịch sử để đúc kết những bài học kinh nghiêm của quá khứ nhằm phục vụ cho hiện tại và tương lai. |
| **III. KHÁM PHÁ QUÁ KHỨ TỪ NHỮNG NGUỒN SỬ LIỆU** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***\* Vòng chuyên sâu (7 phút)***  - Chia lớp ra làm 4 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4…  - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ:  **Nhóm 1**: Tìm hiểu về tư liệu hiện vật.  **Nhóm 2**: Tìm hiểu về tư liệu chữ viết.  **Nhóm 3**: Tìm hiểu về tư liệu truyền miệng.  **Nhóm 4**: Tìm hiểu về tư liệu gốc.  ***\* Vòng mảnh ghép (8 phút)***  **-** Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III… mới & giao nhiệm vụ mới:  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?  2. Nêu vai trò của các nguồn tư liệu trong việc tìm hiểu lịch sử?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  ***\* Vòng chuyên sâu***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (7 phút)***  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang phần Luyện tập. | **1. Tư liệu hiện vật**  - Là những di tích, đồ vật của người xưa còn giữ lại.  VD:    Ngói úp ở Hoàng Thành    Đồ đồng  **2. Tư liệu chữ viết**  - Là những bản ghi, tài liệu chép tay hay sách được in, chữ được khắc trên bia đá…  **VD**:  - Các cuốn sách viết về lịch sử.    - Bia khắc chữ:    **3. Tư liệu truyền miệng**  - Là những câu chuyện dân gian: truyền thuyết, thần thoại, cổ tích… được kể từ đời này sang đời khác.  **VD**: Truyền thuyết Hồ gươm    - Truyền thuyết Thánh Gióng    **4. Tư liệu gốc**  - Là những tư liệu cung cấp thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện hoặc thời kì lịch sử đó. Đây là nguồn tư liệu đáng tin cậy nhất khi tìm hiểu lịch sử. | |

**HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

**Bài tập 1**: Tại sao phải cần thiết học lịch sử?

- Học lịch sử để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước, hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước như ngày nay.

- Học lịch sử để đúc kết những bài học kinh nghiêm của quá khứ nhằm phục vụ cho hiện tại và tương lai.

**Bài tập 2**: Căn cứ vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?

a) Tư liệu gốc

b) Tư liệu truyền miệng

c) Tư liệu chữ viết

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu các em lên trả lời câu hỏi của bài tập.

- HS trả lời.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét câu trả lời của học sinh.

- Chốt đáp án chuẩn của bài tập.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS chỉ ra được lịch sử của trường học, của ngôi làng, của di tích đền thờ… nơi mình sinh sống).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Em hãy lấy một vài ví dụ về lịch sử ở nơi em sinh sống.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Bài 2. THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ**

(… tiết)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:*** Một số khái niệm về thời gian trong việc học lịch sử (thế kỉ, thập kỉ, thiên niên kỉ, trước công nguyên, sau công nguyên, công nguyên…).

***2. Về năng lực:***

- Biết cách tính thời gian trong lịch sử.

- Hiểu được vì sao phải tính thời gian trong lịch sử.

***3. Về phẩm chất:***

- Trung thực trong tìm hiểu, học tập lịch sử.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  **GV** trình chiếu hình ảnh, đặt câu hỏi.  **HS** quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** - HS gọi tên được hình ảnh đó là các loại đồng hồ (nếu chỉ được tên cụ thể thì càng tốt) dùng để tính thời gian.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chiếu hình ảnh về hình đồng hồ và hỏi HS:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  |   ? Em hãy nêu tên của vật dụng trong những bức tranh? Những vật dụng này dùng để làm gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.  **HS:** Quan sát hình ảnh và trả lời.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trả lời câu hỏi.  - Các em còn lại theo dõi bạn trả lời và nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV và theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. ÂM LỊCH, DƯƠNG LỊCH** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS hiểu được vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử?  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Người xưa đã sáng tạo ra lịch dựa trên cơ sở nào?  ? Câu đồng dao trong tư liệu 2.1 thể hiện cách tính của người xưa theo âm lịch hay dương lịch?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời  **HS:**  - Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.  - Suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | | - Người xưa đã làm ra lịch:  + Âm lịch: được tính theo chu kì chuyển động của mặt trăng quay quanh trái đất.  + Dương lịch: được tính theo chu kì chuyển động của trái đất quay quanh mặt trời (còn gọi là công lịch). |
| **II. CÁCH TÍNH THỜI GIAN** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS giải thích được vì sao cần phải học lịch sử?  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  ? Hãy cho biết cách tính thời gian trong lịch sử ?  ? Từ đó em hãy lấy một ví dụ để tính thời gian trong lịch sử?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | - Lịch chính thức của thế giới hiện nay dựa theo cách tính thời gian của dương lịch hay còn gọi là công lịch.  - Công lịch lấy năm 1 là năm tương truyền chúa Giê-xu ra đời  *Chúa Giê-xu ra đời*  TCN **1** SCN    (+) CN ( - )  + thập kỉ: 10 năm  + thế kỉ (100 năm)  + thiên niên kỉ (1000 năm).  - Ở Việt Nam, Công lịch được dùng trong các cơ quan nhà nước, tuy nhiên âm lịch vẫn được dùng cho văn hoá và tâm linh, bởi vậy trên tờ lịch đều ghi rõ 2 ÂL và DL. | |

**HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Muốn biết năm 2000 TCN cách ta bao nhiêu năm thì em tính như thế nào?

2021 + 2000 = 4021 năm

Bài tập 2: Muốn biết năm 1230 SCN cách 2021 bao nhiêu năm thì ta tính thế nào?

2021 – 1230 = 791 năm

🡪 Muốn biết năm TCN cách hiện tại thì làm phép cộng, muốn biết SCN cách hiện tại ta làm phép trừ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS chỉ ra được lịch sử của trường học, của ngôi làng, của di tích đền thờ… nơi mình sinh sống).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Em hãy tìm hiểu năm xây dựng của công trình trình kiến trúc ở nơi em đang sinh sống hoặc một di chỉ lịch sử mà em biết và tính niên đại của nó?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

# **BÀI 3: XÃ HỘI NGUYÊN THỦY**

***(… tiết)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ, yêu cầu cần đạt**

Thông qua bài học, HS nắm được:

* Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thuỷ.
* Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ.
* Vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của con người và xã hội loài người thời nguyên thuỷ.

**2. Năng lực**

Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

Năng lực riêng:

- Phân biệt được rìu tay với hòn đá tự nhiên.

- Giả định trải nghiệm cách sử dụng công cụ lao động.

- Sử dụng kiến thức về vai trò của lao động đối với sự tiến triển của xã hội loài người thời nguyên thuỷ để liên hệ với vai trò của lao động đối với bản thân, gia đình và xã hội.

-Vận dụng được kiến thức trong bài học để tìm hiểu một nội dung lịch sử thể hiện trong nghệ thuật minh họa.

**3. Phẩm chất**

- Ý thức được tầm quan trọng của lao động với bản thân và xã hội.

- Ý thức bảo vệ rừng.

- Biết ơn con người thời xa xưa đã phát minh ra lửa, lương thực,..

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGV, SHS Lịch sử và Địa lí 6.
* Một số tranh ảnh về công cụ, đồ trang sức, ... của người nguyên thuỷ.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

* SHS Lịch sử và Địa lí 6.
* Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi:* Nếu cuộc sống hiện đại biến mất, không có điện, không có ti vi, không có phương tiện để di chuyển,...em sẽ sinh sống như thế nào? Đời sống của em lúc này có giống với đời sống của người nguyên thủy hay không?

*- HS tiếp nhận nhiệm và trả lời câu hỏi:* Đời sống của em lúc này có những điểm giống với đời sống của người nguyên thủy.

*- GV dẫn dắt vấn đề:* Phần lớn thời kì nguyên thuỷ, con người có cuộc sống lệ thuộc vào tự nhiên. Có những điều tưởng chứng thật đơn giản với chúng ta ngày nay như dùng lửa để nấu chín thức ăn, chế tạo các công cụ, thuần dưỡng động vật,... nhưng với người nguyên thu thực sự đó là những bước tiến lớn trong đời sống. Để tìm hiểu rõ hơn về cuộc sống của người nguyên thủy xa xưa, chúng ta cùng vào bài học này hôm nay - Bài 4: Xã hội nguyên thủy.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS hiểu được xã hội nguyên thủy trải qua hai giai đoạn: bầy người nguyên thủy, công xã thị tộc; loài người phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, con người ăn chung, ở chung và giúp đỡ lẫn nhau.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  **-** GV yêu cầu HS đọc thông tin mục I và quan sát Sơ đồ 4.1 SHS trang 21, trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết:  + Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào? Đặc điểm của những giai đoạn đó là gì?  + Đặc điểm căn bản trong quan hệ của con người với nhau thời kì nguyên thủy?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **1. Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy**  - Xã hội nguyên thủy đã trải qua 2 giai đoạn phát triển:  + Bầy người nguyên thủy:  Gồm vài gia đình sinh sống cùng nhau.  Có sự phân công lao động giữa nam và nữ.  + Công xã thị tộc:  Gồm các gia đình có quan hệ huyết thống sinh sống cùng nhau.  Đứng đầu là tộc trưởng.  Nhiều thị tộc sống cạnh nhau, có quan hệ họ hàng, gắn bó với nhau hợp thành bộ lạc.  - Đặc điểm căn bản trong quan hệ của con người với nhau thời kì nguyên thủy: con người ăn chung, ở chung và giúp đỡ lẫn nhau. |

**Hoạt động 2: Đời sống vật chất của người nguyên thủy**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS hiểu người nguyên thủy: biết mài đá để tạo ra công cụ lao động, người tinh khôn sử dụng lao cung tên, cơ thể dần thích nghi với những tư thế lao động; hái lượm, săn bắt, trồng trọt, chăn nuôi, thuần dưỡng động vật; chuyển dần sang đời sống định cư, địa bàn cư trú được mở rộng.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_2.png**-** GV giới thiệu kiến thức: Thời kì nguyên thuỷ bắt đầu cùng với sự phát triển của những công cụ lao động bằng đá nên còn được gọi là thời kì đồ đá. Công cụ lao động là bằng chứng lịch sử, cơ sở để chúng ta tái hiện và hiểu được vai trò của lao động trong xã hội nguyên thuỷ.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, quan sát Hình 4.2, 4.4, 4.6 SHS trang 22,23 và trả lời câu hỏi: Làm thế nào chúng ta có thể nhận biết được hòn đá trong tự nhiên và hòn đá được chế tác?  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_4.pngC:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_3.png  GV yêu cầu HS đọc nội dung mục I.1 và trả lời câu hỏi:  + Công cụ đá phát triển như thế nào?  + Lao động có vai trò như thế nào trong quá trình tiến hóa của người nguyên thủy?  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_8.png + Quan sát Hình 4.7, em có động ý với ý kiến: Bức vẽ trong hang La-xcô (Lascawx) mô tả những con vật là đối tượng săn bắt của người nguyên thuỷ khi họ đã có cung tên. Tại sao?  - GV yêu cầu HS đọc mục Em có biết SHS trang 23 để biết những hình ảnh động vật có niên đại khoảng 15.000 năm TCN tạo nước Pháp.  - GV yêu cầu HS đọc nội dung mục I.2, quan sát Hình 4.8 và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết những nét chính về đời sống của người nguyên thủy ở Việt Nam (cách thức lao động, vai trò của lửa trong đời C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_9.pngsống lao động)?  - GV giới thiệu kiến thức: Qua hái lượm, người nguyên thuỷ phát hiện những hạt ngõ cốc, những loại rau quả có thế trồng được. Từ săn bát, họ dần phát hiện những con vật có thể thuần dưỡng và chăn nuôi.  - GV giải thích thuần dưỡng là Nuôi động vật hoang dại và dạy cho chúng mất hoặc giảm tính hung dữ , để cả loài hoặc một số con có thể sống gần người, hoạt động theo ý muốn của người sử dụng chúng vào mục đích lao động hay giải trí của mình (ở đây người nguyên thủy sử dụng các con vật với mục đích chăn nuôi).  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 4.9 và trả lời câu hỏi: Những chi tiết nào trong Hình 4.9 thể hiện con người đã biết thuần dưỡng động vật?  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_11.png  - Để mở rộng kiến thức, GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi: Trong bức vẽ trên vách hang Hình 4.9, miêu tả đời sống định cư của người nguyên thuỷ với hình ảnh rõ nhất là cảnh những con người đang cưỡi trên lưng thú và nhiều gia súc. Điều đó chứng tỏ Sahara là vùng đất chứng kiến con người định cư, sinh sống, thuần dưỡng và chăn nuôi từ 10 000 năm trước. Vậy vào thời điểm đó, Sahara có phải là vùng đất sa mạc không? Điều này gợi cho em suy nghĩ gì?  - GV giới thiệu kiến thức: Cùng với việc thuần dưỡng động vật, người nguyên thuỷ đã dần chuyển sang định cụ, địa bàn cư trú cũng được mở rộng.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy những dấu vết, dấu tích gì của nguyên thủy, những dấu tích đó ở đâu tại Việt Nam?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **2. Đời sống vật chất của người nguyên thủy**  ***a. Lao động và công cụ lao động***  - Chúng ta có thể nhận biết được hòn đá trong tự nhiên và hòn đá được chế tác: ban đầu người nguyên thuỷ chỉ biết sử dụng những mẩu đá vừa vặn cầm tay để làm công cụ. Dấu vết của sự chế tác chỉ rõ từ khi có người đứng thẳng. Những hòn đá được chế tác (có vết ghè đá ở một hoặc cả hai mặt) sớm nhất có niên đại cách ngày nay khoảng 1, 4 triệu năm (Hình 4.2).  - Sự phát triển của công cụ đá: Từ công cụ thô sơ như rìu cầm tay hay mảnh tước (dùng để cắt gọt) dần dần họ biết dùng bàn mài để mài lưỡi rìu, họ cũng biết sử dụng cung tên trong săn bắt động vật.  - Vai trò của lao động trong quá trình tiến hóa của người nguyên thủy: Nhờ lao động và cải tiến công cụ lao động, đôi bàn tay của người nguyên thủy dần trở nên khéo léo hơn, cơ thể cũng dần biến đổi để thích ứng với các tư thế lao động. Nhờ có lao động, con người đã từng bước tự cải biển và hoàn thiện mình.  - Đồng ý với ý kiến Bức vẽ trong hang La-xcô (Lascawx) mô tả những con vật là đối tượng săn bắt của người nguyên thuỷ khi họ đã có cung tên. Khi người nguyên thủy có cung tên, họ đã săn bắt những con vật chạy nhanh như hươu, nai, ngựa. Vì vậy, những con vật này đã xuất hiện trong những bức vẽ của họ.  ***b. Từ hái lượm, săn bắt đến trồng trọt, chăn nuôi***  - Những nét chính về đời sống nguyên thủy ở Việt Nam:  + Người nguyên thủy sống lệ thuộc vào tự nhiên. Họ di chuyển đến những khu rừng để tìm kiếm thức ăn. Phụ nữ và trẻ em hái lượm các loại quả. Đàn ông săn bắt thú rừng.  + Người nguyên thủy sử dụng lửa để sưởi ấm và nướng thức ăn.  - Những chi tiết trong Hình 4.9 thể hiện con người đã biết thuần dưỡng động vật:  + Hình ảnh con người cưỡi trên lưng thú và nhiều gia súc như bò, dê.  + Hình ảnh con người và động vật sống gần nhau.  - Sahara từng là vùng đất màu mỡ cách ngày nay 10 000 năm, nhưng ngày nay là một sa mạc lớn trên thế giới, không thuận tiện cho con người sinh sống. Những dấu vết để lại từ 10 000 năm trước qua những bức vẽ còn lại trong hang đá cảnh báo chúng ta về biến đổi khí hậu, nên chúng ta phải có trách nhiệm với thiên nhiên, môi trường sống.  - Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy dấu vết những hạt thóc, vỏ trấu, hạt gạo cháy, có cả bàn nghiền hạt và chày. Những dấu tích của họ ở nhiều vùng khác nhau như Bàu Tró (Quảng Bình), Cái Bèo, Hạ Long (Quảng Ninh), Quỳnh Văn (Nghệ An). |

**Hoạt động 3: Đời sống tinh thần của người nguyên thủy**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS hiểu người nguyên thủy có tục chôn cất người chết, sử dụng đồ trang sức, biết dùng màu; biết quan sát cuộc sống xung quanh và thể hiện ra bằng hình ảnh.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_16.pngC:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_15.png**-** GV yêu cầu HS đọc thông tin mục II và quan sát Hình 4.10, 4.12 và trả lời câu hỏi: Em có nhận xét gì về đời sống tinh thần của người nguyên thủy?  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_18.png- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, quan sát Hình 4.11 và cho biết: người nguyên thủy đã khắc hình gì trong hang Đồng Nội?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **3. Đời sống tinh thần của người nguyên thủy**  - Đời sống tinh thần của người nguyên thủy phong phú, tiến bố, thể hiện ở điểm:  + Đã có tục chôn cất người chết. Nhiều mộ táng có chôn theo cả công cụ lao động.  + Đã biết sử dụng đó trang sức, biết dùng màu, vẽ lên người để hoá trang hay làm đẹp.  + Đặc biệt, họ đã biết quan sát cuộc sống xung quanh và thể hiện ra bằng hình ảnh. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết .

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1phần Luyện tập SHS trang 25:* Em hãy nêu sự tiến triển về công cụ lao động, cách thức lao động của người nguyên thủy?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Sự tiến triển của người nguyên thủy về:

+ Công cụ lao động: công cụ ghè đẽo (rìu cầm tay), công cụ rìu mài lưỡi, rìu có tra cán, cung tên.

+ Cách thức lao động: săn bắt hái lượm, trồng trọt, chăn nuôi.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

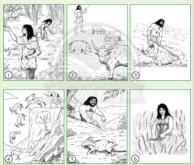
**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3,4 phần Vận dụng SHS trang 26:*

Câu 3:Theo em, lao động có vai trò như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay?

Câu 4: Vân dụng kiến thức trong bài học, em hãy sắp xắp các bức vẽ minh họa đời sống lao động của người nguyên thuỷ bên dưới theo hai chủ đề:

Chủ đề 1 - Cách thức lao động của Người tối cổ.

Chủ đề 2 - Cách thức lao động của Người tinh khôn.

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

Câu 3: Theo em, lao động có vai trò vô cùng quan trọng đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay. Cụ thể là:

- Đối với bản thân: lao động để sử dụng hợp lí quỹ thời gian của mình, tự nuôi sống được chính bản thân mình, hình thành nhân cách, phát huy trí tuệ, tài năng, tạo lập nhiều mối quan hệ và tránh thói hư tật xấu…

- Đối với gia đình: lao động để giúp đỡ, đóng góp sức lực, của cải, nuôi sống... đối với những người thân trong gia đình.

- Đối với xã hội: lao động để tạo ra của cải vật chất cho xã hội.

Câu 4:

Chủ đề 1 - Cách thức lao động của Người tối cổ: Tranh 1,2,4.

Chủ đề 2 - Cách thức lao động của Người tinh khôn: Tranh 3,5,6.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI 4: XÃ HỘI NGUYÊN THỦY**

(… tiết)

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.

- Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.

- Trình bày được những nét chính về đời sống của con người thời nguyên thủy trên thế giới và ở Việt Nam.

***2. Về năng lực:***

- Năng lực hợp tác.

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng

***3. Về phẩm chất:***

- Tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  GV chiếu cho HS xem đoạn video về hội thi Thổi cơm.  **c. Sản phẩm**  Câu trả lời của nhóm Hs  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Xem đoạn video và trả lời câu hỏi sau  ? Nội dung được nói đến trong video? Ý nghĩa của nội dung ấy?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  GV: Định hướng giúp học sinh vừa xem đoạn phim vửa lựa chọn thông tin phù hợp để trả lời câu hỏi  Hs: Tập trung xem phim, trả lời câu hỏi GV đã giao.  **B3: *Báo cáo thảo luận***  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  ***B4: Kết luận, nhận định.***  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thuỷ.** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS mô tả sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thuỷ.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh (hình 4.1), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh (hình 4.1), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  **C:\Users\Administrator\Downloads\tải xuống (1).jpg**  **c. Sản phẩm:**  **\*Dự kiến sản phẩm của học sinh**  Em biết gì về thời gian tồn tại của xã hội nguyên thuỷ và các giai đoạn phát triển của thời kỳ này?  - Xã hội nguyên thuỷ kéo dài hàng triệu năm…  - Xã hội nguyên thuỷ đã trải qua những giai đoạn: Từ bầy người nguyên thuỷ chuyển lên thị tộc, bộ lạc.  NV2. Mối quan hệ của con người trong xã hội nguyên thuỷ? So với mối quan hệ của con người trong xã hội hiện đại?  Mối quan hệ của con người trong xã hội nguyên thuỷ:  + Giai đoạn bầy đàn đó là mối quan hệ giản đơn 5-7 gia đình lớn.  + Giai đoạn thị tộc là quan hệ huyết thống.  + Giai đoạn bộ lạc là mối quan hệ cộng đồng.  => Của cải chung, làm chung, hưởng thụ bằng nhau.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***Nhiệm vụ 1:***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa vào *Hình 4.1.*và kiến thức đã tìm hiểu được, em hãy cho biết về thời gian tồn tại của xã hội nguyên thuỷ và các giai đoạn phát triển của thời kỳ này?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK, thu thập thông tin.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu đại diện học sinh trình bày – tương tác với các bạn khác.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **Nhiệm vụ 2:**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Quan sát hình 4.1 và ngữ liệu SGK, hãy cho biết mối quan hệ của con người trong xã hội nguyên thuỷ là như thé nào? Có gì giống và khác với quan hệ của con người trong xã hội hiện đại?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  Trình bày ý kiến cá nhân vào phiếu học tập dưới sự hướng dẫn của Gv  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức và chuyển sang hoạt động tiếp theo | - Xã hội nguyên thuỷ kéo dài hàng triệu năm…  - Người nguyên thuỷ đã tổ chức xã hội của mình từ bầy người nguyên thuỷ chuyển lên thị tộc, bộ lạc.  - Mối quan hệ của con người trong xã hội nguyên thuỷ:  + Giai đoạn bầy đàn đó là mối quan hệ giản đơn 5-7 gia đình lớn.  + Giai đoạn thị tộc là quan hệ huyết thống.  + Giai đoạn thị tộc là mối quan hệ cộng đồng  => Của cải chung, làm chung, hưởng thụ bằng nhau. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: Đời sống của người nguyên thuỷ** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Trình bày được những nét chính về đời sống của con người thời nguyên thủy trên thế giới và ở Việt Nam.  - Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh (hình 4.2, 4.4, 4.5), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  **C:\Users\Administrator\Downloads\images (2).jpgC:\Users\Administrator\Downloads\tải xuống (2).jpgC:\Users\Administrator\Downloads\tải xuống (4).jpg**  **c. Sản phẩm:**  **\*Dự kiến sản phẩm của học sinh**  NV1: Dựa vào kiến thức tìm hiểu được, hãy nói cho mọi người biết về vai trò của lao độngtrong quá trình tiến hóa của người nguyên thủy?  1. Lao động giúp con người phát triển trí thông minh, đôi bàn tay con người cũng dần trở lên khéo léo, cơ thể cũng dần biến đổi để thích ứng với các tư thế lao động giúp con người người từng bước tự cải biển mình và cuộc sống của chính minh  NV2. Dựa vào các hình 4.2,4.4, 4.5 và thông tin bên dưới, em hãy kể tên những công cụ lao động của người nguyên thủy. Những công cụ đó được dùng để làm gì?  ? Quan sát hình 4.7, em có đồng ý với ý kiến: bức vẽ trong La-xco mô tả những con vật là đối tượng săn bắt của người nguyên thủy khi họ đã có cung tên? Tại sao?  2. Những công cụ lao động của người nguyên thủy như Rìu tay Tan-da-ni-a châu Phi, mảnh tước, rìu đá.  Công dụng của công cụ lao động: Từ rìu đá, con người đã biết chế tác thành lưỡi cuốc và đồ dùng bằng gốm để phục vụ sản xuất và sinh hoạt dễ dàng hơn. Từ việc chỉ biết săn bắt, con người dần dần biết cách chăn nuôi và trồng trọt. Từ đó giúp con người tự tạo ra được lương thực, thức ăn cần thiết để đảm bảo cuộc sống của mình.  Em đồng ý với ý kiến này bởi trong bức tranh là hình ảnh của rất nhiều những con vật chạy nhanh chính vì thế việc săn bắt chúng rất là khó. Sự ra đời của cung tên là bước đệm giúp cho con người dễ dàng săn bắt được chúng mà không một vũ khí nào thời ấy có thể dễ dàng thuận tiện giúp con người hơn là cung tên.  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***Nhiệm vụ 1:***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  ? Dựa vào kiến thức tìm hiểu được, hãy nói cho mọi người biết về vai trò của lao độngtrong quá trình tiến hóa của người nguyên thủy?  ? Dựa vào các hình 4.2,4.4, 4.5 và thông tin bên dưới, em hãy kể tên những công cụ lao động của người nguyên thủy. Những công cụ đó được dùng để làm gì?  ? Quan sát hình 4.7, em có đồng ý với ý kiến: bức vẽ trong La-xco mô tả những con vật là đối tượng săn bắt của người nguyên thủy khi họ đã có cung tên? Tại sao?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin trả lời câu hỏi hướng sự hướng dẫn của GV **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn  ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức.  ***Nhiệm vụ 2:***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  ? Quan sát hình 4.8, em hãy cho biết đời sống của người nguyên thủy ở Việt Nam ( Cách thức lao động, vai trò của lửa trong đời sống củahọ)  ? Những chi tiết nào trong hình 4.9 thể hiện con người đã biết thuần dưỡng động vật?    ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin trả lời câu hỏi hướng sự hướng dẫn của GV **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. và chuyển sang hoạt động tiếp theo. | **1. Lao động và công cụ lao động**  - Lao động giúp con người phát triển trí thông minh, đôi bàn tay dần trở nên khéo léo, cơ thể biến đổi giúp con người tự cải biển mình và cuộc sống của chính minh  - Những công cụ lao động của người nguyên thủy: Rìu tay Tan-da-ni-a châu Phi, mảnh tước, rìu đá.  Công dụng của công cụ lao động: giúp con người tự tạo ra được lương thực, thức ăn cần thiết để đảm bảo cuộc sống của mình.      **2. Từ hái lượm, săn bắt đến trồng trọt, chăn nuôi**  - Đời sống nguyên thủy  ở Việt Nam: họ sống phụ thuộc vào tự nhiên với:  - Cách thức lao động:  + hái lượm, săn bắt thú rừng  + Họ thuần dưỡng các con vật , chăn nuôi, trồng ngũ cốc, rau quả  + Họ đã biết cách sử dụng lửa để nấu chín đồ ăn, xua đuổi thú dữ, sưởi ấm,...  + Biết thuần dưỡng ngựa để di chuyển  + Săn bắt các động bật nhỏ như trâu, dê, bò,... để chăn nuôi.  + Nền nông nghiệp sơ khai cũng xuất hiện ở Việt Nam.  - Địa bàn cư trú mở rộng và chuyển sang định cư. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: Đời sống tinh thần của người nguyên thủy** | |
| **a. Mục tiêu:**  Trình bày được những nét chính về đời sống tinh thần của con người thời nguyên thủy.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát hình 4. 10, 4.11, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác hình 4. 10, 4.11, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  **C:\Users\Administrator\Downloads\images (3).jpg**  C:\Users\Administrator\Downloads\images (1).jpg    **Hình 4.10. Chân dung cô gái được**  **Chạm khắc bằng Ngà voi, 26.000**  **Năm tuổi được phát hiện ở Tây**  **nam nước Pháp ngày nay.**  **c. Sản phẩm:**  **\*Dự kiến sản phẩm của học sinh**  - Đời sống tâm linh: có tục chôn người chết…  - Nghệ thuật: tranh vẽ trong hang đá, điêu khắc trên đá, ngà voi…  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Em hãy quan sát hình 4.10, 4.11 và cho biết người nguyên thủy đã khắc hình gì trong hang Đồng Nội?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV **B3: *Báo cáo thảo luận***  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | - Đời sống tâm linh: có tục chôn người chết…  - Nghệ thuật: tranh vẽ trong hang đá, điêu khắc trên đá, ngà voi… |

**HĐ3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Hiểu biết về vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.

**b. Nội dung**

- Dựa vào kiến thức vừa tiếp thu được để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án của bài tập.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Người tối cổ | Người tinh khôn |
| Công cụ lao động | sử dụng hòn đá được ghè đẽo thô sơ | rìu đá mài lưỡi, cung tên, lao |
| Cách thức lao động | săn bắt | trồng trọt và chăn nuôi |

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS.

Bài tập 1: Em hãy nêu sự tiến triển về công cụ lao động, cách thức lao động của người nguyên thủy

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS

**HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS phát biểu cảm nhận về vai trò của lao động đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Hãy phát biểu cảm nhận của em về vai trò của lao động đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập, viét bài.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

--------------------------------------------------------

**Bài 5. SỰ CHUYỂN BIẾN TỪ XÃ HỘI NGUYÊN THỦY**

**SANG XÃ HỘI CÓ GIAI CẤP**

(… tiết)

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Quá trình phát hiện kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.

- Sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

- Sự hình thành xã hội có giai cấp.

- Sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.

- Xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)

***2. Về năng lực:***

- Trình bày được quá trình phát hiện kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.

- Giải thích được vì sao sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

- Mô tả và giải thích được sự hình thành xã hội có giai cấp.

- Sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.

- Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)

***3. Về phẩm chất:***

- Từ việc thấy được sự cải tiến không ngừng của con người trong quá trình chế tác công cụ lao động, HS luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả học tập tốt nhất.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên

* Một số tranh ảnh về cách con người sử dụng kim loại trong cuộc sống.
* Một số hình ảnh công cụ bằng đồng, sắt của người nguyên thủy trên thế giới và Việt Nam, mẩu chuyện *người băng Ốt – di.*

1. Học sinh

* Học sinh tìm hiểu về các đồ dùng kim loại được sử dụng trong cuộc sống.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Dự kiến**

Tiết 1

Mục 1. Sự xuất hiện của công cụ lao động bằng kim loại

Mục 2. Sự chuyển biến trong xã hội nguyên thủy

Tiết 2

Mục 3. Việt Nam cuối thời nguyên thủy

**HĐ 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS kết nối bài mới, xác định nội dung của bài học.  **b) Nội dung:** HS theo dõi video *Cuộc sống sẽ như thế nào nếu không có kim loại theo link sau:*  [*https://www.youtube.com/watch?v=PORwh0k3V7o*](https://www.youtube.com/watch?v=PORwh0k3V7o)  sau đó viết tiếp câu.  **c) Sản phẩm:** HS nêu được những giả thuyết nếu không có kim loại.  Gợi ý  Nếu không có kim loại thì con người quay về thời kì đồ đá.  Nếu không có kim loại thì không có nhà để ở.  Nếu không có kim loại thì không có xe để đi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS trả lời câu hỏi:  *Trong vòng 1 phút em hãy viết tiếp câu nói sau: “Nếu không có kim loại thì…”*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS viết tiếp.  **B3: Thực hiện nhiệm vụ**  Gv mời ngẫu nhiên 1 – 3 HS chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** Như vậy nếu không có kim loại xuất hiện thì con người vẫn ở thời kì đồ đá. Khi kim loại xuất hiện đời sống con người có nhiều thay đổi từ gia đình tới xã hội. Trong bài học hôm nay các em sẽ tìm hiểu về sự xuất hiện của kim loại và tác động của nó đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2. 1. Sự xuất hiện của công cụ lao động bằng kim loại. Sự chuyển biến trong xã hội nguyên thủy**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Trình bày được quá trình phát hiện kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.

- Giải thích được vì sao sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

- Mô tả và giải thích được sự hình thành xã hội có giai cấp.

- Sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.

**b) Nội dung**:

-HS quan sát H5.2 – H5.5 kết hợp đọc toàn bộ thông tin mục I, II SGK, thảo luận cặp đôi để hoàn thiện phiếu học tập trong 8 phút.

**c) Sản phẩm**: Phiếu học tập

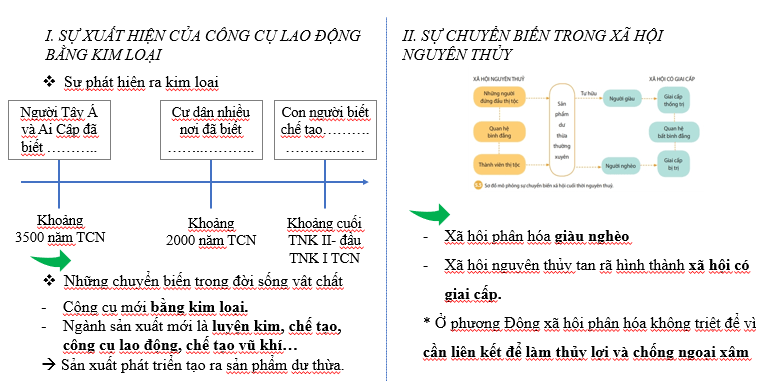
**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- HS Làm việc cá nhân 3 phút, ghi kết quả ra giấy note.

- Thảo luận cặp đôi 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập .

PHIẾU HỌC TẬP

****

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên giấy note trong thời gian 3 phút

HS chia sẻ cặp đôi trong thời gian 5 phút, kết quả trên phiếu học tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:

- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

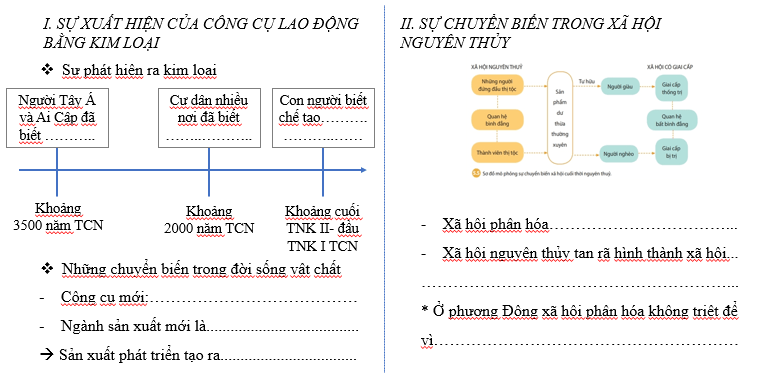
**HS:**

- Đại diện 1 cặp đôi lên bày sản phẩm.

- Các cặp khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả, hướng dẫn HS ghi chép.



GV mở rộng thêm về câu chuyện người băng Ốt – di hoặc gợi mở để học sinh nhận thấy sự không ngừng sáng tạo của con người trong quá trình lao động và sản xuất.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang nội dung Sự tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam.

**2. 2. Việt Nam cuối thời kì nguyên thủy**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)

**b) Nội dung**:

-HS quan sát H5.6 – H5.9kết hợp đọc thông tin mục III SGK, để để trả lời câu hỏi.

- HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.

**c) Sản phẩm**: câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS quan sát H5.6 – H5.9 kết hợp đọc thông tin mục III SGK, để để trả lời câu hỏi.  1.Thời đại đồ đồng ở Việt Nam bắt đầu từ khi nào? ở đâu?  2.Sự xuất hiện công cụ bằng kim loại đã có những tác động như thế nào đối với đời sống kinh tế, xã hội?  (gợi ý trên các lĩnh vực: địạ bàn cư trú, nơi tập trung dân cư, sự phát triển của nghề nông, phân hóa xã hội)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Theo dõi thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** mời 3 – 5 HS trả lời nhanh từng câu hỏi (kĩ thuật tia chớp)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | a. Sự xuất hiện kim loại  -Thời gian xuất hiện: khoảng 4000 năm trước.  - Địa điểm: Địa bàn trên khắp cả nước.  b.Sự phân hóa và tan rã của xã hội nguyên thủy  -Địa bàn cư trú mở rộng  -Nghề nông phát triển.  -Tập trung dân cư ở ven các con sông lớn.  -Sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.  🡪 Là cơ sở cho sự xuất hiện các quốc gia sơ kì đầu tiên ở Việt Nam. |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Hãy nêu những chuyển biến về kinh tế, xã hội vào cuối thời nguyên thủy, phát minh quan trọng nào của người nguyên thủy. Phát minh quan trọng nào của người nguyên thủy tạo nên những chuyển biến này?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** HS khai thác hình ảnh, tư liệu và liên hệ trong cuộc sống để hoàn thành nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập2 : Quan sát công cụ lao động và những vật dụng của người nguyên thủy giai đoạn Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun, em hãy viết 1 đoạn văn ngắn mô tả cuộc sống của họ.

Bài tập 3: Em hãy kể tên một số vật dụng bằng kim loại mà con người ngày nay vẫn thừa hưởng từ những phát minh của người nguyên thủy.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**CHƯƠNG 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI**

**Bài 6. AI CẬP CỔ ĐẠI**

**(…tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập.

- Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập.

- Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập.

**2. Năng lực**

- Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

**3. Phẩm chất**

Trân trọng những di sản của nền văn minh Ai Cập để lại cho nhân loại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phiếu học tập.

- Lược đồ Ai Cập cổ đại.

- Video về một số nội dung trong bài học (nếu có).

**2. Chuẩn bị của học sinh**

Tranh ảnh, dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ1. Mở đầu – xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:**

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Xác định được vấn đề của bài học.

**b. Nội dung:** GV chiếu cho HS xem đoạn video về Sông Nile của Ai Cập



**c. Sản phẩm**

Câu trả lời của nhóm Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Xem đoạn video và trả lời các câu hỏi sau

1. Nền văn minh nào được đề cập đến trong đoạn phim?
2. Nhân tố nào giữ vai trò quan trọng trong sự hình thành nền văn minh này?
3. Vai trò của nền văn minh này đối với nhân loại như thế nào?

***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV: Định hướng giúp học sinh vừa xem đoạn phi vửa lựa chọn thông tin phù hợp để trả lời câu hỏi

Hs: Tập trung xem phim, trả lời câu hỏi GV đã giao.

**B3: *Báo cáo thảo luận***

**GV**:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS**:

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

***B4: Kết luận, nhận định.***

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

**HĐ2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Điều kiện tự nhiên** | |
| **a. Mục tiêu:** Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh (hình 6.2, 6.3), lược đồ (hình 6.1), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh (hình 6.2, 6.3), lược đồ (hình 6.1), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (14).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (14).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (14).png  Hình 6.1.Lược đồ Ai Cập cổ đại (khoảng 3000 TCN – 30TCN)  **c. Sản phẩm:**  **\*Dự kiến sản phẩm của học sinh**  NV1.Điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên của Ai Cập cổ đại.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K | W | L | | Liệt kê những điều đã biết về điều kiện tự nhiên của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại   |  |  | | --- | --- | | Yếu tố | Ai Cập | | Vị trí | Nằm ở Đông Bắc châu Phi | | Đất đai | Đất phù sa màu mỡ | | Sông ngòi | Sông Nin | |  |  |   NV2.  1.Thuận lợi do sông Nin mang lại cho Ai Cập  -Nguồn nước dồi dào, bồi đắp phù sa 🡪 thuận lợi cho SX nông nghiệp.  -Đường giao thông 🡪 phát triển buôn bán  -Nguồn nước phục vụ sinh hoạt  2. Hình 1. Vì dòng chảy sông Nin từ Nam đền Bắc, từ thượng Ai Cập đến hạ Ai Cập và đổ ra Địa Trung Hải. thuyền đi xuôi dòng, dung sức nước, không dung buồm.  3.Tác động của ĐKTN đối với sự hình thành văn minh Ai Cập  Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà  + Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm 🡪 nền văn minh hình thành cả khi chưa có đồ sắt.  +Liên kết công xã, tạo điều kiện cho nhà nước ra đời.  +Có nhiều phát minh quan trọng phục vụ sản xuất.  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***Nhiệm vụ 1:***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa vào *Hình 6.1. Lược đồ Ai Cập cổ đại, hình 6.3* và kiến thức đã tìm hiểu được, em hãy hoàn thiện cột “K” và cột “W” để thể hiện những điều đã biết và muốn biết về điều kiện tự nhiên của Ai Cập cổ đại.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K | W | L | | Liệt kê những điều đã biết về điều kiện tự nhiên của Ai Cập cổ đại   |  |  | | --- | --- | |  | Ai Cập | | Vị trí |  | | Đất đai |  | | Sông ngòi |  | |  |  |   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  Ghi những điều đã biết vào cột “K” và những điều muốn biết vào cột “W”  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức.  ***Nhiệm vụ 2:***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  1. Sông Nin đem lại những thuận lợi gì cho người Ai Cập cổ đại?  2. Quan sát lược đồ 6.1 và hình 6.3 cho biết chữ nào trong 2 chữ tượng hình dưới đây được dùng để diễn tả hoạt động đi thuyền từ thượng Ai Cập xuống Hạ Ai Cập? Lí giải sự lựa chọn của em?  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (14).png D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (14).png  3.Nhận xét về tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin trả lời câu hỏi hướng sự hướng dẫn của GV **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | -Ai Cập nằm ở đông bắc châu Phi, có lưu vực sông Nin rộng lớn.  - Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập  + Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm 🡪 nền văn minh hình thành sớm.  +Liên kết công xã, tạo điều kiện cho nhà nước ra đời.  +Có nhiều phát minh quan trọng phục vụ sản xuất. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: Quá trình thành nhà nước Ai Cập cổ đại** | |
| **a. Mục tiêu:** Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh, trục thời gian hình thành nhà nước Ai Cập cổ đại, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh, trục thời gian hình thành nhà nước Ai Cập cổ đại, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (15).png  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của Hs | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa vào hình 6.4 và trục thời gian hình thành nhà nước Ai Cập cổ đại và thông tin trong SGK hãy  *1. Trình bày quá trình thành lập nhà nước Ai Cập?*  *2. Quá trình thống nhất nhà nước Ai Cập bằng chiến tranh được thể hiện như thế nào trên phiến đá Na-mơ?*  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | -Khoảng năm 3000 TCN, vua Na-mơ thống nhất Ai Cập, nhà nước ra đời.  -Đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại là Pha-ra-ông có quyền lực tối cao. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: Những Thành tựu văn hóa tiêu biểu** | |
| **a. Mục tiêu:** Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh về thành tựu văn hóa Ai Cập cổ đại, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh về thành tựu văn hóa Ai Cập cổ đại, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (15).png Kim tự tháp Kheops  Hình 6.5.Băng đá khắc chữ tượng hình  (niên đại 2332 TCN – 2287TCN) Hình 6.6. Kim tự tháp Kê-ốp (ai Cập)  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (16).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (16).png  **c. Sản phẩm:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lĩnh vực** | **Ai Cập cổ đại** | | | **Thành tựu VH** | **Ảnh minh họa** | | Chữ viết | Chữ tượng hình | D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (15).png | | Toán học | Hình học |  | | Kiến trúc – Điêu khắc | Kim Tự Tháp | Kim tự tháp Kheops | | Thiên văn học | Lịch, đồng hồ Mặt Trời |  | | Y học | Thuật ướp xác | D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (16).png |   **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa tranh ảnh thành tựu văn hóa Ai Cập cổ đại và thông tin trong SGK hãy hoàn thiện bảng thống kê theo mẫu   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lĩnh vực** | **Ai Cập cổ đại** | | | **Thành tựu VH** | **Ảnh minh họa** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | Ai Cập cổ đại đạt nhiều thành tựu quan trọng, nổi bật có giá trị, đóng góp đối với nền văn minh nhân loại như: chữ viết, toán học, thiên văn học, y học, kiến trúc – điêu khắc,… |

**HĐ3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Hiểu biết về nền văn minh Ai Cập cổ đại

**b. Nội dung**

-Dựa vào kiến thức vừa tiếp thu được để hoàn thành bài tập trắc nghiệm

-Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau

**Câu 1.** Ai Cập cổ đại được hình thành trên lưu vực con sông nào?

A. Sông Ấn. B. Sông Hằng. C. Sông Nin. D. Sông Nhị.

**Câu 2.** Người đứng đầu nhà nước ở Ai Cập cổ đại là ai?

A. Pha-ra-ông. B. Thiên tử. C. En-xi. D. Địa chủ.

**Câu 3.** [Tại sao nhà nước Ai Cập cổ đại sớm hình thành và phát triển ở lưu vực sông Nin?](https://hoc247.net/cau-hoi-nguoi-tinh-khon-co-doi-song-nhu-the-nao-qid8293.html)

A. Đây là địa bàn cư trù của người nguyên thủy.

B. Cư dân ở đây sớm phát minh ra công cụ bằng kim loại.

C. Do có điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động cuôn bán.

D. Do có điều kiện thuận lợi để con người sinh sống và sản xuất.

**Câu 4.** Việc nhà nước Ai Cập cổ đại hình thành ở lưu vực các con sông gây ra khó khăn gì cho cư dân ở đây?A. Sự chia cắt về mặt lãnh thổ. B. Tình trạng hạn hán kéo dài.

C. Sự tranh chấp lãnh thổ xả ra. D. Tình trạng lũ lụt xả ra vào mùa mưa.

**Câu 5.** Thành tựu nào sau đây của người Ai Cập cổ đại còn sử dụng đến ngày nay?

A. Chữ tượng hình. B. Hệ đếm thập phân.

C. Hệ đếm 60. D. Thuật ướp xác.

**c. Sản phẩm**

*\*Dự kiến sản phẩm*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Đáp án** | C | A | D | D | B |

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành các bài tập trắc nghiệm sau đây (Chọn câu trả lời đúng nhất)

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

Hs giơ tay nhanh nhất để trả lời câu hỏi

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Câu trả lời của HS

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

HS nhận xét bài làm của bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

**HĐ4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng bài toán theo cách viết của người Ai Cập cổ đại, liên hệ thực tế về sự ảnh hưởng của những phát minh của người Ai Cập đến ngày nay.

**b. Nội dung:**

-Tìm tòi, mở rộng kiến thức về sự ảnh hưởng của văn minh Ai Cập cổ đại đến ngày nay.

-Trả lời câu hỏi bài tập 3 trong SGK/36

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành bài tập 3 trong SGK/36

D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (16).png

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV  
**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn  
**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

HS nhận xét bài làm của nhóm bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

GV hướng dẫn Hs chuẩn bị bài cho tiết học tiếp theo

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Bài 7. LƯỠNG HÀ CỔ ĐẠI**

**(…tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Lưỡng Hà.

- Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Lưỡng Hà.

- Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Lưỡng Hà.

**2. Năng lực**

- Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

**3. Phẩm chất**

Trân trọng những di sản của nền văn minh Lưỡng Hà để lại cho nhân loại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phiếu học tập.

- Lược đồ Lưỡng Hà cổ đại.

- Video về một số nội dung trong bài học (nếu có).

**2. Chuẩn bị của học sinh**

Tranh ảnh, dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ1. Mở đầu – xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:**

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Xác định được vấn đề của bài học.

**b. Nội dung:** GV cho Hs xem một đoạn video về văn minh Lưỡng Hà và trả lời một số câu hỏi liên quan



**c. Sản phẩm**

Câu trả lời của nhóm Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Theo dõi đoạn video và trả lời các câu hỏi sau

*Em ấn tượng nhất với thông tin nào mà đoạn video cung cấp? Vì sao*

***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***

HS có 1 phút ghi nhanh câu trả lời và trình bày quan điểm của cá nhân trước lớp.

GV có thể yêu cầu HS khác trình bày quan điểm cá nhân (ít nhất là 2 ý kiến)

**B3: *Báo cáo thảo luận***

**GV**:

- Yêu cầu ít nhất 2 học sinh trình bày quan điểm cá nhân sau khi xem xong đoạn video.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS**:

- Cá nhân học sinh trình bày

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

***B4: Kết luận, nhận định.***

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

**HĐ2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Điều kiện tự nhiên** | |
| **a. Mục tiêu:** Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Lưỡng Hà.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh (hình 7.1), lược đồ (hình 7.2), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh (hình 7.1), lược đồ (hình 7.2), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (16).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (17).png  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (17).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (17).png  **c. Sản phẩm:**  **\*Dự kiến sản phẩm của học sinh**  NV1.Điểm khác về điều kiện tự nhiên của Lưỡng Hà cổ đại với Ai cập cổ đại.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Ai Cập | Lưỡng Hà | | Vị trí | Nằm ở Đông Bắc châu Phi | Nằm ở khu vực Tây Nam Á | | Đất đai | Đất phù sa màu mỡ | Đất phù sa màu mỡ | | Sông ngòi | Sông Nin | Sông Ti-gơ-rơ và Ơ-phơ-rát |   NV2.  1. Nhiều người Lưỡng Hà trở thành thương nhân  Địa hình bằng phẳng, đi lại thuận lợi, trao đổi giao lưu hàng hóa với vùng xung quanh dễ dàng.  2.Tác động của ĐKTN đối với sự hình thành văn minh Lưỡng Hà  + Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm.  + Hoạt động buôn bán phát triển  +Tạo điều kiện cho nhà nước ra đời.  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***Nhiệm vụ 1***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa vào hình 7.1, lược đồ hình 7.2 và kiến thức đã học, em hãy so sánh sự khác nhau về điều kiện tự nhiên của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Ai Cập | Lưỡng Hà | | Vị trí |  |  | | Đất đai |  |  | | Sông ngòi |  |  |   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  Ghi những điểm khác biệt về ĐKTN của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại vào bảng nhóm  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức.  ***Nhiệm vụ 2***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  *1. Tại sao nhiều người Lưỡng Hà lại trở thành thương nhân?*  *2.Nhận xét về tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Lưỡng Hà?*  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  Hoàn thành nhiệm vụ Gv giao.  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | -Lưỡng Hà nằm ở lưu vực các con sông lớn Ơ-phơ-rát, Ti-gơ-rơ.  -Địa hình bằng phẳng, rộng lớn 🡪 nông nghiệp, buôn bán phát triển.  - Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Lưỡng Hà  + Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm.  + Hoạt động buôn bán phát triển  🡪Tạo điều kiện cho nhà nước ra đời. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: Quá trình thành lập nhà nước Lưỡng Hà cổ đại** | |
| **a. Mục tiêu:** Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.    **c. Sản phẩm:**  **\*Dự kiến sản phẩm của học sinh**  Niên biểu lịch sử các giai đoạn ở Lưỡng Hà cổ đại   |  |  | | --- | --- | | **Thời gian** | **Triều đại** | | 3500 TCN | Quốc gia thành thị của người Xu-mer | | 2330 TCN | Đế chế của người Akkad | | 1792 TCN | Đế chế của người Babylon | | 1250 TCN | Đế chế của người Assyria | | 626 TCN | Đế chế của người Chaldea | | 539 TCN | Người Ba Tư xâm chiếm Lưỡng Hà |   **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa vào trục thời gian hình thành nhà nước Lưỡng Hà cổ đại và thông tin trong SGK hãy hoàn thiện niên biểu lịch sử theo mẫu sau   |  |  | | --- | --- | | **Thời gian** | **Vương quốc** | |  |  | |  |  | |  |  |   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | -Khoảng 3500 TCN, người Xu-mer xây dựng những quốc gia thành thị 🡪 nhà nước đầu tiên của người Lưỡng Hà.  -Hạ lưu sông Ơ-phơ-rát và Ti-gơ-rơ là nơi tập trung nhiều quốc gia thành thị nổi tiếng, đặc biệt là thành Ba-bi-lon. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: Những thành tựu văn hóa tiêu biểu** | |
| **a. Mục tiêu:** Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh về thành tựu văn hóa Lưỡng Hà cổ đại, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh về thành tựu văn hóa Lưỡng Hà cổ đại, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (17).png D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (17).png  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (18).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (18).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (18).png  **c. Sản phẩm:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lĩnh vực** | **Lưỡng Hà cổ đại** | | | **Thành tựu VH** | **Ảnh minh họa** | | Chữ viết | Chữ hình nêm | D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (17).png | | Luật pháp | Bộ luật Ha-mu-ra-bi | D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (17).png | | Toán học | Hệ đếm 60 | Toán học Lưỡng Hà cổ đại - Trầm Tâm Linh | | Kiến trúc – Điêu khắc | Vườn treo Ba-bi-lon | D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (18).png |   **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa tranh ảnh thành tựu văn hóa Lưỡng Hà cổ đại và thông tin trong SGK hãy hoàn thiện bảng thống kê theo mẫu   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lĩnh vực** | **Lưỡng Hà cổ đại** | | | **Thành tựu VH** | **Ảnh minh họa** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | Lưỡng Hà cổ đại đạt nhiều thành tựu quan trọng, nổi bật có giá trị, đóng góp đối với nền văn minh nhân loại như: chữ viết, toán học, thiên văn học, y học, kiến trúc – điêu khắc,… |

**HĐ3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Hiểu biết về nền văn minh Lưỡng Hà cổ đại

**b. Nội dung**

-Dựa vào kiến thức vừa tiếp thu được để hoàn thành bài tập trắc nghiệm

-Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau

**Câu 1.** Lưỡng Hà cổ đại được hình thành trên lưu vực con sông nào?

A. Sông Ấn và Hằng. B. Sông Hoàng Hà và Trường giang.

C. Sông Ti-gơ-rơ và Ơ-Phơ-rát. D. Sông Mã và sông Cả.

**Câu 2.** Người đứng đầu nhà nước ở Lưỡng Hà cổ đại là ai?

A. Pha-ra-ông. B. Thiên tử. C. En-xi. D. Địa chủ.

**Câu 3.** [Chữ viết của người Lưỡng Hà viết trên](https://hoc247.net/cau-hoi-nguoi-tinh-khon-co-doi-song-nhu-the-nao-qid8293.html)

A. thẻ tre. B. đất sét. C. giấy. D. mai rùa.

**Câu 4.** Công trình kiến trúc nổi tiếng nào của cư dân Lưỡng Hà được đánh giá là kì quan của thế giới cổ đại?A. Kim Tự Tháp. B. Vạn Lí Trường Thành.

C. Vườn treo Ba-bi-lon. D. Cung điện Um-ma.

**Câu 5.** Thành tựu nào sau đây của người Lưỡng Hà cổ đại còn sử dụng đến ngày nay?

A. Chữ tượng hình. B. Hệ đếm thập phân.

C. Hệ đếm 60. D. Thuật ướp xác.

**c. Sản phẩm**

*\*Dự kiến sản phẩm*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Đáp án** | B | C | B | C | C |

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành các bài tập trắc nghiệm sau đây (Chọn câu trả lời đúng nhất)

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

Hs giơ tay nhanh nhất để trả lời câu hỏi

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Câu trả lời của HS

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

HS nhận xét bài làm của bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

**HĐ4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng bài toán theo cách viết của người Lưỡng Hà cổ đại, liên hệ thực tế về sự ảnh hưởng của những phát minh của người Lưỡng Hà đến ngày nay.

**b. Nội dung:**

-Tìm tòi, mở rộng kiến thức về sự ảnh hưởng của văn minh Lưỡng Hà cổ đại đến ngày nay.

-Trả lời câu hỏi bài tập 2 và 3 trong SGK/40

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành 2 bài tập (bài 2 và 3) trong SGK/40

Nhóm 1, 3: bài tập 2/SGK-40

Nhóm 2, 4: bài tập 3/SGK-40

D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CHÂN TROI SANG TAO\CTST\Screenshot (18).png

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV  
**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn  
**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

HS nhận xét bài làm của nhóm bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

GV hướng dẫn Hs chuẩn bị bài cho tiết học tiếp theo

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI 8. ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI**

(… tiết)

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về năng lực:***

- Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng.

- Trình bày được những đặc điểm chính của chế độ xã hội của Ấn Độ thời cổ đại.

- Nhận biết được những thành tựu văn hoá của Ân Độ thời cổ đại.

***2. Về phẩm chất:***

- Trân trọng những di sản của nền văn minh Ấn Độ để lại cho nhân loại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Phiếu học tập.

- Lược đổ Ấn Độ cổ đại phóng to, lược đồ Ấn Độ ngày nay.

- Video về một số nội dung trong bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.  **b) Nội dung**:  **GV:** Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.  **HS** quan sát hình ảnh, làm việc nhóm để trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm:**  - HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV có thể sử dụng hình 1 trong SGK để khởi động vào bài mới. Cho HS quan sát hình và trả lời câu hỏi: Em có biết ý nghĩa của lá cờ Ấn Độ? Ý nghĩa biểu tượng bánh xe 24 nan hoa (gọi là Ashoka Chakra) - một trong những đỉnh cao vể nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc của Ấn Độ cổ đại?    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.  **HS:** Quan sát, phân tích hình ảnh và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. Điều kiện tự nhiên** | | | |
| **a) Mục tiêu**: HS không chỉ nêu được những đặc điểm của điều kiện tự nhiên mà còn phân tích được tác động của những điều kiện đó tới sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ cổ đại.  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Từ hoạt động tìm hiểu vừa rồi em hãy:  ? Quan sát lược đồ hình 8.1 trong SGK, mô tả vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại?  ? Sông Ấn chảy qua những quốc gia nào ngày nay?  ?Tại sao cư dân Ấn Độ cổ đại sinh sống nhiều ở vùng Bắc Ấn?  ? Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại có điểm gì giống và khác so với Ai Cập và Lưỡng Hà?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời  **HS:**  - Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.  - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh hoạ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | -Vị trí địa lí: Là bán đảo Nam Á, nằm trên trục đường biển từ tây sang Đông.  - Địa hình:  + Phía Bắc bao bọc bởi một vòng cung khổng lồ - dãy Hi-ma-lay-a.  + Ở giữa: Đồng bằng Ấn – Hằng rộng lớn.  + Phía Nam: Cao nguyên Đê-can nhiều núi đá hiểm trở.  -Khí hậu:  + Đại bộ phận có khí hậu nhiệt đới gió mùa.  + Khí hậu phân hóa theo độ cao, ảnh hưởng bởi địa hình.  -Sông ngòi: Có nhiều sông lớn như sông Ấn, sông Hằng,…bồi đắp phù sa màu mỡ. | | |
|  | | | |
| **II. Xã hội Ấn Độ cổ đại** | | | |
| **a) Mục tiêu**:  - HS vận dụng ở mức độ đơn giản để hiểu rõ về sự phân chia xã hội theo theo đẳng cấp dựa trên sự khác biệt về tộc người và màu da;  - Đưa ra được đánh giá đó là chế độ xã hội bất bình đẳng, thể hiện sự phân biệt.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  ? Chế độ đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại được phân chia dựa trên những cơ sở nào?  ? Chế độ đẳng cấp Vác-na là gì?  ? Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp này như thế nào?  ? Qua sơ đồ 8.2, em hãy cho biết đẳng cấp nào có vị thế cao nhất và đẳn cấp nào có vị thế thấp nhất?  ? Em có nhận xét gì về sự phân chia xã hội theo chế độ đẳng cấp Vác-na?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | | - Người Đra-vi-đa: được biết đến là chủ nhân của nền văn minh ven bờ sông Ấn - nền văn minh cổ xưa nhất ở Ân Độ. Ngày nay, họ là những tộc người thiểu số cư trú ở miền Nam bán đảo Ấn Độ.  - Sự xâm nhập của người A-ri-a vào miền Bắc Ấn, mở ra thời kì chuyển biến sang xã hội có giai cấp và nhà nước. Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp Vác-na, chia xã hội ẤnĐộ thành bốn đẳng cấp dựa trên sự khác biệt vế tộc người và màu da, mỗi đẳng cấp có bổn phận, nghĩa vụ khác nhau. | |
| **III. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu** | | | |
| **a) Mục tiêu**: HS kể được các thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  ? Em hãy kể tên các thảnh tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại?  ? Em ấn tượng nhất với di sản nào của nến văn minh Ấn Độ cổ đại? Vì sao?  ? Em hãy cho một ví dụ về một phép toán có sử dụng thành tựu số 0 của người Ấn Độ cổ đại?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | | | -Chữ viết: chữ Phạn.  -Văn học: sử thi Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-y-a-na.  -Tôn giáo ra đời nhiều tôn giáo lớn như đạo Bà La Môn, đạo Phật.  -Kiến trúc: tiêu biểu là cột đá A-sô-ca và đại bảo tháp San-chi.  -Lịch pháp: làm ra lịch.  -Toán học: hệ số có 10 chữ số, đặc biệt là giá trị của số 0 |

**HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Sự phân hóa trong xã hội cổ đại Ấn Độ được biểu hiện như thế nào?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Viết đoạn văn ngắn mô tả một thành tựu văn hóa của Ấn Độ có ảnh hưởng tới văn hóa Việt Nam.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI 9. TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII**

**(… tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.

- Sơ lược tiến trình lịch sử Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII.

- Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung Quốc thời kỳ này.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Tự học và tự chủ, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác.

**- Năng lực riêng :**

• Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử:

- Biết khai thác và sử dụng được các sơ đồ, lược đồ, nguồn tư liệu hình ảnh, chữ viết trong bài học.

• Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

- Trình bày được những điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.

- Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.

- Xây dựng được trục thời gian từ thời Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.

- Nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.

• Phát triển năng lực vận dụng:

- Kĩ năng trình bày và giải thích chủ kiến về vai trò của nhà Tần; tư tưởng “Tiên học lễ, hậu học văn”

- Vận dụng hiểu biết để làm rõ vai trò của phát minh kĩ thuật làm giấy đối với xã hội hiện đại.

**3. Phẩm chất**

• Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các nhân vật và sự kiện lịch sử

• Có ý thức tôn trọng và học hỏi cái hay, cái đẹp trong văn háo của các dân tộc khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

• Giáo án, phiếu học tập

• Lược đồ Trung Quốc thời nhà Tần, Lược đồ Trung Quốc thời hiện nay

• Máy tính, máy chiếu

**2. Đối với học sinh**

• SGK.

• Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đưa ra bảng câu hỏi KWL*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Know (điều em đã biết)* | *What (điều em cần biết)* | *Learn (điều em học được)* |
| *Các em biết gì về Trung Quốc thời cổ đại?* | *Những gì các em muốn biết thêm khi học bài này?* | *Những gì các em biết được khi học bài này?* |
| *…* | *…* | *…* |

*- HS tiếp nhận và giải quyết nhiệm vụ*

*- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc**

**a. Mục tiêu:** Thông qua các hoạt động, HS biết được vị trí của sông Hoàng Hà và sông Trường Giang, từ đó hiểu được vai trò của hai con sông này đối với cư dân Trung Quốc thời cổ đại.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin SGK, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm làm việc của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **KIẾN THƯC CƠ BẢN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu một HS đứng dậy đọc to, rõ ràng nội dung thông tin mục 1. Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc trong sgk.  - GV yêu cầu HS quan sát lược đồ hình 9.1 và lược đồ hình 9.2 và trả lời câu hỏi:  ? *Theo em, diện tích lãnh thổ Trung Quốc thời cổ đại có điểm gì khác so với Trung Quốc ngày nay?*  ? *Theo em, sông Hoàng Hà và Trường Giang đã tác động tích cực và tiêu cực như thế nào đến cuộc sống của cư dân Trung Quốc thời cổ đại?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS suy nghĩ, trả lời  - khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.  **+ Gv mở rộng:**  Sông “Hoàng Hà” còn gọi là gọi là sông Vàng vì sông này mang theo lượng phù sa khổng lồ nên lòng sông luôn có màu Vàng . Dân Trung Quốc có câu “một bát nước sông Hoàng Hà, nửa bát là phù sa”; trung bình 1m3 nước sông Hoàng Hà chứa 34 gam phù sa (sông Nin là 1g/1m3 phù sa, sông Colorado 13g/1m3 phù sa).   * *Trung Quốc cổ đại ra đời sớm từ TNK III.TCN*   + Tại sao lại nói “*Hoàng Hà vừa là niềm kiêu hãnh vừa là nỗi buồn của nhân dân Trung Quốc”.* (nói được điểm tích cực: nước nhiều và bồi đắp phù sa khổng lồ; tiêu cực: phù sa khổng lồ gây ra hiện tượng bồi lắn phù sa, thay đổi dòng chảy gây ra hiện tượng vỡ đê, lũ lụt thường xuyên diễn ra. Trong hơn 2.500 năm, sông Hoàng Hà đã bị vỡ đê tới 1.600 lần, tính tới thời điểm tháng 9.2019. Trong suốt thời gian đó, sông Hoàng Hà cũng đã có 26 lần chuyển dòng chảy lớn ở vùng hạ lưu. Do lũ lụt nhiều nên vô hình chung bồi đắp lượng phù sa lớn, tạo điều kiện cho sự hình thành nền nông nghiệp và là cái nôi của nền văn minh Trung Quốc). | **1. Điều kiện tự nhiên**  - Thời cổ đại, Trung Quốc nhỏ hơn ngày nay.  - Thời cổ đại, cư dân Trung Quốc sinh sống ban đầu ở lưu vực sông Hoàng Hà; về sau họ xuôi về phía bắc sông Trường Giang.  - Trên vùng đất này các nhà nước cổ đại đầu tiên của Trung Quốc ra đời. |

**Hoạt động 2: Quá trình thống nhất và xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thủy Hoàng**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được những biện pháp thống nhất của nhà Tần và sự phân hóa giai cấp trong xã hội dưới thời nhà Tần.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **KIẾN THƯC CƠ BẢN** |
| - GV yêu cầu một HS đứng dậy đọc to, rõ ràng nội dung thông tin mục 2 trong sgk.  **Hoạt động cá nhân**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu hs trả lời câu hỏi:  *? Thời cổ đại ở Trung Quốc kéo dài bao nhiêu năm, gắn liền với mấy triều đại ?*  *? Dưới các triều đại này, Trung Quốc tồn tại bao nhiêu tiểu quốc ? Các tiểu quốc đã làm gì ?*  *? Quan sát hình 9.3 kể têm 1 số tiểu quốc?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả  - HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  **Hoạt động nhóm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu hs thảo luận nhóm hoàn thiện phiếu bài tập (theo kĩ thuật 5W1H)  *Phiếu học tập*  *Tiếu quốc nào đã thống nhất TQ:……..*  *Nhân vật nào đã thống nhất TQ:……*  *TQ thống nhất vào năm nào :…………*  *Tần Thủy Hoàng đã thi hành những chính sách nào sau thống nhất TQ:…..*  *Tại sao Tần Thủy Hoàng lại thống nhất được TQ:………………………….*  *Đánh giá vai trò của nhà Tần với lịch sử TQ:…………………………………*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS đứng dậy báo cáo kết quả làm việc của nhóm.  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  **Gv mở rộng**  *- Tần có tiềm lực đất nước mạnh từ sau cải cách Thương Ưởng thời Tần Hiếu Công (359 – 338 TCN), thực hiện chính sách ngoại giao “bẻ đũa từng chiếc” – tức là lợi dụng các tiểu quốc này mâu thuẫn lẫn nhau để thôn tính dần từng tiểu quốc của Tần Doanh Chính*  *- Hoàng đế sau khi thống nhất đất nước, nhấn mạnh thống nhất lãnh thổ đặt nền móng cho ông hoàn thành thống nhất toàn diện Trung Quốc*  *+ thống nhất quân sự – chấm dứt chiến tranh, thống nhất và mở rộng lãnh thổ*  *+ thống nhất chính trị - xác lập nhà nước quân chủ chuyên chế (phong kiến)*  *+ thống nhất tiền tệ– tiện cho lưu thông và trao đổi hàng hoá*  *+ thống nhất chữ viết– tạo điều kiện cho tiếp xúc giữa các vùng miền và giao lưu văn hoá.*  **Hoạt động cá nhân**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu hs trả lời câu hỏi:  *? Xã hội Trung Quốc cổ đại ban đầu gồm các giai cấp nào ?*  *+ Đến thời Tần thống nhất Trung Quốc, xã hội Trung Quốc đã xuất hiện giai cấp mới nào ?*  *+ Các giai cấp mới đó được hình thành từ các giai cấp nào của xã hội cổ đại ?*  *+ Quan hệ giữa các giai cấp mới dựa trên cơ sở nào ?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả  - HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Quá trình thống nhất và xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thủy Hoàng**  - Trong khoảng 2.000 năm từ thời Hạ đến thời Chu, các tiểu quốc gây chiến tranh nhằm thôn tính lẫn nhau  - Năm 221 TCN, Tần Thuỷ Hoàng thống nhất Trung Quốc, tiến hành thống nhất mọi mặt nhằm đặt nền tảng cho sự phát triển lâu dài của Trung Quốc về sau.  - Xã hội phong kiến Trung Quốc gồm hai giai cấp: địa chủ và nông dân lĩnh canh; địa chủ bóc lột nông dân lĩnh canh bằng địa tô. |

**Hoạt động 3: Từ nhà Hán, Nam- Bắc triều đến tnhà Tùy**

**a. Mục tiêu:** Biết được sự thay đổi các triều đại ở Trung Quốc từ thời Hán đến thời Tùy (206 TCN-thế kỷ VII).

**b. Nội dung:** Đọc thông tin SGK, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **KIẾN THƯC CƠ BẢN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu một HS đứng dậy đọc to, rõ ràng nội dung thông tin mục 3 trong sgk.  - GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ 9.6 và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập sau:  *Phiếu học tập*  *1. Thời kì này gắn liền với mấy triều đại ? Là những triều đại nào?*  *2. Triều đại nào tồn tại lâu nhất? Triều đại nào tồn tại ngắn nhất?*  *3. Triều đại nào tái thống nhất đất nước và đặt cơ sở để TQ bước vào tời kỳ đỉnh cao của chế độ phong kiến?*  *4. Đặc điểm nổi bật của thời kỳ này là gì ?*  *5.Thời kỳ này nước ta bị triều nào đô hộ?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS đứng dậy báo cáo kết quả làm việc của nhóm.  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **3. Từ nhà Hán, Nam- Bắc triều đến tnhà Tùy**  Hs học theo sơ đồ sgk hoặc bảng sau   |  |  | | --- | --- | | **Triều đại** | **Thời gian** | | Nhà Hán | 206 TCN-220 | | Thời Tam Quốc | 220-280 | | Nhà Tấn | 280-420 | | thời Nam-Bắc triều | 420-581 | | Nhà Tùy | 581-619 | |

**Hoạt động4: Thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Quốc cổ đại**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **KIẾN THƯC CƠ BẢN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu một HS đứng dậy đọc to, rõ ràng nội dung thông tin mục 4 trong sgk.  - GV yêu cầu hs thảo luận hoàn thiện phiếu học tập sau:  *Phiếu học tập*   |  |  | | --- | --- | | **Lĩnh vực** | **Thành tựu** | | *Tư tưởng* |  | | *Chữ viết* |  | | *Văn học* |  | | *Sử học* |  | | *Y học* |  | | *Khoa học-kĩ thuật* |  | | *Kiến trúc* |  |   ? *Giới thiệu một thành tựu văn minh Trung Quốc cổ đại mà em thích nhất?*  *? Các thành tựu này có ảnh hưởng như thế nào tới văn hóa nước Việt ta?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình.  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **4. Thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Quốc cổ đại**   |  |  | | --- | --- | | **Lĩnh vực** | **Thành tựu** | | *Tư tưởng* | Nho gia | | *Chữ viết* | Chữ tượng hình  (giáp cốt, kịm văn) | | *Văn học* | *Kinh Thi* của Khổng Tử và *Sở Từ* của Khuất Nguyên. | | *Sử học* | *Sử kí* của Tư Mã Thiên, | | *Y học* | Có bấm huyệt, châm cứu | | *Khoa học-kĩ thuật* | Địa động nghi, kĩ thuật dệt tơ lụa, kĩ thuật làm giấy | | *Kiến trúc* | Có nhiều công trình kiến trúc đồ sộ (Vạn lí trường thành...) | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoạt động cặp trả lời các câu hỏi 1,2 trong sgk trang 52*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra câu trả lời:*

*- GV theo dõi, hỗ trợ*

*- GV gọi 1,2 cặp đôi trình bày; các cặp đôi khác bổ sung, nhận xét.*

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**Câu 1:**

- “sông Mẹ” là nơi khởi nguồn văn minh của quốc gia, nguồn nước nuôi sống đông đảo dân cư, lưu vực sông là trung tâm chính trị và kinh tế văn hoá

- Đó là sông Nile, Ấn – Hằng, Tigris – Euphrates.

**Câu 2:**

- Chấm dứt chiến tranh giữa các tiểu quốc, sự ra đời của nghề nông và công cụ bằng sắt đòi hỏi phải thống nhất => tiến tới việc củng cố và mở rộng lãnh thổ

- Tiến hành các chính sách tiến bộ nhằm thống nhất mọi mặt: kinh tế, chính trị, văn hoá…

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành câu hỏi 3 trang 52 sgk.*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành, trình bày với giáo viên vào tiết học sau.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.*

**Câu 3:**

- Lưu giữ thông tin được thuận tiện. Trước đây, người dân viết chữ trên vật liệu gì ? (thẻ tre…) Những bất tiện khi viết chữ trên các vật liệu đó ?

- Trong thời đại 4.0, giấy vẫn còn giữ vai trò của đó. Ngoài lưu trữ thông tin thì giấy còn nhiều công dụng khác (làm bao bì, trang trí, dán tường, làm dù che, làm hộp…)

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI 10: HY LẠP CỔ ĐẠI**

**(…tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Thông qua bài học, học sinh:

- Nêu và nhận xét được những tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển của Hi Lạp cổ đại.

- Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang ở Hi Lạp.

- Nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hi Lạp cổ đại.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:**

+ Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

+ Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

+ Khả năng thực hiện các thao tác công nghệ thông tin dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

**- Năng lực riêng:**

+ Giải thích sự kiện lịch sử qua việc khai thác tư liệu, hình ảnh, lược đồ...liên quan đến bài học.

+ Phân tích, đánh giá sự tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển của Hi Lạp cổ đại.

+ Nêu và nhận xét được những thành tựu tiêu biểu của văn hoá Hy Lạp cổ đại còn ảnh hưởng đến thế giới ngày nay. Kể được những nhân vật nỗi tiếng ở Hi Lạp.

**3. Phẩm chất**

**-** Tính chính xác khoa học trong học tập và trong cuộc sống

- Biết quý trọng thời gian và có trách nhiệm với cuộc sống hiện tại của mình

- Có thái độ trân trọng và đánh giá đúng đắn những cống hiến mang tính tiên phong của người Hy Lạp cổ đại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Giáo án, SGV, SGK Lịch sử và Địa lí 6.

Tranh ảnh , lược đồ, tư liệu về Bản đồ các quốc gia cổ đại phương Tây, lược đồ Hy Lạp cổ.

- Một số hình ảnh về thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Hy Lạp cổ đại.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SGK Lịch sử và Địa lí 6.

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

**III. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**A: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** HS dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:** GV có thể dựa vào dẫn nhập để khởi động như sau:

GV chiếu cho các em xem các hình ảnh



Hình 1: Thượng Hi Lạp. Hình 2: Đồng xu cổ Hi Lạp. Hình 3: Kiến trúc Hi Lạp

Nhìn các hình ảnh trên em liên tưởng đến nước nào? Ngày nay nó thuộc quốc gia nào? Từ những hình ảnh trên, em hãy chia sẽ những hiểu biết của mình về quốc gia đó ?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi: Hi Lạp*

*Từ đó GV dẫn dắt vào bài:* Hy Lạp nhỏ bé, với diện tích chỉ hơn 130000 km2, nhưng ít ai có thể ngờ rằng, nơi đây đã từng tổn tại một nển văn minh cổ đại phát triển rất rực rỡ gắn liền với tên tuổi các vĩ nhân mà nhiểu thành tựu của họ vẫn còn ảnh hưởng đến thế giới của chúng ta hiện nay. Vậy, nhân tố nào đã đem lại vinh quang cho người Hy Lạp? Chúng ta sẽ cùng nhau đi khám phá trong bài học hôm nay: Hi Lạp cổ đại.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I – ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**

**a. Mục tiêu:** Học sinh trình bày được các yếu tố về tự nhiên của Hi Lạp

**b. Nội dung:** Khai thác và sử dụng các thông tin lịch sử có trong các tư liệu 10.1; 10.2.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

+ GV có thể hoạt động cá nhân hoặc nhóm, với các câu hỏi:

* Nêu đặc điểm nổi bật của điều kiện tự nhiên Hy Lạp.(đồi núi, đường bờ biển dài)
* Điều kiện tự nhiên tác động như thế nào đến sự phát triển của Hy Lạp cổ đại (phát triển kinh tế, ổn định sinh hoạt văn hoá của người dân)
* Theo em, với điều kiện tự nhiên như trên, cư dân Hy Lạp cổ đại có ưu thế phát triển các ngành kinh tế nào ?

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  Cách thức thực hiện  \* Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV treo bản đồ thế giới và bản đồ Hy Lạp (theo sách giáo khoa)  **- Hoạt động cá nhân**:  HS xác định vị trí của Hy Lạp trên bản đồ thế giới  Hình 10.2: Lược đồ Hi Lạp cổ đại  **-Hoạt động nhóm** (nhóm 5-6 hs)  Thời gian (5p)  **Kĩ thuật khăn trải bàn:**     |  | | --- | | **Ý kiến chung** |   **Cá nhân**  **4: Lược đồ Hy Lạp cổ đại**  **Phiếu học tập**  **Điều kiện tự nhiên Hy Lạp**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** | **Nhóm 4** | | ..... | **.....** | **.....** |  |   GV mở rộng kiến thức:  + Hy Lạp cổ đại rộng lớn hơn Hy Lạp ngày nay.  + Về giá trị kinh tế và văn hoá của cây ô liu: Ô liu là cây trồng phổ biến nhất ở Hy Lạp. Dầu ô liu để chế biến thức ăn, làm đẹp. Cành lá ô liu tượng trưng cho vinh quang, chiến thắng và hoà bình. Các cây ô liu cổ thụ mọc hoang được coi là linh thiêng và luật ở Athens cổ đại quy định: kẻ nào dám đốn một cây ô liu mọc hoang sẽ bị xử tội chết (đến thế kỉ IV TCN giảm nhẹ thành lưu đày hoặc nộp phạt). Hy Lạp là một trong các quốc gia xuất khẩu dầu ô liu hàng đâu thế giới.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Quan sát và đọc hiểu lược đổ, (cho H5 quan sát lược đổ 10.2 trang 54 và xác định vị trí cảng Pi-rê trên lược đồ).  GV: “*Cảng Piraeus là trung tâm xuất – nhập khẩu và buôn bán nô lệ sầm uất nhất của thế giới cổ đại. Từ cảng Piraeus, Athènes có thể xuất khẩu sang các quốc gia lân bang những sản phẩm nổi tiếng như rượu nho, dầu oliu, đồ gốm màu, đá cẩm thạch, thiếc, chì, vải… và nhập về các mặt hàng thiết yếu như ngũ cốc ở Hắc Hải và Bắc Phi, hạt tiêu ở Ấn Độ, chà là và lúa mì của Lưỡng Hà”* (Lương Ninh, Lịch sử thế giới cổ đại, Nxb Giáo dục Hà Nội, 2009, tr. 178 – 179)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Sau khi các nhóm có sản phẩm, GV có thể gọi HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS khác lắng nghe, thảo luận thêm, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của học sinh. | **I – ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**  Hình 4: Lược đồ Hy Lạp cổ đại  **Phiếu học tập**  **Điều kiện tự nhiên Hy Lạp**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** | **Nhóm 4** | | Hãy nêu 3 điều em biết về vị trí và điều kiện tự nhiên của Hi Lạp. | Điều kiện tự nhiên tác động như thế nào đến sự phát triển của Hy Lạp cổ đại ? (phát triển kinh tế, ổn định sinh hoạt văn hoá của người dân) | Nêu tóm tắt đặc điểm nổi bật của điều kiện tự nhiên Hy Lạp. (đồi núi, đường bờ biển dài) | Vai trò của cảng biển Pirê đối với sự phát triển của kinh tế Hy Lạp cổ đại. |     Hình 5: Cảng Piraeus  Điều kiện tự nhiên nổi bật của Hy Lạp cổ đại:  - Địa hình chủ yếu là đổi núi, đất đai khô cằn, thuận lợi cho trổng nho, ô liu.  - Có nhiều khoáng sản như đồng, sắt, vàng, bạc, đá cẩm thạch nên các nghề như luyện kim, làm đồ gốm, chế tác đá,...  - Khí hậu ấm áp, thuận lợi cho các hoạt động kinh tế và sinh hoạt văn hoá của người dân.  - Có đường bờ biển dài, có hàng nghìn hòn đảo nhỏ thuận tiện cho giao thương, buôn bán.  Thuyền buôn Hy Lạp, hình vẽ trên đĩa gốm, thế kỉ VITCN.  ***-*** Hy Lạp cổ đại nằm ở khu vực Nam Âu, có điều kiện tự nhiên thuận lợi => tạo điều kiện cho sự phát triển của thủ công nghiệp và buôn bán (thương nghiệp). |

II. TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC THÀNH BANG

a. Mục tiêu: Học sinh hiểu được tại sao nhà nước Athens được gọi là nhà nước dân chủ. Để HS nắm được đặc điểm của nhà nước dân chủ Athens

**b. Nội dung:** GV nên đưa ra hệ thống câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** Các câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hỏi: “nhà nước thành bang” là gì ? (là nhà nước lấy thành thị làm trung tâm, xung quanh là vùng đất trồng trọt).  - GV hỏi: trong các “thành bang” thường có những gì ? (quân đội, lãnh thổ, luật pháp… riêng)  - GV hỏi: trong các thành bang ở Hy Lạp cổ đại, thành bang nổi bật (tiêu biểu) nhất là thành bang nào? Chỉ vị trí thành bang đó trên lược đồ hình 10.2.  - Nhà nước thành bang Athènes bao gồm các cơ quan nào ?  - Trong số các cơ quan đó, cơ quan nào có quyền lực cao nhất ? (Đại hội nhân dân)  - Các cơ quan này có phải là tự nhiên thành lập hay là bầu cử ? (do bầu cử).  - Ai bầu các cơ quan này? (đó là các công dân).  - Việc bầu cử này cho thấy nhà nước Athenes thực sự là nhà nước gì ? (nhà nước dân chủ). GV giải thích từ “dân chủ” theo tiếng Hy Lạp cổ nghĩa là “quyền lực thuộc về nhân dân”.  - Ở Athenes, những ai mới có quyền công dân ? (người nam trên 18 tuổi, có tài sản và cha mẹ đều là công dân Athenes). “Quyền công dân” thực ra là quyền bầu cử của người công dân.  - Những ai ở Athenes không có quyền công dân ? (phụ nữ, trẻ nhỏ và công dân Athenes nhưng cha mẹ không phải người Athenes đều không được hưởng quyền công dân)  - Ai là người tham gia chính quyền ? (các công dân Athenes nam trên 18 tuổi) | II. TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC THÀNH BANG  - Hy Lạp cổ đại bao gồm nhiều thành bang độc lập (mỗi thành bang có lãnh thổ, quân đội, luật pháp, đồng tiền riêng và có hình thức tổ chức nhà nước khác nhau, tiêu biểu nhất là hình thức nhà nước dân chủ ở A-ten).  - Vào thế kỉ V TCN, nhà nước A-ten gồm 4 cơ quan chính: Đại hội nhân dân, Hội đồng 10 tướng lĩnh, Hội đổng 500 và Toà án 6000 người | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * Quan sát tư liệu 10.3 trang 55 kết hợp xem mục “em có biết”. GV yêu cẩu HS mô tả những gì các em thấy trong bức tranh qua các câu hỏi gợi mở: * Em thấy trong bức tranh có những nhân vật nào? * Theo em, người đứng giữa bức tranh là ai? * Ông ta đang làm gì? * Những người khác gồm những ai? * Họ đang làm gì? Xa xa sau đám đông là cái gì?   Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV mô tả: *Cuộc họp diễn ra trên quảng trường tại Acropolis, Pericles là người lãnh đạo cao nhất của Athens đứng ở giữa, đang chỉ tay lên trung tâm của Athens - đổi Acropolis - trong đó đền Parthenon cao nhất, nổi bật giữa những công trình kiến trúc.*  GV gợi mở cho HS thấy yếu tố dân chủ thể hiện qua bức tranh: *Pericles đang đứng trên bục diễn thuyết của cuộc họp Đại hội công dân. Nhiều công dân tham dự, có người đang nằm, đang ngồi, đang làm việc riêng (nói chuyện, uống rượu, nấu ăn,...). Nhiều người chăm chú nghe bài diễn thuyết của nhưng có những người phản đối (giơ tay đòi đuổi ông xuống), vị trí ông đứng trên quảng trường cũng không phải ở vị trí cao nhất,...*  **GV liên hệ thực tế**: Khái niệm "dân chủ" ngày nay có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp và mang ý nghĩa Quyển lực thuộc vể nhân dân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV có thể gọi HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS khác lắng nghe, thảo luận thêm, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | https://f3.photo.talk.zdn.vn/2068065875357456354/4ee36080b3d1448f1dc0.jpg  Hình 6: Một cuộc họp của “Đại hội nhân dân” dưới thời Pê-ri-clet.  - Đại hội nhân dân, có quyền lực cao nhất   * Nhà nước thành bang Hy Lạp cổ đại mang tính dân chủ cao. | |
| **III: NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ TIÊU BIỂU**  **a. Mục tiêu:** HS rút ra được thành tựu từng lĩnh vực văn hoá  **b. Nội dung:** GV có thể chia nhóm cho HS trình bày từng lĩnh vực văn hoá  **c. Sản phẩm học tập:** Các phần trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV chia nhóm cho HS trình bày từng lĩnh vực văn hoá.  Chia nhóm theo tổ (Thời gian: 4 phút)  Tổ 1: Chữ viết  Tổ 2: Khoa học  Tổ 3: Văn học  Tổ 4: Kiến trúc và điêu khắc  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV tổng kết và vẽ thành sơ đổ tư duy (chú ý gắn liền tên thành tựu với nhân vật lịch sử).  GV chiếu các hình ảnh sau:  **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_41.pngC:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_40.png**  **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_25.png**  **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_42.png**  ***Lưu ý:*** Nên lựa chọn vài câu chuyện về một số nhân vật tiêu biểu (Homer, Pythagore, Archimedes, Sokrates,...), hay một số công trình tiêu biểu (đền Parthenon, tượng thẩn Vệ nữ,...) để minh hoạ khắc sâu hình tượng.  ? *Trên cơ sở các thành tựu văn hoá tiêu biểu, đặc biệt những hình tư liệu minh hoạ trong SGK, những thành tựu nào còn được bảo tổn đến nay* ? (toán học thì kể tên các định lý, định luật…)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV có thể gọi HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS khác lắng nghe, thảo luận thêm, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS. GV mở rộng:  + Các công trình kiến trúc và kiểu kiến trúc Hy Lạp vẫn được bảo tổn và phổ biến trên khắp thế giới *(GV có thể cho HS xem ảnh những công trình kiến trúc hiện đại như Nhà hát lớn Thành phố Hổ Chí Minh, cổng thành Brandenburg (Berlin, Đức), sân vận động cấu trúc theo kiểu nhà hát ngoài trời của Hy Lạp,...).*  + Văn học và kịch Hy Lạp vẫn là đề tài yêu thích của sân khấu kịch và điện ảnh hiện đại *(Hai bộ sử thi và các vở kịch vẫn được trình diễn hoặc dựng thành phim, ví dụ phim Thành Troy lấy ý tưởng tư từ sử thi của Homer.*  + Các thành tựu vể toán học, vật lí, triết học, y học,... vẫn được dạy trong các nhà trường hiện nay *(Có thể cho HS kể tên định lí tam giác đổng dạng của Thales; định lí tam giác vuông của pythagore; đòn bẩy, định lí về sức đẩy của nước,... của Archimedes,...).*  + Thế vận hội Olympia vẫn được tổ chức 4 năm một lẩn như người Hy Lạp từng tổ chức, mặc dù những môn thi đấu phong phú hơn. Ở Việt Nam, gẩn đây các cuộc thi chạy Marathon đã trở nên phổ biến | | **III: NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ TIÊU BIỂU**  - Chữ viết: Người Hy Lạp sáng tạo ra hệ thống chữ viết gồm 24 chữ cái.  - Khoa học: Hy Lạp là quê hương của nhiều nhà khoa học nổi tiếng: (Aristotes), Archimedes, Herodotes, Pythagoras, Platon Socrates, …  ***-*** Văn học: sử thi Illiad - Odyssey và các vở kịch.  - Kiến trúc và điêu khắc: Đền Pác-tê-nông (Parthenon), đền A-tê-na (Athena), nhà hát Đi-ô-ni-xốt (Dionysos) của A-ten; hay những tác phẩm về điêu khắc như tượng thần Dớt (Zeus), tượng nữ thần A-tê-na, tượng Vệ nữ thành Mi-lô (Milo)  => Những thành tựu của họ đã góp phần đặt nền móng cho khoa học phương Tây nói riêng và thế giới nói chung.  Có thể là hình ảnh về ngoài trời, tượng đài và văn bản cho biết 'HISTORY NHỮNG CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC TRÊN THẾ GIỚI ẢNH HƯỞNG TỪ HY LẠP Nhà hát thành phố Hồ Chí Minh Cổng thành Brandernburg Đức Sân vận động ngoài trời của Hy Lạp'  Hình 7: Những công trình kiến trúc lớn trên thế giới ảnh hưởng từ Hi Lạp |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm:**Hoàn thành bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1**: Sau khi HS kể tên các ngành kinh tế phát triển ở Hy Lạp, GV có thể đặt câu hỏi: Vì sao thủ công nghiệp và thương nghiệp lại phát triển ?

**Gợi ý**: Nhờ sớm đi biển và gắn bó với biển, Hy Lạp có đội tàu thuyền hùng hậu với các thuỷ thủ dày dạn kinh nghiệm (Có thể kết nối với hiện tại: ngày nay, Hy Lạp vẫn là quốc gia có đội thương thuyền lớn thử ba thế giới, chiếm 25% kim ngạch vận tải biển của thế giới).

GV cũng có thể cho HS liên hệ về vai trò của biển và cảng biển với các quốc gia hiện nay.

**Câu 2:** Theo ước tính, vào thế kỷ V TCN tổng số công dân Athènes là 400.000 người, trong đó số lượng đàn ông có quyền công dân là 30.000 người. Em hãy tính xem có bao nhiêu phần trăm dân số có quyền công dân ở Athènes ? (dùng năng lực tính toán để trả lời câu hỏi, căn cứ thêm vào bài giảng ở phần II của GV.

***Đáp án:*** Khoảng 7,5 % dân số Athens cổ đại có quyển công dân. Từ đó, GV cho HS rút ra kết luận: Chế độ dân chủ ở Athens chỉ dành cho những công dân tự do, đa số dân Athens là nô lệ và không có quyển công dân.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.** Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà.

**c. Sản phẩm:** Bài tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*****- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 phần Vận dụng SHS trang 57:* Quan sát logo của Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO), em hãy cho biết: Logô đó lấy ý tưởng từ công trình kiến trúc nổi tiếng nào của Hy Lạp cổ đại?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Logô của Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) lấy ý tưởng từ công trình kiến trúc nổi tiếng đền Pác-tê-nông của Hy Lạp cổ đại*.*

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI 11: LA MÃ CỔ ĐẠI**

**(…tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Thông qua bài học, học sinh:

- Nêu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành và phát triển cảu nền văn minh La Mã.

- Trình bày được tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã.

- Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:**

+ Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

+ Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

+ Khả năng thực hiện các thao tác công nghệ thông tin dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

**- Năng lực riêng:**

+ Giải thích sự kiện lịch sử qua việc khai thác tư liệu, hình ảnh, lược đồ...liên quan đến bài học.

+ Trình bày được cơ cấu tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã cổ đại, nêu được những thành tựu nổi bật về văn hoá của La Mã.

+ Phân tích, đánh giá sự tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển của La Mã cổ đại.

+ Vận dụng kiến thức lịch sử phần III để mô tả một số thành tựu văn hoá của La Mã vẫn hiện diện trong cuộc sống ngày nay.

**3. Phẩm chất**

- Biết quý trọng thời gian và có trách nhiệm với cuộc sống hiện tại của mình.

- Có ý thức tôn trọng các di sản văn hoá trên thế giới; khâm phục sức lao động, sáng tạo của nhân dân qua các thời kì. Hiểu được *"La Mã không được xây dựng trong một ngày"* vì thế nếu HS không ngừng chăm chỉ, cố gắng, các em cũng có thể tạo nên những điểu kì diệu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Giáo án, SGV, SGK Lịch sử và Địa lí 6.

Tranh ảnh , lược đồ, tư liệu về Bản đồ các quốc gia cổ đại phương Tây

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SGK Lịch sử và Địa lí 6.

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Chuẩn bị của GV**

- SGV, SGK, tranh ảnh, tài liệu

**2. Chuẩn bị của HS**

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* GV cho HS chơi trò chơi «Giải mã ô chữ»:

Câu 1 (có 13 chữ cái): Cơ quan quyền lực tối cao của Athens.

Câu 2 (có 7 chữ cái): Những người có quyền bỏ phiếu.

Câu 3 (có 6 chữ cái): Thành phố được coi là thủ đô chính trị và văn hoá của Hy Lạp.

Câu 4 (có 9 chữ cái): Công trình kiến trúc nổi tiếng nhất của Hy Lạp cổ đại.

Câu 5 (Có 5 chữ cái): Tác giả của bộ sử thi nổi tiếng Illiad và Odyssey.

Câu 6. (Có 5 chữ cái): Tầng lớp giàu có nhất và có quyền lực nhất ở Hy Lạp cổ đại.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời câu hỏi:*

*- GV dẫn dắt vấn đề:* Người La Mã vẫn tự nhận họ là học trò của người Hy Lạp khi họ chiến thắng và chiếm đóng Hy Lạp vào thế kỉ I TCN. La Mã có những điểm tương đồng gì với Hy Lạp về điều kiện tự nhiên, lịch sử và văn hoá? Tại sao ngạn ngữ cổ lại nói “Mọi con đường đều đồ về Roma”; “Vinh quang thuộc về Hy Lạp và sự vĩ đại thuộc về La Mã”? Chúng ta hãy bắt đầu cuộc hành trình khám phá một trong những nhà nước hùng mạnh nhất thời cổ đại của nhân loại trong bài học ngày hôm nay – Bài 11- . La Mã cổ đại.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được điều kiện tự nhiên của La Mã cổ đại; những thuận lợi mà điều kiện tự nhiên mà điều kiện tự nhiện đã mang lại cho cư dân La Mã cổ đại.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục I và quan sát Lược đồ 11.2, Hình 11.1 SHS trang 58,59 trả lời câu hỏi:  + Em hãy nêu điều kiện tự nhiên nổi bật của La Mã cổ đại ?  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_55.png+ Điều kiện tự nhiên đã ảnh hưởng như thế nào đến sự hình thành và phát triển của nền văn minh La Mã.  **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_60.png**  *Hình 1: Cảng biển gần thành phố Pompeii.*  **-** GV chia HS làm các nhóm, yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập số 1: Điều kiện tự nhiên của La Mã cổ đại có gì giống và khác nhau so với Hy Lạp cổ đại ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**  - Điều điều kiện tự nhiên nổi bật của La Mã cổ đại:  + Vị trí: nơi phát sinh ban đầu của La Mã cổ đại là bán đảo I-ta-li-a. Có vùng đồng bằng màu mỡ ở thung lũng sông và sông Ti-bơ, đảo Xi-xin.  + Bán đảo I-ta-li-a có hàng nghìn km đường bờ biển, nằm ở vị trí trung tâm Địa Trung Hải.  + Trong lòng đất chứa chứa nhiều đồng, chì, sắt.  - Điều kiện tự nhiên đã ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của nền văn minh La Mã:  + Thuận lợi trồng trọt, chăn nuôi.  + Các ngành thủ công rất phát triển.  + Giao thương, hoạt động hàng hải phát triển. Người La Mã có thể buôn bán khắp các vùng xung quanh Địa Trung Hải, dễ dàng chinh phục những vùng lãnh thổ mới và quản lí hiệu quả cả đế chế rộng lớn.  - Sự giống và khác nhau về điều kiện tự nhiên của La Mã cổ đại so với Hy Lạp cổ đại:  + Giống nhau: xung quanh đều được biển bao bọc; bờ biển có nhiều vịnh, cảng nên thuận lợi để phát triển thương mại đường biển; lòng đất có nhiều khoáng sản nên thuận lợi phát triển luyện kim.  + Khác nhau:   * La Mã cổ đại có nhiều đồng bằng rộng lớn nên trồng trọt và chăn nuôi có điều kiện phát triển, còn Hy Lạp bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ hẹp, không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp trồng cây lương thực. * Với vị trí ở trung tâm Địa Trung Hải, La Mã không chỉ có thuận lợi trong tiến hành buôn bán với các vùng xung quanh Địa Trung Hải mà còn dễ dàng chinh phục những vùng lãnh thổ mới và quản lí hiệu quả cả đế chế rộng lớn. |

**Hoạt động 2: TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC LA MÃ CỔ ĐẠI**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được La Mã thiết lập hình thức cộng hòa không có vua sau đó chuyển sang hình thức nhà nước đế chế.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm :** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  - GV yêu cầu HS quan sát Lược đồ 11.2 và đọc thông tin mục II SHS trang 59, xác định địa bàn ban đầu của La Mã cổ đại và phạm vị của La Mã thời đế chế.  *C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_55.png*  *Hình 2: Lược đồ La Mã cổ đại*.  **-** GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và cho biết:  + Cơ cấu và tổ chức hoạt động nhà nước La Mã thời kì cộng hòa?  + Cơ cấu và tổ chức hoạt động nhà nước La Mã thời kì đế chế?  **-** GV giải thích khái niệm cộng hòa và đế chế:  + Cộng hoà: nước không có vua hay hoàng đế; người đứng đầu do công dân bầu chọn.  + Đế chế: một nước trong đó vua hay hoàng đế xâm lược và chiếm lãnh thổ các nước khác, tạo ra một lãnh thổ rộng lớn hơn.  - GV mở rộng kiến thức: Viện Nguyên lão ở thời Cộng hoà có quyền lực nhất nhưng sang thời đế chế thì mất quyền lực vì bị hoàng đế thao túng, chức năng giảm thiểu chỉ còn quyền thông qua luật, không được đề xuất (quyền của hoàng đế), không có quyền phủ quyết.  - GV chia HS thành các nhóm và yêu cầu HS thảo luận trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập số 2:  + Nhà nước thành bang Hy Lạp và nhà nước để chế La Mã có điểm gì khác nhau?  + Tại sao Nhà nước La Mã lại phát triển thành một Nhà nuóc đế chế, trong khi các nhà nuóc thành bang ở Hy Lạp lại không có xu hướng như vậy?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **II. TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC LA MÃ CỔ ĐẠI**  **-** Xác định địa hình:  + Ban đầu của La Mã cổ đại: Khi mới thành lập, La Mã chỉ là một thành bang nhỏ bé ở miền Trung bán đảo I-ta-li-a.  + Dần dần, thông qua chiến tranh, lãnh thổ La Mã không ngừng được mở rộng và trở thành một đế chế rộng lớn. Vào đầu thế kỉ II, lãnh thổ của đế chế La Mã bao gồm toàn bộ vùng đất xung quanh Địa Trung Hải, vùng ven bờ Đại Tây Dương và quần đảo Anh.  - Cơ cấu và tổ chức hoạt động nhà nước La Mã thời kì cộng hòa: La Mã thiết lập hình thức nhà nước cộng hoà khòng có vua, cai trị dựa trên luật pháp và mọi chức vụ phải được bầu ra. Tuy nhiên, thực chất quyền lực năm trong tay 300 thành viên của Viện Nguyên lão, thuộc các gia đình giàu có nhất của giới chủ nô La Mã.  - Cơ cấu và tổ chức hoạt động nhà nước La Mã thời kì đế chế: vẫn duy trì như thời cộng hoà nhưng hoàng đế thâu tóm tất cả quyền lực. Viện Nguyên lão chỉ còn là hình thức, không còn quyền hành trong thời kì đế chế.  - Sự khác nhau của nhà nước thành bang Hy Lạp và nhà nước để chế La Mã:  + Cơ quan quyền lực cao nhất:   * Hy Lạp: Đại hội nhân dân. * La Mã: Đấng tối cao - quyền lực nằm trong tay một người như hoàng đế.   + Phạm vi lãnh thổ, mức độ dân chủ:   * Hy Lạp: tiêu biểu cho chế độ dân chủ cổ đại. * La Mã: có xu hướng độc quyền.   - Nhà nước La Mã lại phát triển thành một Nhà nuóc đế chế, trong khi các nhà nuóc thành bang ở Hy Lạp lại không có xu hướng như vậy vì:  + Để cai quản được lãnh thổ rộng lớn bao trùm nhiều phần của cả ba châu lục (Âu, Á, Phi) vào thời kì đế quốc La Mã thì cần một bộ máy nhà nước trong đó quyền lực tập trung vào trong tay một người, đó là hoàng đế.  + Trong khi đó, các thành bang ở Hy Lạp lại chủ yếu phát triển kinh tế công thương nghiệp, buôn bán bằng đường biển ở các hải cảng sầm uất, nên không có xu hướng mở rộng lãnh thổ và hình thành nhà nước đế chế như ở La Mã. |

**Hoạt động 3: NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA TIÊU BIỂU**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã cổ đại trên một số lĩnh vực: hệ thống chữ cái, số, luật, phát minh ra bê tông.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  - GV giới thiệu kiến thức: Hầu hết các thành tựu văn hóa tiêu biểu như: chữ viết, chữ sô, bê tông,....vẫn được sử dụng.  **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_9.png**- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp: quan sát các hình từ Hình 11.4 đến Hình 11.7, đọc thông tin mục III SGK trang 60,61, trình bày những thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã cổ đại.  **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_11.pngC:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_10.pngC:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_8.png**  **-** *GV mở rộng kiến thức*: người La Mã đã sáng tạo ra loại bê tông siêu bền từ cao su, vôi sống, cát, tro bụi núi lửa. Để xây dựng hệ thống đường sá mà nay vẫn còn sử dụng được, người La Mã đào sâu xuống 3m, rồi lót các tảng đá lớn, sau đó đổ đầy cát sỏi, lấp các lỗ hổng. Trên mặt đường, họ ốp những phiến đá lớn, có các rãnh để thoát nước khi trời mưa. Trên dọc tuyến đường đều có đánh số km kể từ km số 0 ở Quảng trường La Mã toả đến các tỉnh trong đế chế (câu thành ngữ:“mọi con đường đều đổ về Roma” là vì thế).  - GV cho HS chơi trò chơi: Trong vai một HS La Mã thời cổ đại em hãy:  + Biểu diễn phép tính toán đơn giản để giải quyết bài toán: 350 +270.  + Em có nhận xét gì về cách biểu diễn phép tính này?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **III. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA TIÊU BIỂU.**  - Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã cổ đại:  + Hình 11.4: chữ viết của người La Mã, được xem là một trong những đóng góp vĩ đại của cư dân La Mã cho loài người. Nhiều chữ ngày nay vẫn được sử dụng như A, B, L, O, Q, X, Y, Z,... Nhiều danh từ chung được dùng phổ biến hiện nay như senat (thượng viện), politic (chính trị), republic (cộng hoà),... đều xuất phát từ La Mã.  + Hình 11.5: dù không còn được dùng trong tính toán, nhưng vẫn được dùng để đánh số đề mục hoặc sử dụng đánh số trên đề mặt đồng hồ,...  + Hình 11.6: cho thấy trình độ kĩ thuật của người La Mã trong xây dựng đền đài, cầu cống, đường sá mà nhiều đoan đường ngày nay vẫn được sử dụng.  + Hình 11.7: Phản ánh những thành tựu nổi bật về kiến trúc và xây dựng của người La Mã. Dù chỉ còn là phế tích nhưng quảng trường La Mã cho thấy sự hoành tráng với các đền đài, dinh thự và sở dĩ nó bất tử với thời gian bởi kĩ thuật làm bê tông độc đáo của họ kết hợp tiếp thu phát minh về các dạng thức cột của người Hy Lạp.  - Viết theo số La Mã là: CCCL + CCLXX= DCXX.  + Nhận xét: tính toán bằng chữ số La Mã rất phức tạp, công kênh, nhất là với phép tính nhiều con số. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết .

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 phần Luyện tập SHS trang 61:*

Vai trò của Viện Nguyên lão trong thời kì đế chế khác thời kì cộng hòa như thế nào?

|  |
| --- |
| Lớp:......  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Nhóm…:**  **Câu hỏi 1:** Điều kiện tự nhiên của La Mã cổ đại có gì giống và khác nhau so với Hy Lạp cổ đại?  **Câu hỏi 2:** Tại sao Nhà nước La Mã lại phát triển thành một Nhà nước đế chế, trong khi các nhà nước thành bang ở Hy Lạp lại không có xu hướng như vậy  **Trả lời:**  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

Thời cộng hoà, Viện Nguyên lão có quyền tối thượng. Sang thời đế chế, sự khác biệt lớn nhất là Viện Nguyên lão chỉ có danh nghĩa, không có quyền hành thực tế, hoàng để thâu tóm mọi quyền lực.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 phần Vận dụng SHS trang 61:* Em hãy kể tên một số thành tựu văn hóa của La Mã cổ đại vẫn được ứng dụng trong thời kì hiện đại.

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Một số thành tựu văn hóa của La Mã cổ đại vẫn được ứng dụng trong thời kì hiện đại:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lĩnh vực** | **Thành tựu** | **Vận dụng ngày nay** |
| Chữ viết và chữ số | - Chữ La tinh.  - Chữ số La Mã. | - Cơ sở của 200 ngôn ngữ và chữ viết trên thế giới.  - Chữ La tinh ngày nay vẫn là ngôn ngữ quốc tế; vẫn dùng phổ biến trong y dược học.  - Chữ số ngày nay vẫn dùng đánh số các đề mục lớn; đánh số trên đồng hồ, những trang nằm trước phần chính của một quyển sách, đánh số cho một số hoạt động nào đó (ví dụ đại hội Đảng,...). |
| Kiến trúc | Mái vòm | Xây dựng các nhà thờ, công trình công cộng |
| Kĩ thuật | Xi măng, bê tông, xây dựng đường sá, cầu cống. | Xây dựng nhà cửa, công trình công cộng, đường sá, cầu  cống, quy hoạch đô thị. |

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức*

Lớp:......

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

HỌ VÀ TÊN: ……………………………………………………..

**Bài tập vận dụng (Về nhà làm)**

Hãy chọn và giới thiệu một thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã cổ theo

cách của em.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………..

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**CHƯƠNG IV. ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X.**

**Bài 12. CÁC VƯƠNG QUỐC Ở ĐÔNG NAM Á TRƯỚC THẾ KỈ X**

(… tiết)

|  |  |
| --- | --- |
| **20526659_684991958366288_984150484_n** |  |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

* Trình bày được sơ lược vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.
* Trình bày được quá trình xuất hiện và sự giao lưu thương mại của các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.

***2. Về năng lực:***

- Năng lực chung

+ Tự chủ và tự học: Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện.

+ Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ cá nhân, nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp bản thân.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo: Phân tích, tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực riêng

+ Tìm hiểu lịch sử: Khai thác các thông tin có trong hình ảnh, tư liệu, đọc bản đồ xác định mối liên hệ giữa các quốc gia Đông Nam Á thời cổ với các nước Đông Nam Á hiện tại.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu được vị trí địa lý của khu vực. Miêu tả được sự xuất hiện của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á. Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các quốc gia Đông Nam Á.

+ Vận dụng kiến thức đã học để liên hệ với tình hình hiện tại.

***3. Về phẩm chất:***

* Nhân ái, biết tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hóa, học hỏi để hòa nhập.
* Có ý thức bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa chung của khu vực ĐNÁ.
* Giáo dục tinh thần chung thống nhất của khu vực và hướng tới cộng đồng chung ASEAN

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.  **b) Nội dung**:  **GV:** Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.  **HS** quan sát hình ảnh, làm việc nhóm để trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm:** - HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức ban đầu về ĐNÁ  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chiếu lược đồ ĐNÁ ngày nay và đặt câu hỏi:  ? Em hiểu thế nào là ĐNÁ?  ? Đông Nam Á ngày nay gồm bao nhiêu quốc gia?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích lược đồ và trả lời câu hỏi.  **HS:** Quan sát, phân tích hình ảnh và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm, chỉ bản đồ.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1. Vị trí địa lý của Đông Nam Á** | | | |
| **a) Mục tiêu:** HS nhận biết được vị trí địa lí của Đông Nam Á trên bản đồ. HS nhận biết được đặc điểm nổi bật về địa hình của Đông Nam Á.  **b) Nội dung:** GV yêu cẩu HS quan sát lược đồ hình 12.1 (tr.63), kết hợp khai thác thông tin trong SGK để khai thác  **c) Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cẩu HS quan sát lược đồ hình 12.1 (tr.63), kết hợp khai thác thông tin trong SGK đặt câu hỏi với nhóm bàn 2 bạn. (2 phút)  ? Trình bày sơ lược vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á  ? Vị trí địa lí này mang đến những thuận lợi, khó khăn nào cho cuộc sống của cư dân Đông Nam Á  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý (nếu cần).  **HS:**  - Quan sát ngữ liệu trong SGK.  - Làm việc nhóm, suy nghĩ tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** mời HS 1 vài nhóm lên chỉ trên lược đổ và trình bày vị trí địa lí của Đông Nam Á  **HS** nhận biết được vị trí địa lí của Đông Nam Á trên bản đồ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  GV có thể mở rộng kiến thức Đông Nam Á nằm ở "ngã tư đường" giữa [châu Á](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u_%C3%81) và [châu Đại Dương](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u_%C4%90%E1%BA%A1i_D%C6%B0%C6%A1ng), [Thái Bình Dương](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_B%C3%ACnh_D%C6%B0%C6%A1ng) và [Ấn Độ Dương](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99_D%C6%B0%C6%A1ng). [Eo biển Ma-lắc-ca](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Eo_bi%E1%BB%83n_Malacca) chính là "yết hầu" của giao lộ này, địa vị chiến lược trọng yếu vô cùng. [Eo biển Ma-lắc-ca](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Eo_bi%E1%BB%83n_Malacca) nằm ở giữa [bán đảo Mã Lai](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/B%C3%A1n_%C4%91%E1%BA%A3o_M%C3%A3_Lai) và [đảo Sumatra](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Sumatra), lưu thông tàu thủy các nước bờ tây Thái Bình Dương phần nhiều đi qua tuyến hàng hải này hướng tới [Nam Á](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Nam_%C3%81), [Tây Á](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2y_Nam_%C3%81), bờ biển phía đông [châu Phi](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u_Phi) và các nước đi sát bờ biển ở châu Âu. | | - Khu vực Đông Nam Á: nằm trên con đường hàng hải nối liền giữa Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương; là cầu nối giữa Trung Quốc, Nhật Bản với Ấn Độ, Tây Á và Địa Trung Hải.  - Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, lượng mưa lớn, thuận lợi trồng cây lúa nước, các loại gia vị và cây hương liệu quý hiếm. | |
| **2. Sự xuất hiện các vương quốc cổ từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII** | | | |
| **a. Mục tiêu:** HS rút ra được quá trình hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á  **b. Nội dung:**  GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm 2 bàn (4 bạn – kĩ thuật khăn phủ bàn - 5 phút) và giao nhiệm vụ:  ? Quan sát hai lược đồ 12.1 và 12.2, em xác định và đọc tên các vương quốc cổ ở Đông Nam Á. Những vương quốc đó hiện nay thuộc về quốc gia nào ?  ? Quan sát lược đồ ở vùng lục địa rút ra điểm chung về sự ra đời và phát triển của các vương quốc cổ là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  Quan sát theo hai khu vực lục địa và hải đảo.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  -GV gợi ý: Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc của người Việt tại sao không có tên trong lược đồ?  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Các vương quốc được hình thành ở cả Đông Nam Á, nhưng đầu tiên và nhiều nhất là ở lục địa vì có điều kiện tự nhiên thuận lợi, sông lớn tạo điều kiện cho người dân tụ họp thành các làng xã.  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang mục 3. | | | Trong những thế kỉ đầu Công nguyên, một số vương quốc cổ lần lượt ra đời như:  - Pe-gu, Tha-ton -> Myanmar  - Chăm-pa, Phù Nam -> Việt Nam.  - Đốn Tốn, Xích Thổ -> Miền nam Thái Lan và Ma-lai-xi-a.  - Ma-lay-u, Ta-ru-ma -> In-đo-nê-xi-a.  Cơ sở hình thành và phát triển gắn với những dòng sông đổ ra biển, nghề nông, buôn bán với nước ngoài. (thương cảng Óc Eo- Việt Nam) |
| **3. Sự hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ XII đến thế kỉ X** | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS rút ra được quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng hoạt động nhóm bàn, KT “tia chớp” để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, trao đổi với bạn và hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phiếu bài tập, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Xác định trên bản đồ 12.3 vị trí các vương quốc phong kiến đã xuất hiện từ thế kỷ VII đến thế kỷ X. Vị trí các vương quốc đó thuộc các quốc gia ĐNÁ nào ngày nay? (dựa vào hình 12.1)   |  |  | | --- | --- | | Vương quốc phong kiến | Thuộc quốc gia ngày nay | |  |  |   ? Em hiểu thế nào về khái niệm vương quốc cổ và vương quốc phong kiến?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân trao đổi bạn và ghi lại đáp án câu hỏi.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em tìm đáp án (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  -Yêu cầu HS trình bày theo tinh thần xung phong  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Xung phong trình bày sản phẩm bài tập của nhóm mình.  - HS khác quan sát, theo dõi bạn trình bày và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Về khái niệm: Cổ đại: Thời đại của các quốc gia đầu tiên (theo chế độ chuyên chế cổ đại hay chiếm hữu nô lệ) thời đại của những nền văn minh đầu tiên của nhân loại.  Phong kiến: Chế độ XH xây dựng trên cơ sở quan hệ bóc lột của quý tộc, địa chủ đối với nông dân bằng tô thuế.  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | Từ thế kỷ VII, ở Đông Nam Á có hàng loạt các vương quốc phong kiến mới được hình thành như:  - Pagan, Thaton và Pegu -> thuộc Myanma ngày nay.  - Ha-ri-pun-giay-a và Đva-ra-va-ti -> Thái Lan.  - Cam-pu-chia (Chân Lạp)  - Đại Cồ Việt, Chăm-pa -> Việt Nam.  - Tu-ma-sic -> Xin-ga-po.  - Sri-vi-giay-a, Kalinga -> In-đô-nê-xi-a | | |

**HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Em hãy trình bày đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS chỉ ra được các vương quốc cổ gắn bó với sông Mê Công).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Sông Mê Công gắn bó với lịch sử của các vương quốc cổ nào ở Đông Nam Á? Những vương quốc đó thuộc về các quốc gia nào ngày nay?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có). ( 4 nước Mi-an-ma, Lào, CPC, Việt Nam)

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

BÀI 13. GIAO LƯU THƯƠNG MẠI VÀ VĂN HOÁ Ở

ĐÔNG NAM Á (TỪ ĐẨU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THÊ KỈ X)

(…tiết)

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

**1. Về kiến thức**

- Mối liên hệ giữa khu vực Đông Nam Á với thế giới bên ngoài từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Kĩ năng đọc bản đồ (chỉ ra con đường quốc tế trên vùng biển Đông Nam Á trước thế kỉ X

- Xác định được chủ quyền biển Đông thuộc về vương quốc nào ngày xưa và quốc gia nào ngày nay.

- Trình bày được con đường giao thương trên biển ở khu vực Đông Nam Á.

- Hiểu được ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đối với sự phát triển của lịch sử khu vực trong 10 thế kỉ đầu Công nguyên.

- Phân tích được những tác động của quá trình giao lưu thương mại và văn hoá đối với khu vực trong 10 thế kỉ đầu Công nguyên.

3. Về phẩm chất

- Trách nhiệm: từ sự thật lịch sử về con đường giao thương và giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á, giáo dục chủ quyền biển đảo cho HS.

- Nhân ái: Giáo dục tinh thần chia sẻ giữa các nền văn hoá (học hỏi hòa nhập, không thôn tính, không xâm lược.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu:**

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.

**b. Nội dung:**

**GV:** Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.

**HS:** quan sát hình ảnh, làm việc nhóm để trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Chiếu hình ảnh về Di tích lịch sử Óc Eo và đặt câu hỏi:



*? Những hình ảnh trên gợi em nhớ đến địa danh nào ở Việt Nam ?*

*? Địa danh đó có ý nghĩa như thế nào đối với lịch sử nước ta ?*

GV đặt vấn đề : Họa sĩ minh họa đã miêu tả sự giầu có của cảng thị cổ Óc Eo trên những hiện vật tìm thấy thuộc nền văn hóa Óc Eo và những di tích kiến trúc còn lại dưới chân núi Thoại Sơn. Câu chuyện về cảng thị Óc Eo đã cung cấp cho các nhà khoa học những bằng chứng quan trọng để nghiên cứu về giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á mười thế kỉ đầu công nguyên.

*- Cách 2 : GV kể cho HS câu chuyện***« Một thành phố chứa đấy châu báu »**

Địa điểm di tích Óc Eo nằm ở chân núi Ba Thê, nay thuộc xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉn An Giang, nay đất bồi đẩy nó vào sâu, cách biển 20 km, nhưng ngược về đầu Công nguyên, Óc Eo nằm ở vị trí “bước một bước ra tới biển“ Những năm 40 của thế kỉ XX, nhiều người dân khi làm ruộng nhặt được khá nhiều vật quý như chuỗi vòng đá quý, nhẫn vàng bạc, mặt ngọc, nhìn không khác mấy với những đồ nữ trang trưng bày trên cửa hàng vàng bạc thời nay.

Do vậy, cuối tháng 2 - 1944, chính quyền Pháp đã tổ chức khai quật di tích Óc Eo mà người đứng đầu là nhà khảo cổ học lừng danh L. Malleret. Một số lượng đồ trang sức rất lớn đã được L. Malleret công bố bao gồm: 1.311 món nữ trang vàng, cân nặng 1.120 gam, sau đó ông còn thu mua lại từ những người đào trộm di tích hàng trăm món, cân nặng được 453 gam, đáng kể có một thỏi vàng nguyên khối nặng đến 378 gam, tức khoảng 10 lạng; số hạt ngọc và đá quý đào và thu lại được là 10.062, trong đó có 779 viên là đào được, còn lại ông thu từ trẻ con nhặt được khi đi theo đoàn khảo cổ. Sau năm 1975, phát hiện thêm khoảng 100 món trang sức vàng, 443 hạt đá quý, hơn 120 con dấu (triện), 2.000 mảnh vàng (có thể là vật cúng đặt ở các đền chùa).

*(Lược trích từ Lương Ninh, Vương quốc Phù Nam Lịch sử và Văn hóa, NXB văn hóa thông tin 2005 tr 292)*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

**HS:** Quan sát, phân tích hình ảnh và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.

**B3: Báo cáo thảo luận**

**GV**:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS**:

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Quá trình giao lưu thương mại** | | |
| **a) Mục tiêu**: HS nắm được quá trình giao lưu thương mại giữa các quốc gia khu vực Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Description: C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_2.png**- GV giới thiệu kiến thức: Vào những thế kỉ đầu Công nguyên, nhu cầu trao đổi hàng hoá giữa Trung Quốc, Ấn Độ và xa hơn là Địa Trung Hải đã mở ra tuyến đường thương mại quan trọng trên vùng biển Đông Nam Á. Thuyền buôn của nhiều nước trên thế giới đã có mặt tại đây, mở ra quá trình giao lưu thương mại giữa Đông Nam Á với thế giới bên ngoài.  - GV yêu cầu HS quan sát Lược đồ 13.4 và trả lời câu hỏi: *Em hãy mô tả con đường mà thương nhân nước ngoài đi qua vùng biển Đông Nam Á mười thế kỉ đầu Công nguyên?*  Description: C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_3.png  Description: C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_4.png- GV yêu cầu HS quan sát Hình 13.1, 13.2, 13.3 SHS trang 68 và trả lời câu hỏi: *Những hiện vật trong các tư liệu đó kể lại chuyện gì đã xảy ra trong lịch sử khu vực những thế kỉ đầu Công nguyên?*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, đọc thông mục I SHS trang 67 và trả lời câu hỏi:  *? Trình bày hoạt động giao lưu thương mại ở Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên.*  *? Giao lưu thương mại đã dẫn đến những thay đổi nào ở khu vực Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | - Vào những thế kỉ đầu Công nguyên nhu cầu trao đổi hàng hóa giữa Trung Quốc, Ấn Độ và xa hơn là Địa Trung Hải đã mở ra tuyến đường thương mại quan trọng trên vùng biển Đông Nam Á.  - Hoạt động giao lưu thương mại ở Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên:  + Là nơi cung cấp nước ngọt, lương thực.  + Là nơi trao đổi những sản vật có giá trị như: hồ tiêu, đậu khấu, ngọc trai, san hô, đặc biệt là trầm hương – một mặt hàng có giá trị cao.  - Giao lưu thương mại đã thúc đẩy giao lưu văn hóa tác động trực tiếp đến sự ra đời của những vương quốc cổ Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến thế kỉ X. | |
| **2. Quá trình giao lưu văn hóa** | | |
| **a) Mục tiêu**: Thông qua hoạt động, HS biết được trên con đường giao lưu thương mại, các nền văn hóa ngoài khu vực đã lan tỏa đến Đông Nam Á; văn hóa Ấn Độ đã lan tỏa đến Đông Nam Á trên một số lĩnh vực: Hin-đu giáo, phật giáo, chữ viết, kiến trúc nghệ thuật.  **b) Nội dung**:  - GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục II và quan sát Hình 13.6, 13.7, 13.8, trả lời câu hỏi:  *?Giao lưu văn hóa đã tác động như thế nào đến văn hóa Đông Nam Á?*  *?Đọc tư liệu 13.5 và cho biết nền văn hóa cổ đại nào ở Châu Á ảnh hưởng đến khu vực Đông Nam Á?*  *?Em hãy nhận xét về quá trình giao lưu văn hóa ở khu vực Đông Nam Á mười thế kỉ đầu Công nguyên?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang phần luyện tập. | | + Tôn giáo: Hin-đu giáo và Phật giáo nhanh chóng hoà quyện với tín ngưỡng bản địa  - Phù Nam, các vương quốc trên đảo Xu-ma-tra, đảo Gia-va và vương quốc Pa-gan của người Miến chịu ảnh hưởng từ Phật giáo. Hin-đu giáo lại khá phổ biến ở Chăm-pa, Chân Lạp.  + Chữ viết: chữ Phạn trở thành văn tự chính của nhiều vương quốc trong buối đầu thành lập.  + Nghệ thuật: khu đền tháp Mỹ Sơn (Việt Nam) và quần thể Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a) là hai công trình kiến trúc tiêu biểu của Đông Nam Á trước thế kỉ X. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 phần Luyện tập SHS trang 70: Nêu một ví dụ cho thấy sự sáng tạo của cư dân Đông Nam Á khi tiếp thu văn hóa Ấn Độ.*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Sự sáng tạo của cư dân Đông Nam Á khi tiếp thu văn hóa Ấn Độ: chữ Phạn trở thành văn tự chính của nhiều vương quốc trong buối đầu thành lập. Về sau, đã dần cải biến chữ Phạn thành chữ viết riêng như chữ Chăm cổ, chữ Khơ-me cổ, chữ Mã Lai cổ,...

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS chỉ ra được lịch sử của trường học, của ngôi làng, của di tích đền thờ… nơi mình sinh sống).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 phần Vận dụng SHS trang 70:* Dựa vào Lược đồ 13.4, đối chiếu với Bản đồ 12.1, em hãy cho biết con đường thương mại ở Đông Nam Á đi qua những vùng biển, đại dương nào ngày nay.

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Con đường thương mại ở Đông Nam Á đi qua những vùng biển, đại dương ngày nay: biển An-da-man ở Đông nam vịnh Ben-ga-, miền Nam Mi-an-ma, miền Tây Thái Lan và miền Đông quần đảo An-da-man thuộc Ấn Độ Dương. Vịnh Ben-gan là điểm bắt đầu của con đường biển nối miền Nam Ấn Độ với eo Kra và bán đảo Ma-lai-xi-a.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

BÀI 14: NHÀ NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC

(…tiết)

I. MỤC TIÊU

|  |  |
| --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YCCĐ** |
| Năng lựctìm hiểu lịch sử | Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được thông tin có trong các loại hình tư liệu cấu thành nên bài học (truyền thuyết, tư liệu hiện vật, tư liệu gốc, sơ đổ, lược đổ,...). |
| Năng lựcnhận thức và tư duy lịch sử | Nêu được khoảng thời gian thành lập nước Văn Lang, Âu Lạc - mức độ biết. |
| Xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc - mức độ biết và vận dụng. |
| Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc - mức độ hiểu. |
| Năng lựcvận dụng | Xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ. |
| Liên hệ được với kiến thức địa lí để làm rõ ý nghĩa của sông Hổng với đời sống của người Việt cổ. |
| Xác định được vị trí của kinh đô nước Âu Lạc theo địa bàn hiện tại. |
| Liên hệ được những phong tục trong văn hoá Việt Nam hiện nay kế thừa từ thờiVăn Lang - Âu Lạc. |
| phẩm chất | Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tổn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc. |
| Yêu nước, ghi nhớ công ơn xây dựng đất nước của tổ tiên. |

II. CHUẨN BỊ:

## 1. Chuẩn bị của GV

- SGV, SGK, tranh ảnh, tài liệu

**2. Chuẩn bị của HS**

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TỔ CHỨC DẠY HỌC

**A: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:**HS dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV tổ chức trò chơi ô chữ tìm hiểu hoạt động chuẩn bị bài mới của HS và tìm ra ô chữ chìa khoá vào bài mới.

Câu 1. (7 chữ cái); Trình độ phát triển đạt đến mức độ nhất định của xã hội loài người, có nền văn hoá vật chất, tinh thẩn với những đặc trưng riêng.

Câu 2. (7 chữ cái): Thẩn núi Tản Viên, con rể của Hùng Vương thứ 18.

Câu 3. (9 chữ cái): Người đứng đầu nhà nước Văn Lang.

Câu 4. (8 chữcái): Chức quan đứng đầu các bộ thời Văn Lang.

Câu 5. (10 chữ cái): Tên truyền thuyết nói vể cuộc đấu tranh chống giặc Ân của nhân dân ta.

Câu 6. (12 chữ cái): Vua nước Âu Lạc.

Câu 7. (5 chữ cái):Tên kinh đô nước Âu Lạc.

ô chữ hàng dọc: Văn Lang (lưu ý ô chữ chủ để không theo trình tự chữ cái để tăng độ khó)

* GV chốt ý vào bài: dân tộc Việt Nam có bể dày hàng ngàn năm lịch sử. Trong tâm linh và tình cảm của những người dân đất Việt, cha Lạc Long Quân và mẹ Âu Cơ là khởi nguồn của dân tộc và các vua Hùng là những người có công dựng nước. Người Việt có câu "Cây có cội, nước có nguồn", ngay từ khi mới đi học, chúng ta đã biết đến đạo lí "uống nước nhớ nguổn", "cỏ cây từ đất nẻ sinh ra, con người thì phải có tổ tiên ông bà". Tim hiểu, nghiên cứu lịch sử nước nhà là cách thể hiện lòng yêu nước, trách nhiệm với tổ tiên, với nòi giống, với quốc gia. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu vể hai quốc gia đẩu tiên của người Việt: Văn Lang, Âu Lạc.

GV dùng phẩn dẫn nhập trong bài học để dẫn dắt HS vào bài với câu kết: truyền thuyết có phàn ánh sự thật lịch sử không? Dựa trên những bằng chứng khoa học nào để chúng ta tìm hiểu vể thời kì này của dân tộc? Chúng ta hãy cùng nhau dựng lại bức tranh lịch sửthuởđẩu dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

**I. NHÀ NƯỚC VĂN LANG**

**1. Sự ra đời nhà nước Văn Lang**

**a. Mục tiêu:**Sự ra đời nhà nước Văn Lang

**b. Nội dung:**GV cho HS quan sát, vấn đáp..

**c. Sản phẩm học tập:**trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1:  + GV cho HS quan sát các bức tranh mô tả những truyền thuyết của Việt Nam thời dựng nước, sắp xếp lại các truyền thuyết buổi đẩu dựng nước theo nội dung dựng nước, làm thuỷ lợi, chống ngoại xâm - giữ nước (Con Rồng cháu Tiên, Sơn Tinh -ThuỷTinh, Thánh Gióng).  + Xác định những yếu tố cơ sở hình thành nhà nước Văn Lang trong thực tiễn: làm thuỷ lợi, chống ngoại xâm.  + Phân biệt huyền thoại lịch sử và sự thật lịch sử về sự ra đời của nhà nước Văn Lang: Đánh dấu (X) vào ô tương ứng( bảng kèm dưới)  Nước Văn Lang - Âu Lạc tồn tại trong khoảng thời gian từthê' kỉVIITCN đến thế kỉ IITCN.   * *Bước 2:* GV cho HS lên bảng khoanh vùng địa bàn cư trú trên bản đổ (lưu ý các em chỉ cẩn khoanh vùng chính xác tương đối khu vực gắn với ba dòng sông và bao góm những di tích cư trú chủ yếu của người Việt cổ), xác định kinh đô (lưu ý kí hiệu bản đổ). * *Bước 3: để xác* định khoảng thời gian ra đời của nước Văn Lang vào thế kỉ VIITCN. GV lưu ý niên đại trùng với niên đại khảo cổ học của văn hoá Đông Sơn. * Bước 4:GV có thể mở rộng kiến thức dựa trên nội dung phẩn *Em có biết trang* 73. Giải thích lại danh xưng **Hồng Bàng, Lạc Hồng.** | - Cách ngày nay khoảng 2000 năm, vào thời kì văn hoá Phùng Nguyên, những nhóm cư dân Việt cổ mở rộng địa bàn cư trú, di cư từ vùng núi, trung du xuống đồng bằng châu thổ các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.  - Bộ lạc mạnh nhất là Văn Lang, cư trú trên vùng đất ven sông Hồng từ Việt Trì (Phú Thọ) đến chân núi Ba Vi (Hà Nội) ngày nay. Đây là nơi có nghề đúc đồng phát triển sớm, dân cư đòng đúc, sống ven những bãi sa bổi, trổng lúa, trổng dâu. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Truyền thuyết** | **Lịch**  **sử** | ***Nước Văn Lang hình thành như thế nào?***  *Thế kỉ VIITCN, thủ lĩnh bộ lạc Văn Lang đã thu phục các bộ lạc khác, tự xưng là Hùng Vương, thành lập nhà nước Vàn Lang, đóng đô ở Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ). Sự ra đời của nhà nước Văn Lang mở ra thời kì dựng nước đâu tiên trong lịch sử dân tộc.* |
| Con Rồng cháu Tiên | X |  |
| Hùng Vương - Vua nước Văn Lang |  | X |
| Di tích Làng Cả |  | X |
| Kháng chiến chống quân Tẩn (214 -208TCN) |  | X |
| Sơn Tinh -ThuỷTinh | X |  |
| Thánh Gióng | X |  |

**2, Tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang**

**a. Mục tiêu:**HS rút ra được nhận xét về tổ chức bộ máy của nhà nước Văn Lang.

**b. Nội dung:**Dựa vào sơ đồ 14.2, em hãy nhận xét về bộ mảy tổ chức của Nhà nước Văn Lang.

**c. Sản phẩm học tập:**trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  Dựa vào sơ đồ 14.2, em hãy nhận xét về bộ máy tổ chức của Nhà nước Văn Lang.  Description: Chân trời sáng tạo] Giải lịch sử 6 bài 14: Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc -  Tech12h  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **GV** cẩn giải thích các khái niệm sau  *+ Bổ chính:* già làng đứng đẩu chiềng, chạ thời Hùng Vương.  *+ Lạc hấu: chức* quan phụ trách việc dân sự (quan văn) thời Hùng Vương - An Dương Vương.  *+ Lạc tướng: chức* quan phụ trách việc quân sự (quan võ) thời Hùng Vương - An Dương Vương  B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV có thể gọi HS trình bày sản phẩm của mình.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS. | + Nhà nước sơ khai, tổ chức đơn giản, chia làm 3 cấp (chỉ có vài chức quan). Đứng đẩu nước là Vua Hùng đứng đẩu, giúp việc có Lạc hầu, Lạc tướng.  + Bộ do Lạc tướng đứng đẩu; làng, bản (chiềng, chạ) do Bô chính đứng đẩu.  + Nhà nước chưa có quân đội, chưa có luật pháp. Nhà nước Văn Lang tuy đơn giản nhưng đã là tổ chức chính quyển cai quản nhà nước. |

**II. NHÀ NƯỚC ÂU LẠC**

**a. Mục tiêu:**Nhà nước Âu Lạc

**b. Nội dung:**Sử dụng nguồn 14.5, 14.6 trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:**trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *Bước* 1:GV hướng dẫn HS tìm hiểu hoàn cảnh ra đời của nước Âu Lạc.  *Bước 2:* Xác định được vị trí kinh đò của Âu Lạc trên lược đổ và chức năng chính của kinh đô đó. Thời Âu Lạc, người Việt tiếp tục đối mặt với âm mưu xâm lược của các triều đại phong kiến Trung Quốc. An Dương Vương đã cho xây thành Cổ Loa "dài đến ngàn trượng, cao và xoáy trôn ốc" để phòng vệ. Các câu hỏi đặt vấn để sau:  + Sử dụng nguồn 14.5, 14.6 trả lời câu hỏi: Vì sao thời Văn Lang tư liệu chủ yếu là công cụ trong khi thờ Âu Lạc, tư liệu chủ yếu là vũ khí? Qua  hình ảnh nỏ bắn tên liên hoàn và mũi tên đống, em có nhận xét gì về kĩthuật luyện kim và trình độ quân sự thời Âu Lạc?  + Dựa vào phẩn "Em có biết", nêu ý kiến của em về chức năng của thành cổ Loa theo các gợi ý : An Dương Vương xây thành cổ Loa để làm gì? Ai sống trong thành cổ Loa? Vì sao thành cổ Loa được gọi là "quân thành"? GV có thể cho HS sử dụng nguổn 14.5, chia sẻ với bạn bè nội dung truyền thuyết Nỏ thẩn của An Dương Vương. Theo em, truyền thuyết Nỏ thẩn để lại cho nhân dân ta bài học gì trong quá trình dựng nước và giữ nước hiện nay? (Nâng cao).  *- Bước 3:* Nêu điểm mới của tổ chức nhà nước Âu Lạc so với nhà nước Văn Lang GV nên mở rộng dựa vào truyền thuyết An Dương Vương được Rùa Vàng rẽ nước đón xuống biển sau khi chém Mị Châu ở cửa Hiền, Diễn Châu, Nghệ An. Ngày nay, nơi đây vẫn còn đền thờ An Dương Vương gọi là Đển Cuông.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | Sau kháng chiến chống Tần, Thục Phán xưng là An Dương Vương, ông đổi tên nước thành Âu Lạc, dời đô về Phong Khê (nay là cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội). Tổ chức bộ máy nhà nước thời Âu Lạc không thay đổi nhiều nhưng chặt chẽ hơn so với thời Văn Lang, vua có quyền thế hơn trong việc trị nước.  Description: Thành Cổ Loa – Wikipedia tiếng Việt  *H14.4 Sơ đồ khu di tích thành Cổ Loa*  Description: Công cụ bằng đồng thành Cổ Loa  *H14.5 Lẫy nỏ và mũi tên đồng Cổ Loa*  *Description: Những mảnh giáp bằng đồng | Khảo cổ học, Việt nam, Nghệ thuật*  *H14.6 Mảnh giáp che trước ngực bằng đồng thời Âu Lạc* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu:**Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm*:***hoàn thành bài tập;

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1:** Hoàn thành bảng thống kê các nội dung dưới đây vể nhà nước Văn Lang và Âu Lạc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nước Văn Lang** | **Nước Âu Lạc** |
| **Thời gian ra đời** |  |  |
| **Đứng đầu nhà nước** |  |  |
| **Kinh đô** |  |  |

**Câu 2:** Em hãy cho biết các mốc thời gian sau gắn với những sự kiện lịch sử quan trọng nào của thời kì Văn Lang - Âu Lạc?

* Thế kỉ VIITCN: nước Văn Lang thành lập.
* Năm 218TCN - 214TCN: quân Tẩn đánh xuống Văn Lang.
* 208 TCN: kháng chiến chống Tần kết thúc. Âu Lạc thành lập.
* 179 TCN: Âu Lạc bị sáp nhập vào Nam Việt.

**D HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

**b. Nội dung:**GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà

**c. Sản phẩm:**bài tập nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 3:** *Từ truyền thuyết "Con Rổng cháu Tiên", em hiểu thế nào vể hai chữ "đổng bào" và truyền thống "tương thân tương ái" của người Việt Nam? Hãy liên hệ với thực tiễn hiện nay để làm rõ hơn hai khái niệm này.*

* "Đồng bào": cùng chung một bào thai, xuất xứ từ truyền thuyết"Con Rổng cháu Tiên", các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam đếu có cùng nguồn cội, anh em chung một nhà.
* Truyền thống "tương thân tương ái" của người Việt Nam:

*"Bâu ơi thương lấy bí cùng*

*Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn"*

HS tự liên hệ thực tế

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI 15. ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT**

**THỜI KÌ VĂN LANG, ÂU LẠC**

**(…tiết)**

I. MỤC TIÊU

|  |  |
| --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YCCĐ** |
| Năng lựctìm hiểu lịch sử | Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được thông tin có trong tư liệu gốc cấu thành bài học (tư liệu gốc); hình ảnh minh hoạ; sơ đổ, lược đổ,...). |
| Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử | * Mô tả được đời sống vật chất và tinh thẩn của cư dân Văn Lang, Âu Lạc - mức độ hiểu. |
| * Trình bày được những đặc trưng kinh tế, văn hoá dân tộc đã được hình thành từthời kì này - mức độ hiểu. |
| * Mô tả được đời sống vật chất và tinh thẩn của cư dân Văn Lang, Âu Lạc - mức độ hiểu. |
| Năng lựcvận dụng | Liên hệ được những yếu tố văn hoá truyền thống từthời kì Văn Lang, Âu Lạc vẫn được nuôi dưỡng trong xã hội Việt Nam ngày nay. |
| Phẩm chất | Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc. |
| Yêu nước, sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc |

II. CHUẨN BỊ:

## 1. Chuẩn bị của GV

- SGV, SGK, tranh ảnh, tài liệu

**2. Chuẩn bị của HS**

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TỔ CHỨC DẠY HỌC

**A: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:**HS dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

* GV có thể khởi động bài học bằng lời hát ru như trong phẩn dẫn nhập của bài 15 (trang 77).
* GV tổ chức trò chơi ô chữ kết nối với nội dung bài học trước và tìm ra ô chữ chìa khoá vào bài mới.

***Giải mã ô chữ***

Câu 1. (5 chữ cái): Tên kinh đô nước Âu Lạc.

Câu 2. (6 chữ cái): Đền thờ vua Hùng đặt ở tỉnh này.

Câu 3. (8 chữcái):Tên gọi con trai vua Hùng.

Câu 4. (7 chữ cái): Tên gọi khác của thần núi Tản Viên, con rể của vua Hùng vương thứ 18.

Câu 5. (9 chữ cái): Người đứng đẩu nhà nước Văn Lang gọi là gì?

Câu 6. (8 chữ cái): Chức quan đứng đẩu các bộ thời Văn Lang.

Câu 7. (4 chữ cái): Người mẹ của vua Hùng trong truyền thuyết"Con Rồng cháuTiên".

**Ô*chữ hàng dọc:* Lúa nước**

* Trong bài 16, chúng ta cùng trở về quá khứ cách nay hơn 2000 năm trước, thời kì cha ông ta vừa dựng nước, chống giặc ngoại xâm, vừa lập làng, làm nhà, kiến tạo cuộc sống, xây dựng một nền văn hoá phù hợp với điểu kiện và tính cách của dân tộc.

**I.ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT**

**a. Mục tiêu:**HS hiểu được đời sống vật chất

**b. Nội dung:**khai thác và sử dụng tư liệu hiện gốc và tư liệu hình ảnh minh hoạ .

**c. Sản phẩm học tập:**trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập   * Quan sát các hình kết hợp với thông tin trong bài, GV chia lớp thành 3 nhóm:   NV1: Các ngành nghề sản xuất chính của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.  NV2: Cư dân Văn Lang, Âu Lạc sử dụng chiếc muôi đồng và thạp đông đê làm gì?  NV3: Vì sao người Văn Lang, Âu Lạc thường ở nhà sàn?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **NV1:** GV khai thác và sử dụng tư liệu hiện gốc (mặt trống đống) và tư liệu hình ảnh minh hoạ (đổ hoạ lại hoa văn trên mặt trống).  Phát triển Năng lựcnhận thức và tư duy lịch sử khi miêu tả đời sống sản xuất và sinh hoạt hằng ngày của người Việt thời kì Văn Lang - Âu Lạc:  + Hình ảnh nam nữ giã gạo, mặt trời, chim cò, hình trâu bò và kết hợp với đồ dựng bằng gốm và thạp đổng (hình 15.2,15.3),... cho thấy ngành nông nghiệp trổng lúa nước đã trở thành một nghề chủ yếu, cố định của người Việt thời dựng nước. Người dân trổng lúa dưới ánh Mặt Trời, chim, cò **–**  ***+ NV2: Gợi ý trả lời:*** thạp đổng được tìm thấy rất nhiều trong nến văn hoá Đông Sơn *(Đào Thịnh, Đào Xá,...).* Điểu này liên quan gì đến đời sống sản xuất? *(có thể đựng lúa, chứng tỏ hạt lúa rất thiêng liêng nên họ trang trí thạp đổng rất công phu).*  + Trong bữa ăn, người dân Văn Lang thường dùng những vật dụng gì?  *Thức ăn chính là cơm, biết làm mắm từ cá, làm muối và dùng gừng làm gia vị, sử dụng mâm, bát, muôi,... có trang trí hoa, hình ảnh đẹp. Nhiểu món ăn mang ý nghĩa tượng trưng cho những giá trị đạo lí của cộng đổng như*  tung bay ngoài đổng ruộng, đậu lên trên cả mái nhà (nhà mái cong), từng đôi nam nữ giã gạo trong mùa thu hoạch lúa,...  GV có thể cho học sinh làm bảng thống kê sau: ( bên dưới)  **NV3:**  + Cư dân làm nhà ở những vùng đất cao ven sông, ven biển hoặc trên sườn đổi. Họ làm nhà sàn để tránh thú dữ. Nhà có mái cong hình thuyền hoặc mái tròn hình mui thuyền.  + GV có thể gợi ý: tại sao chúng ta biết tổ tiên chúng ta thường ở nhà sàn? *(Giải mã tư liệu hình ảnh thời kì Đông Sơn).*  B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - HS khác lắng nghe, thảo luận thêm, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS.  **- Mở rộng và nâng cao kiến thức:** sử dụng tư liệu số 15.1, hình thành Năng lựcquan sát, khai thác, tư liệu lịch sử, giải mã được kênh hình, tái hiện lịch sử, miêu tả được đời sống vật chất của người Việt thời Văn Lang - Âu Lạc.  + Các ngành nghề sản xuất chính của cư dân Văn Lang, Âu Lạc: nông nghiệp và thủ công nghiệp.  + Kể ba hoạt động sản xuất của cư dân Văn Lang - Âu Lạc: cuốc ruộng, cày ruộng, thu hoạch lúa, giã gạo, cất giữ lúa,...  + Một số công cụ lao động chủ yếu của thời Văn Lang - Âu Lạc lưỡi hái (thu hoạch), cuốc, lưỡi cày (xới đất trổng lúa,...), rìu. | Cư dân Văn Lang, Âu Lạc chủ yếu sống bằng nghề nông trổng lúa nước. Họ dùng lưỡi cày, lưỡi hái, cuốc, rìu,... bằng đổng làm công cụ sản xuất; dùng thạp đồng, thau, chậu, bình gốm để đựng lúa gạo. Ngoài ra, họ còn biết trổng dâu nuôi tằm, trổng hoa màu, chăn nuôi, đánh bắt cá,...  Description: Chùm ảnh: Trống đồng Hoàng Hạ - một dấu ấn văn hóa Đông Sơn ở Hà Nội -  Redsvn.net  *Mặt trống đồng Ngọc Lũ*  Các nghề thủ công như làm đồ gốm, dệt vải, làm nhà, đóng thuyền phát triển. Nghề luyện kim và kĩ thuật đúc đồng dần được chuyên môn hoá; kĩ thuật rèn sắt xuất hiện Những hoa văn tinh xảo trên trống đồng Ngọc Lũ, thạp đồng Đào Thịnh là minh chứng cho trình độ kĩ thuật và mĩ thuật của người thợ thủ công Văn Lang, Âu Lạc.  Description: https://aokieudep.com/wp-content/uploads/2018/09/Thap-dong-dao-thinh.png  Description: https://aokieudep.com/wp-content/uploads/2018/09/Trong-dong-ngoc-lu.png  Description: Những chiếc muôi đồng Đông Sơn được tạo dáng nghệ thuật  *Muôi đồng Đông Sơn*  Thức ăn chính là cơm nếp, cơm tẻ, ăn cùng với rau, cua, tôm, cá, ốc,... Ngày lễ, ngày tết có thêm bánh chưng, bánh giầy.  Cư dân đi lại chủ yếu bằng thuyền, ở nhà sàn.  Description: Cách gói bánh chưng ngày Tết - Download.vn  *Bánh chưng*  *Description: Mỹ thuật Việt Nam thời kỳ Hùng Vương | Việt nam, Mỹ thuật, Viết*  *Hình vẽ mô phỏng nhà sàn của cư dân Văn Lang, Âu Lạc dựa trên hoa văn của*  *trống đồng Ngọc Lũ* |

BẢNG THỐNG KÊ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Người Văn Lang** | **Ăn** | **Mặc** | **Ở** | **Đi lại** |
|  | -Thức ăn chính là cơm tẻ, cơm nếp với thịt, cá, cua, ốc, rau, dưa, cà..., biết dùng gia vị, làm bánh, nấu rượu,...  - Trong bữa ăn có mâm, bát, muôi,... | Nữ mặc váy, nam đóng khố, đi chân đất. Khi có lễ hội, nữ mặc áo và váy dài, nam mặc áo và quẩn dài, đầu chít khăn cài lông chìm, đeo trang sức,... | Họ làm nhà sàn ở những vùng đất cao ven sông để tránh thú dữ. Nhà sàn có mái cong hình thuyền hay mái tròn hình mui làm bằng gỗ,tre, nứa, lá,... | Người dân Văn Lang sống ven các dòng sông lớn, phương tiện đi lại chủ yếu bằng thuyền. |

**II. ĐỜI SỐNG TINH THẦN**

**a. Mục tiêu:**Đời sống vật chất và tinh thẩn của cư dân Văn Lang - Âu Lạc.

**b. Nội dung:**xây dựng kĩ năng lịch sử, gồm đọc và khai thác tư liệu hiện vật, qua đó phục dựng lại được bức tranh lịch sử vể đời sống vật chất và tinh thẩn của cư dân Văn Lang - Âu Lạc.

**c. Sản phẩm học tập:**trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  Những điểm nổi bật trong đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - GV tổ chức cho HS hoạt động, giải mã những hình ảnh trên trống đổng Ngọc Lũ và thạp đồng Đào Thịnh, tư liệu 15.6 và 15.8.  - Phân tích những thông tín vể quá khứ trong hình 15.7 và 15.8.  Cu dân Văn Lang - Âu Lạc có đời sống tinh thẩn phong phú, hoà hợp với tự nhiên.  - Quan sát hoa văn trang trí trên thạp đổng Đào Thịnh trong tư liệu 15.8, em có suy nghĩ gì vể đời sống tinh thần của người Văn Lang - Âu Lạc?  B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV có thể gọi HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS khác lắng nghe, thảo luận thêm, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | Cư dân Văn Lang, Âu Lạc có đời sống tinh thần giản dị, hoà hợp với tự nhiên.  Họ thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần trong tự nhiên như thần Sông, thần Núi, thần Mặt Trời,... Người chết được chôn cất trong thạp, bình, mộ thuyền, mộ cây. Mộ của người giàu có thường chôn theo những công cụ và đồ trang sức quý giá.  Người Việt thời này có khiếu thẩm mĩ riêng như nhuộm răng đen, xăm mình  Description: Mộ thuyền Việt Khê: Lần đầu tiên trưng bày 16 bảo vật quốc gia Việt Nam |  VTV.VN  *Mộ thuyền Việt Khê*  *Description: Link tải hoa văn trống đồng vector, PSD, PNG, Ai miễn phí*  *Trống đồng Đông Sơn* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu:**Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm*:***hoàn thành bài tập;

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1:** Thời Văn Lang, Âu Lạc, người Việt có những phong tục gì nổi bật?

Thờ cúng tổ tiên, nhảy múa, thờ thần linh, xăm mình, nấu bánh chưng

**Câu 2:** Em hãy cho biết những công cụ lao động nào ở bảng dưới đây tương ứng với các hoạt động trổng lúa nước được thể hiện trong hình 15.1

**Câu 3:** Những phong tục nào trong văn hoá Việt Nam hiện nay được kế thừa từ thời Văn Lang, Âu Lạc?

* GV giải thích: phong tục là toàn bộ những hoạt động sống của con người mang tính bển vững, phổ biến, được cộng đổng thừa nhận, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
* Bài tập này gổm hai yêu cẩu:
* + Tiếp thu được kiến thức mới: những phong tục được hình thành từ thời kì Văn Lang - Âu Lạc (thờ cúng tổ tiên, bánh chưng bánh giẩy, chôn cất người chết, ăn trầu cau, xăm mình,...).
* + Vận dụng vào trong phong tục hiện nay: trầu cau vẫn giữ trong phong tục cưới xin, làm bánh chưng, bánh giầy tưởng nhớ tổ tiên (đặc biệt trong những ngày Tết); phong tục coi trọng người chết (chôn cất,...).Tục xăm mình không được coi là phong tục hiện nay vì nó không phản ánh nền nếp xã hội và không được cộng đổng chấp nhận.

**D HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

**b. Nội dung:**GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà

**c. Sản phẩm:**bài tập nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 4:** Em hãy kể một truyền thuyết gắn liền với đời sống vật chất, tinh thẩn của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

- Bánh chưng bánh giầy,Trầu cau,Trăm trứng nở trăm con,...

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Bài 16. CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI**

**PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA VIỆT NAM THỜI KÌ BẮC THUỘC**

**(…tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

– Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.

– Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hoá ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.

**3. Phẩm chất**

– Có ý thức giữ gìn bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

– Yêu nước sẵn sàng góp sức xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phiếu học tập.

- Tranh ảnh, sơ đồ.

- Video về một số nội dung trong bài học (nếu có).

**2. Chuẩn bị của học sinh**

Tranh ảnh, dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ1. Mở đầu – xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:**

- Chuẩn bị tâm thế để học sinh tham gia vào bài học.

- Xác định được vấn đề của bài học.

**b. Nội dung:** Quan sát tranh ảnh và sự hiểu biết, em hãy nêu nội dung của những bức tranh sau

 1/  2/ 3/  4/

**c. Sản phẩm**

1/Trầu cau.

2/Trống đồng Đông Sơn

3/Lưỡi cày đồng.

4/Lẫy, nỏ đồng

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Quan sát tranh ảnh và sự hiểu biết, em hãy nêu nội dung của những bức tranh sau

 1/  2/ 3/  4/

***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV: Định hướng giúp học sinh lựa chọn thông tin phù hợp để trả lời câu hỏi

Hs: Tập trung xác định đúng nội dung của 4 bức tranh

**B3: *Báo cáo thảo luận***

**GV**:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS**:

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

***B4: Kết luận, nhận định.***

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

**HĐ2. Hình thành kiến thức mới**

**I.CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Tổ chức bộ máy cai trị** | |
| **a. Mục tiêu:** Nêu được cách thức tổ chức bộ máy cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc. Hiểu được âm mưu của phong kiến phương Bắc đối với nước ta.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh (hình 16.1, 16.2), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh (hình 16.1, 16.2), đọc tài liệu (kênh chữ SGK/81) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  C:\Users\Admin\Pictures\Screenshots\Screenshot (57).png  **c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa vào *Hình 16.1-Tổ chức chính quyền Giao Châu thời thuộc Hán và 16.2-Tổ chức chính quyền An Nam Đô hộ phủ thời thuộc Đường*  và ngữ liệu SGK/81 trả lời các câu hỏi sau  1/Gọi tên nước, các đơn vị hành chính và người đứng đầu của nước ta qua sơ đồ 1 và 2  2/Nhận xét về tổ chức chính quyền ở Giao Châu thời thuộc Hán và chính quyền An Nam Đô hộ phủ thời thuộc Đường  3/Tại sao nhà Hán gộp Âu Lạc với 6 quận của Trung Quốc thành Giao Châu?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin trả lời câu hỏi hướng sự hướng dẫn của GV  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | -Nhà Hán chia nước ta thành 3 quận, gộp chung với 6 quận của Trung Quốc thành Giao Châu.  -Năm 679, nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam Đô hộ phủ.  🡪Âm mưu: Sáp nhập nước ta vào lãnh thổ nhà Hán, xóa bỏ quốc gia, dân tộc Việt. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: Chính sách bóc lột về kinh tế** | |
| **a. Mục tiêu:** Nêu được một số chính sách bóc lột về kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh (16.3), đọc tài liệu (kênh chữ SGK/82) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh (16.3), đọc tài liệu (kênh chữ SGK/82) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  C:\Users\Admin\Pictures\Screenshots\Screenshot (58).png  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của Hs | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa vào hình 16.3 và thông tin trong SGK/82 hãy  1. Viết những cụm từ miêu tả chính sách bóc lột nhân dân ta của chính quyền đô hộ?  2. Những sản vật nào của nước ta bị đem đi cống nạp?  3. Chính quyền đô hộ phương Bắc đã thi hành những chính sách cai trị gì đối với nước ta?  4. Nêu điểm chung và nét khác biệt trong chính sách cai trị của nhà Hán và nhà Đường? Tại sao chính quyền đô hộ nắm độc quyền và đánh thuế cao về muối và sắt?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | -Nhà Hán: chiếm ruộng đất, bắt dân ta cống nạp sản vật quý, giữ độc quyền về muối và sắt.  -Nhà Ngô và nhà Lương: siết chặt ách cai trị, đặt thêm nhiều thứ thuế,…  -Nhà Đường: tăng thuế khóa và lao dịch nặng nề |
| **HOẠT ĐỘNG 3: Chính sách đồng hóa** | |
| **a. Mục tiêu:** Nhận biết được âm mưu thâm độc của chính quyền đô hộ phương Bắc khi thực hiện chính sách đồng hóa  **b. Nội dung:**  Hs: Đọc tài liệu (kênh chữ SGK/82) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh đọc tài liệu (kênh chữ SGK/82) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Đọc ngữ liệu SGK/82 em hãy  1/ Chính quyền đô hộ mở trường học, truyền bá Nho giáo, dạy chữ Hán cho người Việt nhằm mục đích gì?  2/ Tại sao phong kiến phương Bắc thực hiện chính sách đồng hóa dân tộc?  3/ Trong các chính sách văn hóa, xã hội của chính quyền đô hộ, chính sách nào là thâm độc nhất?  Vì sao?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | -Trong suốt thời kì Bắc thuộc, chính quyền phong kiến phương Bắc đều thực hiện chính sách đồng hóa văn hóa đối với dân tộc ta.  -Nho giáo, tư tưởng lễ giáo phong kiến Trung Quốc được tuyền vào Việt Nam, nhưng còn hạn chế. |

**II.NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Những chuyển biến về kinh tế** | |
| **a. Mục tiêu:** Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh, đọc tài liệu (kênh chữ SGK/83) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh, đọc tài liệu (kênh chữ SGK/83) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  C:\Users\Admin\Pictures\Screenshots\Screenshot (63).png  **c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K | W | L | | -Nông nghiệp:  +Trồng lúc nước 2 vụ/năm  +Sử dụng cày, sức kéo trâu bò  +Trồng cây ăn quả, dâu, …  +Biết đắp đê phòng lụt  -Thủ công:  +Xuất hiện nhiều nghề mới: đúc tiền, làm giấy, thuộc da,…  +Kĩ thuật đúc đồng được kế thừa và phát triển  -Buôn bán:  +Hàng hóa được trao đổi ở chợ làng và chợ phiên.  +Đường giao thông được xây dựng  +Thương nhân Trung Quốc, Ấn Độ, Giava đến trao đổi, buôn bán. |  |  |   **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa vào *hình ảnh*  và ngữ liệu SGK/83, em hãy hoàn thiện cột “K” và cột “W” để thể hiện những điều đã biết và muốn biết về sự chuyển biến của nền kinh tế nước ta thời Bắc thuộc   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K | W | L | | -Nông nghiệp:  -Thủ công:  -Buôn bán: |  |  |   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin trả lời câu hỏi hướng sự hướng dẫn của GV  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | -Nông nghiệp: trồng lúa nước là ngành chính, ngoài ra còn trồng cây ăn quả. Biết sử dụng cày, sức kéo trâu bò, đắp đê phòng lụt.  -Thủ công nghiệp: đúc tiền, làm giấy, thuôc da,… kĩ thuật đúc đồng được kế thừa và phát triển.  -Buôn bán: hàng hóa được trao đổi ở chợ làng, chợ phiên. Thương nhân Trung Quốc, Ấn Độ, Giava đến trao đổi, buôn bán. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: Những chuyển biến về xã hội** | |
| **a. Mục tiêu:** Nêu được một số chuyển biến về xã hội Việt Nam thời Bắc thuộc  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh (16.5), đọc tài liệu (kênh chữ SGK/83) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh (16.5), đọc tài liệu (kênh chữ SGK/82) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  C:\Users\Admin\Pictures\Screenshots\Screenshot (60).png  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của Hs | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa vào hình 16.4, 16.5 và thông tin trong SGK/83 hãy trả lời câu hỏi sau:  1. Việc đồ đồng Đông Sơn phát triển nhiều nơi trên đất nước ta thời Bắc thuộc có ý nghĩa gì?  2. Nêu những chuyển biến của XH Việt Nam thời Bắc thuộc?  3. Nhận xét về đặc điểm quan trọng nhất trong sự chuyển biến về xã hội?  4. Theo em, Tầng lớp nào sẽ lãnh đạo nhân dân đứng lên lật đổ ách thống trị?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | -Tần lớp trên: có thế lực về kinh tế và uy tín trong nhân dân  -Nông dân: Chịu ảnh hưởng nặng nề của chính sách cướp đoạt ruộng đất.  -Mâu thuẫn dân tộc sâu sắc 🡪 Người Việt đứng lên lật đổ ách đô hộ, giành quyền tự chủ. |

**HĐ3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Hiểu biết về chính sách cai trị của chính quyền đô hộ phương Bắc và sự chuyển biến về kinh tế, xã hội Việt Nam

**b. Nội dung**

-Dựa vào kiến thức vừa tiếp thu được để hoàn thành bài tập sau



**c. Sản phẩm** *(Dự kiến sản phẩm)*

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành các bài tập sau

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

Hs làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của Gv

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm của nhóm

Nhóm khác nhận xét, tương tác với nhóm bạn

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

**HĐ4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng bài toán theo cách viết của người Ai Cập cổ đại, liên hệ thực tế về sự ảnh hưởng của những phát minh của người Ai Cập đến ngày nay.

**b. Nội dung:**

-Tìm tòi, mở rộng kiến thức về sự ảnh hưởng của các chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc đối với tình hình kinh tế, văn hóa và xã hội Việt Nam thời Bắc thuộc

-Trả lời câu hỏi bài tập 3 trong SGK/84

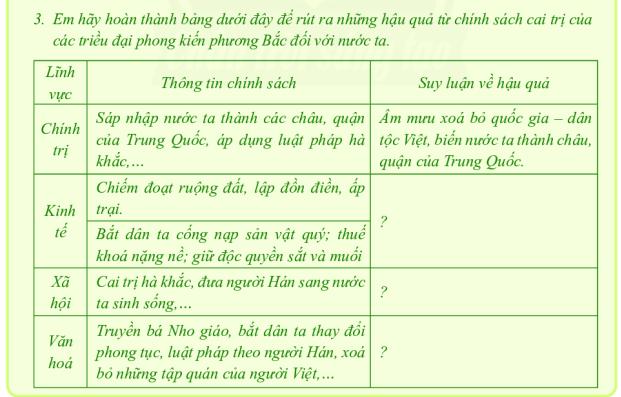
**c. Sản phẩm:**



**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành bài tập 3 trong SGK/84



**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV  
**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn  
**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

HS nhận xét bài làm của nhóm bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

GV hướng dẫn Hs chuẩn bị bài cho tiết học tiếp theo

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

# **BÀI 17: ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ**

# **PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DÂN TỘC THỜI BẮC THUỘC**

**(…tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Thông qua bài học, HS nắm được:

+ Cuộc đấu tranh chống đồng hoá, tiếp thu văn hoá bên ngoài.

+ Bảo tồn bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam diễn ra suốt thời Bắc thuộc.

**2. Năng lực**

**-** Năng lực chung:

+ Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực riêng:

+ Giới thiệu được những nét chính những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vai trò của tiếng Việt trong bảo tồn văn hóa việt ở cả quá khứ và hiện tại

**3. Phẩm chất**

+ Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

+ Yêu nước, sẵn sàng góp sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

+ Giáo án, SGV, SHS Lịch sử và Địa lí 6.

+ Hình minh họa về cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hóa dân tộc thời kì Bắc thuộc.

+ Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Chuẩn bị của học sinh**

+ Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6.

+ Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho HS chơi trò chơi Ai nhanh hơn*

- Giáo viên chia lớp thành 4 tổ, và phổ biến cách chơi cho các tổ.

- Cách chơi: Giáo viên đặt câu hỏi: Hãy kể tên các truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam mà em biết?

- Học sinh các nhóm làm vào bảng phụ và trình bày.

- Giáo viên nhận xét đánh giá, nhóm nào kể được nhiều hơn thì thắng cuộc.

*- GV đặt vấn đề:*

+ Trong thời kì Bắc thuộc, các chính quyền phong kiến phương Bắc đã thi hành chính sách đồng hoá nhằm thủ tiêu quốc gia, dân tộc Việt, Bằng ý chí của mình Người Việt đã giữ gìn và bảo tồn được những truyền thống tốt đẹp của mình và phát triển những giá trị văn hoá hình thành tư thời dựng nước? Để tìm hiểu về vấn đề này kĩ hơn, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay. Bài 17: Đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thời Bắc thuộc.

**2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 1: Đấu tranh bảo tồn văn hóa dân tộc**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được chính quyền đô hộ đã thi hành chính sách đồng hoá dân tộc ta bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, nhằm ép buộc người Việt theo lễ nghỉ, phong tục Hán. Tuy nhiên, người Việt luôn có ý thức giữ gìn dòng giống Tiên Rồng và nền văn hóa của cha ông để lại.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  - GV giới thiệu kiến thức: Trải qua hàng thế kỉ, những ngôi làng Việt ẩn mình sau luỹ tre là thành trì kiên cố bảo vệ văn hoá truyền thống của người Việt đã hình thành và phát triển từ thời Văn Lang, Âu Lạc.  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 17.1, 17.2. Hình ảnh đó gợi cho em suy nghĩ gì về văn hóa người Việt?  **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_8.png-** GV yêu cầu HS đọc thông tin mục I SHS trang 85 và trả lời câu hỏi:  ? Những chuyển biến nào cho thấy chính sách đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta thất bại?  ? Hãy kể tên một vài phong tục truyền thống còn tồn tại đến ngày nay mà em biết?  **-** GV mở rộng kiến thức:  + Ăn trầu: là phong tục tương truyền có từ thời Hùng Vương. Trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, đến nay phong tục này vẫn được duy trì và bảo tồn. Trong văn hoá giao tiếp truyền thống của người Việt, miếng trầu như một thông điệp về lòng hiếu khách, một “triết lí siêu ngôn ngữ” để diễn tả tình cảm của con người dành cho nhau. Miếng trầu vì vậy đã đi vào tâm thức người dân Việt với ý nghĩa rất quan trọng như “miếng trầu là đầu câu chuyện” hay đi vào ca dao, thơ ca với nhiều tác phẩm nổi tiếng, như bài thơ Mời trầu của nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương:  “Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi  Này của Xuân Hương mới quệt rồi  Có phải duyên nhau thì thắm lại  Đừng xanh như lá, bạc như vôï”.  + Xăm mình: là phong tục có từ thời dựng nước. Người Việt cổ sống nhiều trong môi trường sông nước nên tin rằng việc xăm mình sẽ không bị thuỷ quái làm hại. Tục này tồn tại đến đời vua Trần Anh Tông cuối thế kỉ XIII mới bỏ.  + Mặc váy và yếm: là một nét riêng trong trang phục truyền thống của người phụ nữ Việt. Các chính quyền đô hộ phương Bắc dùng mọi cách bắt người Việt phải theo cách ăn mặc như người Hán nhưng không thành. Người Việt rất tự hào với cái váy mang đậm yếu tố văn hoá bản địa của mình trong so sánh với văn hoá Trung Quốc:  “Cái trống mà thủng hai đầu  Bên ta thời có, bên Tàu thì không”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **1. Đấu tranh bảo tồn văn hóa dân tộc**  - Người Việt giữ được phong tục tập quán của mình  + Sống ở làng quê trong những ngôi nhà giản dị.  + Người Việt vẫn nghe - nói, truyền lại cho con cháu tiếng mẹ đẻ.  + Những tín ngưỡng truyền thống như thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên tiếp tục được duy trì.  + Phong tục, tập quán Việt vẫn được giữ gìn như tục nhuộm răng, ăn trầu, búi tóc, xăm mình, làm bánh chưng, bánh giầy.  - Những phong tục tập quán trên cho thấy chính sách đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta thất bại: |

**Hoạt động 2: Phát triển văn hóa dân tộc**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được thời Bắc thuộc, người Việt vừa bảo tồn văn hoá truyền thống vừa chủ động tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo những giá trị văn hoá bên ngoài để phát triển nền văn hoá dân tộc trên một số lĩnh vực: Phật giáo, đạo giáo, chữ Hán, khoa học kĩ thuật.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Học sinh làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục II SHS trang 86 và trả lời câu hỏi: Nhân dân ta đã làm gì để phát triển văn hóa dân tộc trong hơn ngàn năm Bắc thuộc?  - GV mở rộng kiến thức:  **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_7.png**C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_11.png+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 17.4 và đọc mục Em có biết SHS trang 86: Việt Nam tiếp thu Phật giáo từ hai con đường: đầu tiên trực tiếp từ Ấn Độ sang và sau này là từ Trung Quốc sang, nhưng vẫn có điểm sáng tạo riêng. Truyền thuyết chùa Dâu giải thích tín ngưỡng thờ Tứ Pháp của người Việt. Tứ Pháp gồm Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện, nghĩa là 4 vị thần: mây, mưa, sấm, chớp. Đó là những vị thần bảo vệ mùa màng và phù hộ cho nông dân.  + Hình 17.5: Chuông Thanh Mai là chuông đồng cổ nhất | Việt Nam do Giáo hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Sách kỉ lục Việt Nam công bố, là bảo vật quốc gia có niên đại sớm nhất (năm 798) được phát hiện ở Việt Nam. Quai đúc nổi đôi rồng, đấu lưng vào nhau, uốn cong một cách khéo léo tạo thành núm treo chuông. Hình rồng không vảy, đầu to, không bờm, miệng ngậm tì xuống đỉnh chuông. Con rồng này có nét tương đồng với hình tượng rồng khắc trên bia đá cổ nhất Việt Nam là bia Trường Xuân (Thanh Hoá), năm 618. Đây cũng là quả chuông đồng đầu tiên có văn tự được tìm thấy cho đến nay, chứa đựng nhiều thông tin quan trọng cho biết hoạt động, ảnh hưởng của Phật giáo và sự giao lưu văn hoá, xã hội Việt Nam thời Bắc thuộc. Trải qua hàng nghìn năm, chiếc chuông không bị hoen gỉ mà vẫn giữ nguyên được hình dáng, màu sắc ban đầu cho thấy kĩ thuật đúc đồng đỉnh cao của thời kì này.  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_13.png+ Hình 17.6: Khay gốm (Lạch Trường, Thanh Hoá) được làm bằng chất liệu đất sét mịn màu nâu trắng. Sự giao thoa văn hoá Hán - Việt được thể hiện qua hoa văn trang trí trên khay gốm: ở giữa khay gốm được trang trí hình ảnh ba con cá chụm đầu vào nhau theo điển tích “Tam ngư châu nguyệt” là chủ đề quen thuộc trong nghệ thuật tạo hình Trung Quốc. Viên ngoài khay được trang trí hoa văn đường tròn tiếp tuyến mang đậm dâu ấn văn hoá Đông Sơn càng tạo cho chiếc khay gốm thêm sinh động.  - GV mở rộng kiến thức:  + Ngoài một số tiếp thu có sáng tạo và chọn lọc đã tìm hiểu và SHS đã nêu, nhân dân ta còn tiếp thu, sáng tạo một số có nguồn gốc từ Trung Quốc như tết Hàn thực, tết Đoan Ngọ, tết Trung thu,... nhưng đã có sự vận dụng cho phù hợp với sinh hoạt văn hoá của người Việt. Tết Hàn thực sang Việt Nam trở thành tết Bánh trôi, bánh chay, tết Đoan ngọ trở thành ngày tết “giết sâu bọ”, tết Trung thu của người Việt Nam dành cho thiếu nhi trong khi ở Trung Quốc dành cho sum họp gia đình,... Đó là nét khác biệt thể hiện sự tiếp thu và Việt hoá văn hoá Trung Quốc của người Việt.  + GV trích lời tâu của viên quan Lưu An với vua Hán Vũ Đế: “Việt là đất ở ngoài cõi. Dân cắt tóc vẽ mình, không thể lấy pháp độ của nước đội mũ mang đai mà trị được”. (Ngô Sỹ Liên và các sử thần thời Lê, Đại Việt sử kí toàn thư (bản dịch), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.147). GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Lời tâu của viên quan đô hộ người Hán cho em biết điều gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Phát triển văn hóa dân tộc**  - Nhân dân ta đã vừa bảo tồn văn hoá truyền thống vừa chủ động tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo những giá trị văn hoá bên ngoài để phát triển nền văn hoá dân tộc trong hơn ngàn năm Bắc thuộc:  + Phật giáo, đạo giáo du nhập vào nước ta hòa quyện với tín ngưỡng dân gian.  + Chủ động tiếp thu chữ Hán nhưng vẫn sử dụng tiếng Việt, dùng âm Việt để đọc chữ Hán  +Tiếp thụ một số kĩ thuật tiến bộ của Trung Quốc như làm giấy, dệt lụa, kĩ thuật bón phân bắc trong trồng trọt. |

**3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết .

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1,2 phần Luyện tập SHS trang 87:*

Câu 1: Theo em, Tại sao khoảng thời gian từ năm 179 TCN đến năm 938 được gọi là thời kì Bắc thuộc.

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời*: Đây là thời kì nước ta liên tiếp bị các triều đại phong kiên phương Bắc đô hộ.

Câu 2: Những phong tục, tập quán nào được người Việt được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn lưu giữ trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Những phong tục, tập quán được người Việt được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn lưu giữ trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay: thờ cúng tổ tiên, nhuộm răng, ăn trầu, ăn mắm, làm bánh chưng bánh giày.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 phần Vận dụng SHS trang 87:* Theo em, tiếng nói có vai trò như thế nào trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc? Em có suy nghĩ gì về hiện tượng nhiều học sinh “pha” tiếng nước ngoài vào tiếng Việt khi giao tiếp?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

+ Tiếng nói, chữ viết tiếng Việt có nguồn gốc bản địa, được cha ông ta sáng tạo, gìn giữ, cải tiến trong hành trình tạo dựng cuộc sống, phát triển cộng đồng xã hội. Trải qua các triều đại lịch sử, qua những giai đoạn phát triển, tiếng Việt đã trở thành hồn cốt của dân tộc, có sức sống lâu bền trong tâm hồn, lối sống, tư duy của con người Việt Nam.

+ Không đồng tình với hiện tượng các bạn trẻ lạm dụng việc sử dụng tiếng nước ngoài vào tiếng Việt khi giao tiếp. Tuy việc sử dụng tiếng lóng cũng có tác dụng nhất định đối với giới trẻ như: khả năng truyền đạt thông tin nhanh, tiết kiệm thời gian (chủ yếu dùng ký hiệu, viết tắt), có những yếu tố sáng tạo…làm cho hoạt động giao tiếp cũng phong phú hơn nhưng việc lạm dụng sử dụng quá đà sẽ đánh mất đi bản sắc dân tộc, mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**IV. Kế hoạch đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Đánh giá thường xuyên (GV đánh giá HS,  HS đánh giá HS) | - Vấn đáp.  - Kiểm tra viết, kiểm tra thực hành. | - Các loại câu hỏi vấn đáp. |  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

# **BÀI 18. CÁC CUỘC ĐẤU TRANH**

# **GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC TRƯỚC THẾ KỈ X**

(…tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Thông qua bài học, HS nắm được: Nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong công cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta trước thế kỉ X

**2. Năng lực**

**-** Năng lực chung:

+ Giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực riêng:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: Cách sử dụng lược thông tin của các lược đồ, sơ đồ khởi nghĩa trong bài

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa

Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu

Nêu được kết quả của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu

Lập được biểu đồ, sơ đồ vì các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc và ý chí căm thù giặc ngoại xâm, sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

+ Giáo án, SGV, SHS Lịch sử và Địa lí 6.

+ Sơ đồ, lược đồ, hình ảnh về các cuộc khởi nghĩa.

+ Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Chuẩn bị của học sinh**

**+** SHS Lịch sử và Địa lí 6.

+ Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:* Em đã biết, sau khi chiếm được Âu Lạc, các triều đại phương Bắc đã tìm “trăm phương nghìn kế” để áp đặt ách cai trị đối với nước ta. Nhưng thực tế lịch sử có thuận theo ý đồ của họ không? Em suy nghĩ gì về lời “phàn nàn” của viên Thái thú người Hán: Dân xứ ấy rất khó cai trị?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:* Các triều đại phương Bắc đã tìm “trăm phương nghìn kế” để áp đặt ách cai trị đối với nước ta. Nhưng thực tế, theo lời “phàn nàn” của viên Thái thú người Hán: Dân xứ ấy rất khó cai trị. Đó là vì tinh thần đấu tranh liên tục, quật cường chống ách đô hộ của người Việt qua các cuộc khởi nghĩa.

*- GV đặt vấn đề*: Chính sách thôn tính, sáp nhập và đồng hoá của các triều đại phong kiến Trung Quốc nhằm xoá đi tên đất, tên làng, tiếng nói và phong tục của người Việt gặp phải sự phản kháng quyết liệt của nhân dân ta. Một ngàn năm không chịu cúi đầu, lớp lớp các thê hệ “con Rồng cháu Tiên” không ngừng vừng lên đầu tranh giành lại giang sơn gấm vóc và độc lập tự chủ cho dân tộc. Để tìm hiểu rõ hơn về các cuộc khởi nghĩa và những nhân vật lịch sử tiêu biểu chúng ta cùng tìm hiểu Bài 18 - Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X.

**2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 1: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40-43)**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được nguyên nhân sâu xa, mục đích của cuộc khởi nghĩa; chỉ được trên lược đồ những nét chính về cuộc khởi nghĩa; kết quả, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_29.png- GV giới thiệu tóm tắt về Hai Bà Trưng: Trưng Trắc, Trưng Nhị là con gái Lạc tướng vùng Mê Linh (thuộc Hà Nội ngày nay) phất cờ khởi nghĩa. Hai bà sinh ra và lớn lên ở khu vực đôi bờ sông Hồng (đoạn từ Hạ Lôi, Mê Linh đến thị xã Sơn Tây, Hà Nội), nơi có nghề trồng dâu, nuôi tằm. Vì vậy, tên tuổi của hai bà được thần tích dân gian giải thích được bắt nguồn từ cách gọi tên theo các loại kén: kén dày là trứng chắc, tức Trưng Trắc; kén mỏng là trứng nhì, tức Trưng Nhị.  **-** GV yêu cầu HS đọc bài thơ Thiên nam ngữ lục mục I SHS trang 89 và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.  “Một xin rửa sạch nước thừ  Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng.  Ba kẻo oan ức lòng chồng  Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này”.  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_25.png- GV yêu cầu HS quan sát Lược đồ 18.2, trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng:  - GV mở rộng kiến thức: tương quan lực lượng và khí thế của hai bên trái ngược: Quân Hán, đứng đầu là Tô Định hốt hoảng, phải bỏ thành, cắt tóc, cạo râu, lén trốn về Trung Quốc. Trong khi quân của Hai Bà Trưng mạnh mẽ, hùng dũng đi “đến đâu đều như có gió cuốn, phạm vi ảnh hưởng rộng lớn “các quận Cửu Châu, Nhật Nam, Hợp Phố,... đều hưởng ứng”.  - GV yêu cầu HS đọc tư liệu 18.3, để thấy sự hưởng ứng, dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi: Em hãy nêu ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.  **-** GV mở rộng kiến thức:  + Đền Hát Môn: còn gọi là đền Quốc tế, đền Hai Bà Trưng, tọa lạc ở xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Vùng Hát Môn là nơi Hai Bà Trưng tổ chức hội quân sĩ sau khi hội tại thành Phong Châu. Đây cũng là nơi tuẫn tiết của Hai Bà Trưng khi cuộc khởi nghĩa thất bại. Tương truyền, đền Hát Môn được khởi dựng sau khi Hai Bà Trưng hoá sinh vào cõi bất diệt. Trong thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ, Đền Hát Môn được chọn làm nơi sinh hoạt, luyện tập của dân quân du kích địa phương. Những sự kiện lịch sử và hệ thống di tích quanh vùng sông Hát góp phần làm giàu thêm nội dung và tôn cao giá trị của đền thờ Hai Bà Trưng.  + Lễ hội đền Hai Bà Trưng: được tổ chức từ ngày mồng 4 đến ngày mồng 10 tháng Giêng âm lịch, mồng 6 là ngày chính hội. Lễ hội được tổ chức theo nghi thức nhà nước và truyền thống địa phương: lễ dâng hương, mít tinh kỷ niệm ngày Hai Bà tế cờ khởi nghĩa và tế lễ theo nghi thức cổ truyền.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40-43)**  - Nguyên nhân:  + Chống lại sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ phương Bắc khôi phục lại nền độc lập, tự chủ đã được thiết lập từ thời Hùng Vương dựng nước.  + Trả thù cho chồng mình là Thi Sách.  - Diễn biến  + Tháng 3 - 40, Trưng Trắc cùng Trưng Nhị đã phất cờ khởi nghĩa ở Hát Môn, tướng lĩnh đều quy tụ về với cuộc khởi nghĩa.  + Từ sông Hát, nghĩa quân tiến đánh Mê Linh và Cổ Loa (nay thuộc Hà Nội).  + Tháng 4 - 40, Hai Bà chiếm được Luy Lâu, thái thú Tô Định chạy trốn về quận Nam Hải (Quảng Đông).  + Khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc lên ngôi vua, đóng đô ở Mê Linh.  + Mùa hè năm 42, nhà Hán đem quân đàn áp. Năm 43, cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại Nhân dân thương tiếc, lập đền thờ hai bà ở khắp nơi.  - Ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng:  + Chứng tỏ tinh thần đấu tranh mạnh mẽ, bất khuất của người Việt.  + Tạo nền tảng, truyền thống đấu tranh và cổ vũ cho các phong trào khởi nghĩa giành độc lập, tự chủ sau này. |

**Hoạt động 2: Khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248)**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được nguyên nhân sâu xa, mục đích, diễn biến và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  **-** GV đọc diễn cảm câu nói của Bà Triệu: “Tôi chỉ muốn cưỡi gió đạp sông, chém cá kình lớn ở Biển Đông, quét sạch bờ cõi, cửa dân ra khỏi cảnh chìm đắm, há lại bắt chước người đời cúi đều khom lưng làm tì thiếp kẻ khác, cam tâm phục dịch ở trong nhà ư?”  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_36.png- GV giới thiệu cho HS về Bà Triệu: Bà Triệu tên thật là Triệu Thị Trinh. Trong các thư tịch cổ và truyền thuyết dân gian, Bà Triệu thường được miêu tả là người phụ nữ trẻ trung, xinh đẹp thường mặc áo giáp vàng, đi guốc ngà cưỡi voi mà chiến đấu, rất lẫm liệt, hùng dũng  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_41.png- GV yêu cầu thảo luận theo cặp, HS đọc thông tin mục II, quan sát Lược đồ 18.7 SHS trang 90, 91 và trả lời câu hỏi:  + Nêu nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu.  + Trình bày những nét chính của cuộc khởi nghĩa.  - GV yêu cầu HS đọc mục Em có biết SHS trang 91, để biết về ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu: không chỉ làm rung chuyển chính quyền đô hộ mà còn góp phần thức tỉnh ý thức dân tộc, tạo đà cho các cuộc khởi nghĩa sau này.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **2. Khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248)**  - Nguyên nhân  + Dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Ngô, năm 248, tại vùng Cửu Chân (Thanh Hoá), Bà Triệu phất cờ khởi nghĩa.  - Diến biến  + Từ căn cứ núi Nưa nghĩa quân đánh phá các thànhấp của bọn quan lại đô hộ ở Cửu Chân rồi từ đó đánh ra khắp Giao Châu.  + Nhà Ngô lo sợ, vội cử quân sang đàn áp. Dù chiến đấu anh dũng nhưng do lực lượng quá chênh lệch, nghĩa quân bị tiêu diệt. Bà Triệu hi sinh trên núi Tùng (Phú Điền, Hậu Lộc, Thanh Hoá). |

**Hoạt động 3: Khởi nghĩa Lý Bí và nước Vạn Xuân (năm 542-602)**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được nguyên nhân sâu xa, mục đích, diễn biến và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lý Bí

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  **-** GV giới thiệu về Lý Bí:  + Lý Bí xuất thân trong một gia đình hào trưởng ở Phố Yên, Thái Nguyên ngày nay. Một thời, ông có ra làm việc với chính quyền đô hộ, nhận một chức quan nhỏ: giám quận (kiểm soát quân sự) ở Cửu Đức, Đức Châu (Đức Thọ, Hà Tĩnh).  + Yêu nước, thương dân, bất bình với bè lũ đô hộ, ông sớm bỏ quan, về quê ở Thái Bình. Lý Bí đã liên kết với hào kiệt các châu thuộc miền đất Giao Châu nước ta, nổi dậy chống Lương. Theo sử cũ Việt Nam, thủ lĩnh Chu Diên (vùng Đan Hoài, nay thuộc ngoại thành Hà Nội) là Triệu Túc và con là Triệu Quang Phục, phục tài đức Lý Bí đã đem quân theo.  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục III SHS trang 91,92 và trả lời câu hỏi: Em hãy trình bày về diễn biến cuộc khởi nghĩa Lý Bí.  **-** GV mở rộng kiến thức:  + Giải thích tên nước Vạn Xuân: mong muốn cho xã tắc truyền đến muôn đời.  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_50.png+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 18.8: Chùa Trần Quốc, nguyên là chùa Khai quốc (mở nước). Ngôi chùa được xây dựng từ thời Tiền Lý với tên là chùa Khai Quốc. Thời Lê trung hưng, do sạt lở nên người ta đã cho dời ngôi chùa từ bên bờ sông Hồng vào phía trong đê Yên Phụ, khu gò đất Kim Ngưu. Đến đời vua Lê Huy Tông, chùa mới đổi tên thành chùa Trấn Quốc với ý nghĩa là nơi giúp nhân dân xua tan đi thiên tai, đem lại cuộc sống bình yên cho dân tộc. Chùa là một biểu tượng của văn hoá Phật giáo và cũng là điểm tham quan nổi tiếng của du khách trong và ngoài nước mỗi khi đến Hà Nội hiện nay.  **-** GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS thảo luận, trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập số 1: Cuộc khởi nghĩa Lý Bí mùa xuân năm 542 so với khởi nghĩa của Hai Bà Trưng có điểm gì giống và khác nhau?  - GV mở rộng kiến thức: Những đóng góp của Lý Bí và “những điều đầu tiên”:  + Người Việt Nam đầu tiên tự xưng là hoàng đế.  + Người Việt Nam đầu tiên quyết định phế bỏ niên hiệu của phong kiến phương Bắc để đặt niên hiệu riêng là Thiên Đức.  + Người đầu tiên trong lịch sử Việt Nam nhận ra vị trí trung tâm của vùng ngã ba sông Tô Lịch để đóng đô.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **3. Khởi nghĩa Lý Bí và nước Vạn Xuân (năm 542-602)**  - Diễn biến  + Mùa xuân năm 542, Lý Bí lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa, đánh đuổi Tiêu Tư, chiếm giữ thành Long Biên (Bắc Ninh), làm chủ Giao Châu. Nhà Lương đã hai lần huy động quân sang đàn áp nhưng đều thất bại nặng nề.  + Mùa xuân năm 544, khởi nghĩa thắng lợi. Lý Bí lên ngôi vua, hiệu là Lý Nam Đế. Ông đặt tên nước là Vạn Xuân, đóng đô ở vùng cửa sông Tô Lịch (Hà Nội), cho xây điện Vạn Thọ và chùa Khai Quốc, cho đúc tiền riêng.  + Tháng 5 - 545, Nhà Lương cử quân xâm lược Vạn Xuân. Lý Nam Đế trao quyền chỉ huy kháng chiến cho Triệu Quang Phục.  + Triệu Quang Phục đưa quân về đầm Dạ Trạch (Khoái Châu, Hưng Yên), xây đựng căn cử và tiếp tục lãnh đạo nhân dân kháng chiến.  + Năm 550, sau khi đánh bại quân Lương, Triệu Quang Phục xưng vương (Triệu Việt Vương).  + Năm 602, nhà Tuỳ đem quân xâm lược, nước Vạn Xuân sụp đổ.  - Sự giống và khác nhau giữa cuộc khởi nghĩa Lý Bí và khởi nghĩa Hai Bà Trưng:  + Giống nhau: Cùng nổ ra vào mùa xuân nhằm chống lại chính quyền đô hộ phương Bắc; cùng giành được thắng lợi ban đầu và thành lập được chính quyền tự chủ một thời gian.  + Khác nhau: Hai Bà Trưng mới xưng vương thì Lý Bí đã xưng đế; Hai Bà Trưng mới xây dựng được chính quyền tự chủ sơ khai thì Lý Bí đã xây dựng quốc hiệu riêng với chính quyền có hai ban văn, võ; Hai Bà Trưng đóng đô ở Mê Linh trong khi Lý Bí dựng kinh đô ở vùng cửa sông Tô Lịch; chính quyền tự chủ Hai Bà Trưng chỉ tồn tại được ba năm trong khi chính quyền của nhà nước Vạn Xuân tồn tại lâu hơn. |

**Hoạt động 4: Khởi nghĩa Mai Thúc Loan (năm 713-722)**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được những nét chính về diễn biến khởi nghĩa trên lược đồ; rút ra được ý nghĩa của khởi nghĩa Mai Thúc Loan đối với lịch sử dân tộc.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  **-** GV giới thiệu về Mai Thúc Loan: Mai Thúc Loan quê gốc ở làng Mai Phụ (Hà Tĩnh) nhưng lại sinh trưởng ở Nam Đàn, Nghệ An. Lớn lên trong gia đình nghèo khó, Mai Thúc Loan phải làm nghề kiếm củi, đi phu, quanh năm phải phục dịch cho chính quyền đô hộ nhà Đường. Ông có làn da ngăm đen nên sau này người ta còn gọi là Mai Hắc Đế.  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_53.png- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục IV, quan sát Lược đồ 18.10 SHS trang 93 và trả lời câu hỏi: Trình bày những nét chính của khởi nghĩa Mai Thúc Loan.  - GV chia HS làm cách nhóm, yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập số 2: Em hãy so sánh khởi nghĩa của Mai Thúc Loan với các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và Lý Bí trước đó về phạm vi, quy mô và thời gian tồn tại.  - GV mở rộng kiến thức:  + Thành quả của cuộc khởi nghĩa: giành được quyền tự chủ trong 10 năm, xưng đế, xây thành Vạn An làm quốc đô.  + Nằm trong chuỗi các cuộc đấu tranh giành độc lập thời Đường, khiến chính quyền đô hộ nhà Đường suy yếu, cổ vũ cho các cuộc đấu tranh về sau (khởi nghĩa Phùng Hưng, Khúc Thừa Dụ....) tiến tới giành đôc lập.  + Ý nghĩa, sức sống của khởi nghĩa Mai Thúc Loan đối với đời sống văn hoá - nghệ thuật nói riêng và lịch sử dân tộc nói chung. Ví dụ: Năm 2015, vở cải lương Mai Hắc Đế đã được dàn dựng và công chiếu nhằm tái hiện về cuộc đời của Mai Thúc Loan và cuộc khởi nghĩa Hoan Châu với những thông điệp ý nghĩa gắn với chủ quyền dân tộc. Những cuộc hội thảo khoa học cấp quốc gia đã được tổ chức như những thông điệp khẳng định ý nghĩa to lớn của cuộc khởi nghĩa.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **4. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan (năm 713-722)**  - Những nét chính của khởi nghĩa Mai Thúc Loan:  + Dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Đường, năm 713, nhân dân Hoan Châu (Nghệ An, Hà Tĩnh) vùng lên khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Mai Thúc Loan.  + Từ Hoan Châu, khởi nghĩa lan rộng ra khắp các châu, huyện.  + Mai Thúc Loạn chọn vùng Sa Nam (Nam Đàn, Nghệ An) để xây thành Vạn An. Ông xưng đế, nhân dân thường gọi là Mai Hắc Đế.  + Từ thành Vạn An, nghĩa quân tiến ra Bắc, đánh chiếm thành Tống Bình (Hà Nội ngày nay).  + Năm 722, nhà Đường phải 10 vạn quân sang đàn áp, khởi nghĩa bị dập tắt.  + Khởi nghia Mai Thúc Loạn đã giành và giữ chính quyền độc lập trong gần 10 năm (713 - 722).  - So sánh khởi nghĩa của Mai Thúc Loan với các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và Lý Bí trước đó:  + Giống nhau: đều là những cuộc khởi nghĩa lớn có quy mô vượt ra phạm vi một địa phương cụ thể, thành lập được chính quyền tự chủ trong một thời gian.  + Khác nhau: Khởi nghĩa Mai Thúc Loan giành chính quyển trong 10 năm, Hai Bà Trưng trong 3 năm, Lý Bí trong 58 năm; phạm vi và quy mô khởi nghĩa Mai Thúc Loan rộng lớn hơn, thu hút cả sự hưởng ứng của nhân dân Chăm-pa và Chân Lạp. |

**Hoạt động 5: Khởi nghĩa Phùng Hưng**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được nguyên nhân, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_63.png**-** GV giới thiệu về nhân vật Phùng Hưng: Phùng Hưng là con nhà hào phú, sức khoẻ phi thường, có thể vật trâu, đánh hổ. Hiện nay, về quê hương của Phùng Hưng ở Đường Lâm vẫn còn có ý kiến chưa thống nhất. Đa số ý kiến vẫn mặc định Đường Lâm thuộc Sơn Tây ngày nay.  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục V và quan sát Lược đồ 18.12, hãy tóm tắt lại những diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng.  - GV giới thiệu kiến thức: Cuộc khởi nghĩa đã giành được quyền tự trị trong vòng 9 năm thì bị đàn áp. Tuy vậy, cuộc khởi nghĩa tiếp tục khẳng định quyết tâm giành lại độc lập, tự chủ của người Việt, mở đường cho những thắng lợi to lớn về sau.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **5. Khởi nghĩa Phùng Hưng**  - Những diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng:  + Khoảng cuối thế kỉ VIII, ở làng Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội), Phùng Hưng đã hợp quân khởi nghĩa và nhanh chóng làm chủ vùng Đường Lâm.  + Được nhân dân các vùng xung quanh hưởng ứng, Phùng Hưng chiếm được thành Tống Bình, tổ chức việc cai trị.  + Khi Phùng Hưng qua đời, con trai ông là Phùng An lên nối nghiệp cha. Sau đó, nhà Đường đem quân sang đàn áp, dập tắt cuộc khởi nghĩa. |

**3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 phần Luyện tập SHS trang 95:* Em hãy hoàn thành bảng thống kê những sự kiện chính của cuộc khởi nghĩa Lý Bí và nước Vạn Xuân theo mẫu.

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thời gian** | **Sự kiện** |
| Mùa xuân năm 542 | Lý Bí lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa, đánh đuổi Tiêu Tư, chiếm giữ thành Long Biên (Bắc Ninh), làm chủ Giao Châu |
| Mùa xuân năm 544 | Khởi nghĩa thắng lợi. Lý Bí lên ngôi vua, hiệu là Lý Nam Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân |
| Tháng 5 - 545 | Nhà Lương cử quân xâm lược Vạn Xuân. Sau đó, Lý Nam Đế trao quyền chỉ huy kháng chiến cho Triệu Quang Phục |
| Năm 550 | Sau khi đánh bại quân Lương, Triệu Quang Phục xưng vương Triệu Việt Vương |
| Năm 602 | Nhà Tuỳ đem quân xâm lược, nước Vạn Xuân sụp đổ |

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 4 phần Vận dụng SHS trang 95:* Giả sử em đang học trong một ngôi trưởng mang tên một trong những vị anh hùng chồng Bắc thuộc, hãy viết thư cho một người bạn để kể về câu chuyện của vị anh hùng đó.

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* HS cần nêu được một số điểm chính về vị anh hùng như sau: Tên, những đóng góp chính mà người anh hùng để lại cho lịch sử dân tộc, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**IV. Kế hoạch đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Đánh giá thường xuyên (GV đánh giá HS,  HS đánh giá HS) | - Vấn đáp.  - Kiểm tra viết, kiểm tra thực hành. | - Các loại câu hỏi vấn đáp.  - Phiếu học tập. |  |

**V. Hồ sơ học tập** *(Đính kèm Phiếu học tập số 1, Đính kèm Phiếu học tập số 2 )*

**Phiếu học tập số 1**

|  |
| --- |
| Trường THCS:....  Lớp:......  **PHIẾU HỌC TẬP**  **Nhóm…:**  **Câu hỏi:** Cuộc khởi nghĩa Lý Bí mùa xuân năm 542 so với khởi nghĩa của Hai Bà Trưng có điểm gì giống và khác nhau?  **Trả lời:**  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. |

**Phiếu học tập số 2**

|  |
| --- |
| Trường THCS:....  Lớp:......  **PHIẾU HỌC TẬP**  **Nhóm…:**  **Câu hỏi:** Em hãy so sánh khởi nghĩa của Mai Thúc Loan với các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và Lý Bí trước đó về phạm vi, quy mô và thời gian tồn tại.  **Trả lời:**  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Bài 19. BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X**

**(…tiết)**

**I. MỤC TIÊU**(Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Trình bày được những nét chính về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương – mức độ hiểu

- Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền- mức độ hiểu

- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938- mức độ biết

***2.Về năng lực:***

- Năng lực tìm hiểu lịch sử

- Năng lực- Năng lực

***3.Về phẩm chất:***

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, lòng biết ơn các anh hùng dân tộc đã có công giành lại nền độc lập, tự chủ cho người Việt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Giúp học sinh nhớ lại kiến thức đã học về 1 chặng đường dài của lịch sử gắn với cuộc đấu tranh liên tục, không ngừng nghỉ của người Việt chống lại ách đô hộ của người Hán  **b) Nội dung**:  **HS** đọc thông tin phần dẫn nhập trong sách giáo khoa để nắm được rất nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân nổ ra trước thế kỉ X. Điều đó cho thây tinh thần chung của nhân dân ta được thể hiện qua các cuộc khởi nghĩa là gì  **c) Sản phẩm:** - Tinh thần chung của các cuộc khởi nghĩa là việc khao khát đấu tranh giành quyền độc lập, tự chủ.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Em hiểu thế nào được gọi là bước ngoặt  Đọc thông tin và trả lời câu hỏi  ? Những cuộc khởi nghĩa nổ ra trước thế kỉ X đều có kết cục như thế nào?  ? Dù có kết cục như vậy nhưng việc nhiều cuộc khởi nghĩa diễn ra liên tiếp thể hiện tinh thần gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ trả lời  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài cá nhân lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - HS báo cáo, còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  => Giải thích rõ tên bài : Bước ngoặt lịch sử vì sự kiện này là có tầm vóc, ý nghĩa mang tính bước ngoặt, bản lề của các sự kiện đầu thế kỉ X, biến khát khao thiêng liêng đó của dân tộc trở thành hiện thực  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. **Cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc, họ Dương** | | |
| **a) Mục tiêu**: Những nét chính ( nội dung, kết quả) về các cuộc vận động tự chủ của nhân dân VN dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * Đọc thông tin SGK.   Cho biết: tình hình nhà Đường cuối thế kỉ X.  GV giải thích từ : Tiết độ xứ -> Chức quan võ cai quản quân sự của 1 vùng, (có thể cha truyền con nối)  GV cung cấp thông tin: Trong thời Bắc Thuộc, nhà Đường đã bổ nhiệm chức Tiết độ xứ tại Việt Nam nhưng chỉ bổ nhiệm cho người Trung Quốc.  ? Việc nhà Đường công nhận Tiết độ xứ cho Khúc Thừa Dụ thể hiện điều gì? Việc này có ý nghĩa như thế nào với nhân dân ta lúc bấy giờ  - Tuy là 1 chức quan của TQ nhưng Người Việt đã được nắm chính quyền trên đất Việt, buộc nhà Đường công nhận chính quyền tự chủ của người Việt  ? Sau khi Khúc Thừa Dụ mất, Khúc Hạo đã làm gì?  HS quan sát hình ảnh 19.1 sgk để trả lời  ? Mục đích của những cải cách của Khúc Hạo là gì?  ?Những việc làm của 2 cha con họ Khúc có ý nghĩa ntn?  GV cho HS quan sát hình ảnh lễ hội ở đến thờ họ Khúc ở Hải Dương.  C:\Users\Admin\Pictures\tải xuống (6).jpg  GV cung cấp thêm thông tin về Dương Đình Nghệ: Vốn là một hào trưởng ở Châu Ái, giàu có, nhiều thế lực, lại có lòng yêu nước thương dân nên đã ngưỡng mộ sự nghiệp giành quyền tự chủ của Họ Khúc và Họ Khúc cũng phải dựa vào thế lực của Dương Đình Nghệ để quản lý thâu suốt Ái Châu. Từ đó ông trở thành bộ tướng của Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ.  GV cho HS hoạt động nhóm, hướng dẫn HS khai thác hình 19.2 hiểu các kí hiệu thông qua chú giải để trình bày diễn biên cuộc khởi nghĩa  ? Kết quả của cuộc khởi nghĩa  GV lưu ý về ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời  **HS:**  -Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.  - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh hoạ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. Cho học sinh quan sát đoạn phim hoạt hình : Hào khí ngàn năm… | 1.Họ Khúc xây nền tự chủ  -906: Nhà Đường buộc phải phong chức Tiết độ xứ cho Khúc Thừa Dụ  -907: Khúc Hạo lên thay cha và tiến hành nhiều cải cách  =>Đặt nền móng cho tự chủ độc lập với phong kiến phương Bắc cho nguời Việt.  2. Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán, củng cố nền tự chủ  Diễn biến  -Dưới sự tập hợp của DĐN, hào kiệt khắp nơi kéo về làng Giàng ( Thanh Hóa) tụ tập  - Từ đây DĐN kéo quân chiếm thành Tống Bình  - Quân Nam Hán cử quân tiếp viện nhưng lại bị DĐN chặn đánh  Kết quả:  - Quân Nam Hán phải rút chạy => Cuộc kháng chiến thắng lợi. DĐN tự xưng Tiết độ xứ, khôi phục nền tự chủ | |
|  | | |
| **II. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng đầu năm 938.** | | |
| 1. **Mục tiêu**: Giúp HS nắm được về nhân vật lịch sử Ngô Quyền ,những nét chính của trận Bạch Đằng và điểm độc đáo trong cách tổ chức đánh giặc của NQ. Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng   **b) Nội dung**:  - GV cho HS tìm hiểu về nhân vật Ngô quyền, kế hoạch của ông…cách đánh  HS làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -Tình hình nước ta thời gian này có biến động gì  Bên trong: Dương Đình Nghệ bị giết  - Bên ngoài: Quân Nam Hán vượt biển xâm lược nước ta  ? Dưới tình hình đó, Ngô Quyền đã làm gì?  Chia 4 nhóm và giao nhiệm vụ trả lời câu hỏi  C:\Users\Admin\Pictures\tải xuống (8).jpg   * Em biết gì về nhân vật Ngô Quyền? * Ông đánh giá và nhận định về điểm mạnh, điểm yếu của địch như thế nào?   Quan sát lược đồ và cho biết  C:\Users\Admin\Pictures\tải xuống (7).jpg   * NQ vạch ra kế hoạch đánh địch ra sao * Vị trí quyết chiến mà ông chọn ở đâu?Cách đánh ntn   GV tổ chức cho Hs đóng vai là một vị tướng của NQ để tóm tắt lại kế hoạch đánh giặc của chủ tướng cho binh lính.  C:\Users\Admin\Pictures\220px-Bãi_cọc_cửa_sông_Bạch_Đằng.jpg  ? Kết quả và ý nghĩa của trận Bạch Đằng 938  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs suy nghĩ, thảo luận nhóm để trình bày các ý kiến  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập& sản phẩm học tập của HS.  Liên hệ :  C:\Users\Admin\Pictures\tải xuống (9).jpg  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | | - Tình hình đất nước rối ren, nguy hiểm  - Ngô Quyền tiến vào Đại La, giết Kiều Công Tiễn,khẩn trương chống quân xâm lược  Cách đánh giặc:  -Sai người đem cọc vạt nhọn đầu, bịt sắt đóng ngầm trước ở cửa biển  - Cho thuyền nhỏ, nhẹ ra khiêu chiến  -Nhử thuyền của giặc theo nước triều lên vào vị trí có bãi cọc ngầm  -Chế ngực không cho chiếc thuyền ra thoát.  Kết quả: Quân giặc thua , tướng tử trận  Ý nghĩa: Chấm dứt thời kì Bắc thuộc, mở ra thời kì mới. |

**HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:**HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổchứcthựchiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS: Điền sự kiện vào các mốc thời gian, cho biết tại sao các sự kiện đó lại là bước ngoặt

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:**GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:**Bài làm của HS

**d) Tổ chức thựchiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Tra cứu thông tin hiện nay có những con đường, trường học, di tích…mang tên các anh hùng trong thời kì Bắc thuộc ở nơi em sống.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

BÀI 20. VƯƠNG QUỐC CHAM-PA TỪ THẾ KÌ II ĐẾN THẾ KÌ X

(...tiết)



**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẤU**

*Sau bài học này, giúp HS:*

1. Về kiến thức

- Mô tả được sự thành lập và quá trình phát triển của vương quốc Chăm-pa

- Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Cham-pa.

- Nhận biết được một số thành tựu tiêu biểu của Vương quốc Cham-pa trong lịch sử.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Biết khai thác và phân tích được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

- Biết tìm hiểu, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng tinh thần quý trọng, có ý thức bảo vệ đối với những thành tựu và di sản văn hoá của Cham-pa để lại trong lịch sử.

- Giáo dục tình thẩn tương thân tương ái giữa các cộng đồng người có chung số phận lịch sử và chung lãnh thổ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.

**b) Nội dung**:

**GV:** Yêu cầu học sinh quan sát hình ảnh, và trả lời câu hỏi: Em biết gì về mảnh đất, con người gắn với những hình ảnh đó?

**HS** quan sát hình ảnh, làm việc để trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:**- HS bước đầu phát hiện được đây là hình ảnh gắn liền với nước Cham-pa trong lịch sử của dân tộc ta.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

****

? Quan sát hình ảnh,em biết gì về mảnh đất, con người gắn với những hình ảnh đó?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

**HS:** Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

**B3: Báo cáo, kết quả**

**GV** yêu cầu HS trả lời.

**HS** trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Mục I. Sự ra đời và quá trình phát triển của Vương quốc Chăm-pa**

**a) Mục tiêu**: - Mô tả được sự thành lập và quá trình phát triển của vương quốc Chăm-pa

**b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** GV cung cấp cho HS những tư liệu lịch sử để các em ghép lại thành bức tranh vể quá trình thành lập và phát triển của Chăm-pa. Mỗi tư liệu được viết vào từng mảnh giấy dưới dạng hình ảnh hay chữ viết (lưu ý những chữ in đậm để các em dễ dàng ghép vào trục thời gian).  - Mảnh 1: Dòng sông **Thu Bồn** nay thuộc tỉnh Quảng Nam, di tích **Trà Kiệu** tên trong bi kí là **Shinhapura** (thành phố sư tử - thế kỉ VII - thế kỉ X).   * Mảnh 2: Sách cổ Trung Hoa cũng ghi lại sự kiện năm **192 nhân dân Tượng Lâm nổi dậy chống lại nhà Hán giành độc lập.** * Mảnh 3: Tên gọi **Lâm Ấp** xuất hiện lẩn đầu trong sách cổTrung Quốc ở thế kỉ III. Lâm Ấp nghĩa là vùng đất Tượng Lâm, vùng đất xa nhất vể phía nam của quận Nhật Nam thời thuộc Hán (ba tỉnh thành ngày nay Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định). Tên gọi **Chăm-pa** xuất hiện trong văn bia **cuối thế kỉ VI, đầu thế kỉ VII,** phỏng theo tên một địa phương của Ấn Độ cổ đại.   Nhiểu di tích văn hoá Chăm có mặt ở phía Nam Chăm-pa vào các thế kỉ VIII - IX, như **Ponagar** (Nha Trang, Khánh Hoà); Pô **Shah Inư** (Phan Thiết, Bình Thuận); **Hoà Lai** (Phan Rang, NinhThuận).  ? HS xây dựng trục thời gian quá trình phát triển của vương quốc Chăm-pa theo mốc thời gian trong sơ đổ 20.2 tương ứng với các tư liệu lịch sử cung cấp (Lưu ý HS được yêu cầu lắp ráp các sự kiện bên trên vào dòng thời gian)?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS làm việc theo cặp đôi trả lời  **HS:** Quan sát, phân tích sơ đồ và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS:**- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | - Năm 192, nhân dân huyện Tượng Lâm (quận Nhật Nam) đã nổi dậy lật đổ ách thống trị của nhà Hán, giành độc lập, lập nước Lâm Ấp (sau gọi là Chăm-pa).  - Phát triển qua nhiều giai đoạn, gắn liền với việc di chuyển kinh đô.  - Lãnh thổ dần được mở rộng và thống nhất, trải dài từ phía bắc dãy Hoành Sơn đến vùng sông Dinh, Ninh Thuận ở phía nam. |

**Mục II. Kinh tế và tổ chức xã hội**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Cham-pa.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.

- HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  GV cho HS quan sát hình ảnh 20.3, sơ đổ 20.4.Từ hình ảnh minh họa, HS kể tên được những hoạt động kinh tế chính của cư dân Chăm-pa.  ? Điều kiện tự nhiên đã có tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế của cộng đồng cư dân Chăm-pa xưa?  ? Theo em, hoạt động kinh tế nào quan trọng nhất đối với họ? Tại sao?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang phần **2. Tổ chức xã hội.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Quan sát vào thông tin trong SGK và cho biết:  Dựa vào tư liệu 20.4, em hãy cho biết:   * Xã hội Chăm-pa có những tầng lớp nào? Mô tả công việc của họ. Thứ tự các tầng lớp? * Những thành phẩn nào trong xã hội làm các công việc trực tiếp liên quan đến đền tháp thờ các vị thẩn Hindu giáo?   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS phân tích thông tin và trả lời câu hỏi.  **HS:** HS phân tích thông tin và trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **1. Hoạt động kinh tế**  - Hoạt động kinh tế chính: Trồng lúa nước, chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản xuất hàng thủ công, khai thác các nguồn lợi rùng và biển; buôn bán bằng đường biển.    **2. Tổ chức xã hội.**  - Xã hội nhiều tầng lớp, từ quý tộc đến thường dân. |

**Mục III. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu**

**a. Mục tiêu:** HS ghi nhớ được các thành tựu cơ bản của văn hoá Chăm-pa; giới thiệu được một thành tựu (do HS lựa chọn).

**b. Nội dung:** - GV sử dụng kĩ thuật KWLH để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.

- HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ: Chủ đề là: **Thành tựu văn hoá tiêu biểu của người Cham-pa.**  ? Các nhóm lần lượt hoàn thiện nội dung bảng thông tin sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **K** | **W** | **L** | **H** | |  |  |  |  |   GV hướng dẫn, định hướng học sinh hoàn thiện nội dung yêu cầu.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | **- Chữ viết**  + Sáng tạo ra chữ viết riêng trên cơ sở chữ Phạn (chữ Chăm cổ, thế kỉ IV).  **- Tôn giáo:**  Du nhập Bà La Môn và Phật giáo.  **- Kiến trúc và điêu khắc:** Gắn với các công trình tôn giáo đặc sắc, trở thành di sản văn hoá tiêu biểu (Thánh địa Mỹ Sơn,...).  - **Âm nhạc và múa** để phục vụ các nghi lễ tôn giáo, nên tạo ra một tầng lớp đông đảo nhạc công, vũ nữ. |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**Câu 1:** *Hoạt động kinh tế của cư dân Chăm-pa xưa gắn với biển như thế nào?*

**Câu 2:** *Em hãy nêu những hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Chăm-pa. Hoạt động kinh tế nào ngày nay vẫn được cư dân miền Trung Việt Nam chú trọng?*

**c) Sản phẩm:**

**Câu 1:** GV giúp HS hiểu khái niệm ***cảng Chăm-pa:*** Cửa biển hay cửa sông có đông người tụ họp để buôn bán (khác với thương cảng óc Eo).

Dân cư sống sát biển. Nhiểu di tích thành cũ, di tích giếng Chăm và đền tháp gắn với cuộc sống hằng ngày của cư dân Chăm đều sát biển hay gần những dòng sông xuôi ra biển. Cư dân đánh bắt cá, buôn bán sản vật (trầm hương) với người nước ngoài, thuyển bè qua lại nhiều nên họ trao đổi sản vật. Do vậy, biển khơi đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Chăm-pa xưa.

**Câu 2:** Những hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Chăm:

-Trồng lúa, biết làm đập nước, các loại ruộng trũng, ruộng cao, ruộng chua mặn,...

-Thủ công nghiệp phát triển, đặc biệt là nghề xây tháp và chạm khắc.

* + - 1. - Khai thác lâm sản (trầm hương).

- Đánh cá, cướp biển, trao đổi sản vật ở các cảng biển.

Hoạt động kinh tế ngày nay vẫn được cư dân miền Trung Việt Nam chú trọng là nông nghiệp, đánh cá.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**Câu 1:** *Hoạt động kinh tế của cư dân Chăm-pa xưa gắn với biển như thế nào?*

**Câu 2:** *Em hãy nêu những hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Chăm. Hoạt động kinh tế nào ngày nay vẫn được cư dân miền Trung Việt Nam chú trọng?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

*Những thành tựu văn hoá tiểu biểu nào của Vương quốc Chăm-pa vẫn được bảo tổn đến ngày nay? Di tích văn hoá Chăm nào được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới?*

**c) Sản phẩm:** Di tích văn hoá, đền tháp, nghệ thuật tạo hình, điêu khắc trên chất liệu đá và gạch (Bảo tàng điêu khắc Chăm Đà Nẵng).

Di sản Văn hoá thế giới: Thánh địa Mỹ Sơn

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

*Những thành tựu văn hoá tiểu biểu nào của Vương quốc Chăm-pa vẫn được bảo tổn đến ngày nay? Di tích văn hoá Chăm nào được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***



**Bài 21.VƯƠNG QUỐC CỔ PHÙ NAM**

(… tiết)

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Quá trình thành lập, phát triển và suy vong của Phù Nam.

- Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội của Phù Nam.

- Một số thành tựu văn hóa của Phù Nam.

***2. Về năng lực:***

- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.

- Trình bày được nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.

- Nhận biết được một số thành tựu văn hóa của Phù Nam.

***3. Về phẩm chất:***

- Bồi dưỡng tinh thần yêu quê hương, đất nước, quý trọng những giá trị văn hóa của Phù Nam còn để lại trong lịch sử.

- Nhận thức về chủ quyền ở vùng đất Nam Bộ của đất nước Việt Nam hiện nay có nguồn gốc lâu đời, bản địa từ xa xưa.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  **GV:** Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.  **HS** quan sát hình ảnh, làm việc nhóm để trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm:** - HS chỉ ra được trình độ kĩ thuật, thẩm mĩ của chủ nhân Vương quốc Phù Nam.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chiếu hình ảnh về hiện vật của nền văn hóa Óc Eo và đặt câu hỏi:  A picture containing porcelain  Description automatically generated  ? Cách đây hơn 2000 năm, ở vùng châu thổ sông Cửu Long nước ta đã xuất hiện một nền văn hóa rất đặc sắc – văn hóa Óc Eo. Trên cơ sở đó, một vương quốc cổ đã được hình thành với tên gọi Phù Nam. Hình trên là những hiện vật liên quan đến Vương quốc Phù Nam. Theo em, những hiện vật này chứng tỏ điều gì về chủ nhân của vương quốc cổ này?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.  **HS:** Quan sát, phân tích hình ảnh và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Quá trình thành lập, phát triển và suy vong của Phù Nam** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Đọc thông tin trong mục 1 SGK, em hãy nêu quá trình thành lập, phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời  **HS:**  - Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.  - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh hoạ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | - Địa bàn chủ yếu của vương quốc cổ Phù Nam thuộc Nam Bộ Việt Nam ngày nay.  - Vương quốc cổ Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, gắn với các thành thị nối với nhau thông qua hệ thống kênh rạch chằng chịt đổ ra biển, trong đó thương cảng ở vị trí di chỉ Óc Eo (thuộc An Giang ngày nay) là quan trọng hơn cả.  - Từ thế kỉ III đến thế kỉ IV, Phù Nam là quốc gia phát triển nhất trong khu vực Đông Nam Á.  - Thế kỉ VI, Phù Nam bắt đầu suy yếu và bị Chân Lạp thôn tính.  - Vương quốc Phù Nam sụp đổ vào khoảng đầu thế kỉ VII. |
| **II. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS trình bày được nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  1. Nêu những hoạt động kinh tế chính của cư dân Phù Nam.  2. Kể tên những tầng lớp trong xã hội Phù Nam.  3. Chức năng chính của thành thị Óc Eo là gì? Những tầng lớp cư dân nào trong xã hội cư trú ở Óc Eo trước khi nó sụp đổ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. | **1. Hoạt động kinh tế**  - Phần lớn cư dân Phù Nam sống bằng nghề trồng lúa.  - Nhiều sản phẩm thủ công nghiệp độc đáo thể hiện đặc trưng của vùng văn hóa sông nước vẫn còn tồn tại đến ngày nay.  - Người Phù Nam còn rất giỏi buôn bán. Họ mở cửa giao lưu thương mại, trao đổi sản vật và hàng hóa với thương nhân các nước như Ấn Độ, Trung Quốc, Ả Rập, Mã Lai… Hoạt động buôn bán nhộn nhịp ở các cảng thị, đặc biệt là Óc Eo.  **2. Tổ chức xã hội**  - Xã hội Phù Nam có nhiều tầng lớp: quý tộc, nông dân, thương nhân, thợ thủ công.  - Quý tộc và phần lớn thương nhân, thợ thủ công sống trong các thành thị. Thợ thủ công làm nghề kim hoàn, làm đồ trang sức, tạc tượng, còn thương nhân buôn bán và trao đổi sản vật, hàng hóa. |
| **III. Một số thành tựu văn hóa** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***\* Vòng chuyên sâu (7 phút)***  - Chia lớp ra làm 4 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4…  - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ:  **Nhóm 1, 2**: Tìm hiểu về văn hóa vật chất.  **Nhóm 3, 4**: Tìm hiểu về văn hóa tinh thần.  ***\* Vòng mảnh ghép (8 phút)***  **-** Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III mới… & giao nhiệm vụ mới:  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?  2. Nhận xét về thành tựu văn hóa của Phù Nam.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  ***\* Vòng chuyên sâu***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (8 phút)***  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang phần Luyện tập. | **1. Văn hóa vật chất**  - Người Phù Nam ở nhà sàn, làm nhà, làm nhà trên kênh rạch, xây thành thị ở những vùng đất nổi.  - Họ đi lại chủ yếu bằng mảng, ghe thuyền.  **2. Văn hóa tinh thần**  - Chữ Phạn đã du nhập vào Phù Nam.  - Hin-đu giáo và Phật giáo đều được du nhập từ Ấn Độ và phát triển ở Phù Nam.  - Thế kỉ V – VI, Phật giáo chiếm ưu thế.  - Nhiều pho tượng Phật bằng đủ chất liệu đá, đồng và đặc biệt là gỗ vẫn còn tồn tại đến ngày nay. |

**HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Em hãy xác định các mốc thời gian (theo thế kỉ) trong sơ đồ bên dưới về quá trình hình thành, phát triển và sụp đổ của vương quốc Phù Nam.

Timeline

Description automatically generated

Bài tập 2: Tổ chức xã hội của Phù Nam có gì giống và khác so với tổ chức xã hội của Champa?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của bài tập và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu yêu cầu và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài tìm hiểu của HS (HS chỉ ra những nét văn hóa của cư dân Phù Nam xưa còn được lưu giữ trong đời sống của cư dân Nam Bộ hiện nay).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Tìm hiểu về những nét văn hóa của cư dân Phù Nam xưa còn được lưu giữ trong đời sống của cư dân Nam Bộ hiện nay.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của bài tập.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**DANH SÁCH THẦY (CÔ) THAM GIA DỰ ÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên người soạn** | **KNTT với CS** | **CTST** | **Cánh Diều** |
| 1 | Hoàng Thị Hà | **Bài 1,2,3** | **Bài 1,2** | **Bài 1,2** |
| 2 | Trần Thị Quỳnh Nga | **Bài 4** | **Bài 3** | **Bài 3** |
|  | Bùi Thị Thu | **Bài 5** | **Bài 4** | **Bài 4** |
| 3 | Phạm Thị Ngân | **Bài 6** | **Bài 5** | **Bài 5** |
| 4 | Nguyễn Thị Lan | **Bài 7** | **Bài 6,7** | **Bài 6** |
| 5 | Đỗ Thị Thu Trang | **Bài 8** | **Bài 8** | **Bài 7** |
| 6 | Lê Thị Thu Huyền | **Bài 9** | **Bài 9** | **Bài 8** |
| 7 | Phan Thị Hoa Lý | **Bài 10** | **Bài 10, 11** | **Bài 9** |
| 8 | Nguyễn Thị Hiền | **Bài 11,12,13** | **Bài 12,13** | **B10, 11** |
| 9 | Lê Thị Thanh Thuỷ |
| 10 | Bùi Thị Thu Huyền | **Bài 14** | **Bài 14, 15** | **Bài 12, 13** |
| 11 |  | **Bài 15** | **Bài 16** | **Bài 14** |
| 12 | Trương Văn Trung | **Bài 16,17** | **Bài 17,18** | **Bài 15,16** |
| 13 | Nguyễn Thị Thanh Hải | **Bài 18** | **Bài 19** | **Bài 17** |
| 14 | Vũ Văn Thạo | **Bài 19** | **Bài 20** | **Bài 18** |
| 15 | Trần Thị Nhẫn | **Bài 20** | **Bài 21** | **Bài 19** |